

KINH
PHÁP CÚ THÍ DỤ

Kính Pháp cú thí dụ

Hán dịch: Sa-môn Pháp Cự và Pháp Lập

Việt dịch: Thiện Thuận, Nguyên Trang

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

LỜI ĐẦU SÁCH

Pháp cú thí dụ là quyển kinh thứ 211 thuộc bộ Bản duyên trong *Đại chánh tân tu Đại tạng kinh*.

Kinh này nguyên bản tiếng Phạn do hai vị sa-môn Pháp Cự và Pháp Lập dịch sang tiếng Trung Quốc vào đời Hán. Toàn bộ tác phẩm gồm có 41 phẩm, đầu tiên là phẩm Vô thường và cuối cùng là phẩm Cát tường.

Như tên gọi của kinh, *Pháp cú thí dụ* là những bài pháp ngắn, thông qua các câu chuyện sinh động và thú vị nói về nhân quả, thiện ác liên hệ trực tiếp đến đời sống tu tập của hàng tại gia và xuất gia. Khác với lối trình bày của các quyển kinh *Pháp cú* khác đều nêu ra bài kệ pháp rồi giải thích bằng hình ảnh, chứng minh bằng sự việc, kinh *Pháp cú thí dụ* này lại đưa ra những hình ảnh rất gần gũi bình dị và sau đó là lời giải thích hoặc một bài kệ pháp kết lại để nhằm thức tỉnh mọi người nhận chân được sự đổi thay sinh diệt của sự vật mà không còn mê muội chấp trước. Từ đó, mọi người sẽ tìm cho mình một hướng đi giải thoát đích thực.

Bộ kinh này do hai đại đức Thích Thiện Thuận và Thích Nguyên Trang, thành viên của Trung tâm Dịch thuật Hán nôm Huệ Quang chuyển ngữ từ Hán sang Việt. Tuy hai vị đã gia tâm cố gắng nhưng khó tránh khỏi sai sót, mong chư vị thiện hữu tri thức bỏ lỗi và chỉ giáo cho.

Huệ Quang, ngày 28 tháng 05 năm 2013

Tỳ-kheo **Thích Minh Cảnh**

QUYỂN 1

VÔ THƯỜNG

1. ĐẾ THÍCH VÀ KIẾP LỬA

Thuở xưa, khi Đế Thích¹ đang trị vì ở cõi trời Đao-lợi, một hôm, ông cảm thấy năm tướng suy hao² hiện ra trên thân, tự biết sau khi chết sẽ đầu thai vào bụng con lừa cái của nhà người thợ gốm dưới trần gian. Điều đó nhắc nhở Đế Thích biết phước đức của mình đã hết nên ông vô cùng lo lắng đau buồn, trầm nghĩ: “*Trong ba cõi, chỉ có đức Phật mới có khả năng cứu chúng sanh thoát khỏi cảnh khổ!*”.

Thế là, Đế Thích vội vã đến núi Kỳ-xà-quật³ gặp đức Phật.

1. **Đế Thích** 帝釋 (Đế thích thiên 帝釋天; S: Śakra Devānām-indra; Cg: Thiên Đế Thích, Thiên chủ): vua cõi trời Đao-lợi.

2. **Năm tướng suy hao**: ánh sáng trên thân bị mất, hoa trang sức trên đầu khô héo, không thích ngồi chỗ của mình, nách tiết ra mồ hôi, bụi đất bám đầy thân.

3. **Kỳ-xà-quật** 耆闍崛 (S: Gṛdhrakūṭa; Cg: Kỳ-xà-đa sơn; Hd: Linh Thứu sơn): núi ở phía đông bắc thành Vương Xá, thủ đô nước Ma-kiệt-đà, thuộc Trung Ấn Độ, là nơi đức Phật thường đến thuyết pháp.

Lúc Đế Thích đến, đức Phật đang nhập Phổ tế tam-muội trong hang đá. Nhìn thấy uy nghi trang nghiêm thanh tịnh của đức Phật, Đế Thích sụp xuống đánh lễ sát đất, chí thành phát tâm quy y Tam bảo⁴. Trong khoảnh khắc chí thành cúi mình trước đức Phật, ông an nhiên qua đời, thần thức liền đầu thai vào bụng con lừa của nhà thợ gốm. Ngay khi ấy, lừa mẹ bứt dây, tuông chạy vào phòng đồ gốm chưa nung, phá vỡ nhiều đồ gốm. Ông chủ giận dữ đuổi đánh, khiến lừa bị sảy thai. Thần thức ấy liền nhập trở lại thân cũ, năm tướng phước đức đầy đủ, tiếp tục làm Thiên Đế Thích.

Khi ấy, đức Phật xuất định và khen ngợi Đế Thích:

- Lành thay, Đế Thích! Ngay bên ranh giới sống chết mong manh và đọa lạc, ông đã biết quy y Tam bảo, khiến cho tội chướng tiêu tan, không còn khổ đau nữa.

Khen xong, đức Phật dạy Đế Thích bài kệ:

*Chư hành⁵ đều vô thường
Là pháp có thịnh suy
Có sinh rồi biến hoại
Tịch diệt là an vui.
Cũng như người thợ gốm
Nặn đất thành đồ dùng
Tất cả sẽ vỡ tan
Mạng người cũng thế thôi!*

Nghe bài kệ, Đế Thích biết rõ quy luật vô thường, thông suốt sự biến chuyển của tội phước, thấu rõ cội nguồn của thịnh suy, cho nên ông noi theo hạnh tịch diệt⁶, vui mừng tu tập, và đắc quả Tu-đà-hoàn⁷.

4. **Tam bảo** 三寶 (S: tri-ratna, ratha-traya): ba ngôi báu Phật, pháp, tăng.

5. **Sở hành** 所行 (S: saṃskāra): pháp hữu vi, bởi vì pháp hữu vi là do nhân duyên tạo thành, nên tất cả pháp vô thường, cùng nghĩa với hành trong “Chư hành vô thường” và hành uẩn trong ngũ uẩn.

6. **Tịch diệt** 寂滅 (S: vyupāsama): vượt qua sinh tử, tiến vào cảnh giới vô vi rỗng lặng, xa lìa thế giới mê hoặc, được niềm an vui tối thượng.

7. **Tu-đà-hoàn** 須陀洹 (S: srota-āpanna; Cd: Nhập lưu; Td: Dự lưu): thánh quả đầu tiên

2. QUÀ CHO NGƯỜI RA ĐI

Thuở xưa, thời vua Ba-tư-nặc⁸ đang trị vì.

Năm ấy, hoàng thái hậu mẹ vua Ba-tư-nặc đã hơn chín mươi tuổi, đột ngột lâm bệnh nặng, thầy giỏi thuốc hay đều không trị khỏi nên bà đã qua đời. Nhà vua và thần dân đã cử hành quốc tang theo nghi thức truyền thống, rồi đưa thi hài bà đến nơi an nghỉ cuối cùng. Tang lễ vừa xong, mọi người liền đến tỉnh xá Kỳ Viên⁹, thành Xá-vệ¹⁰ diện kiến đức Phật. Hôm ấy đức Phật đang thuyết pháp cho chư thiên, người, rồng, quỷ thần. Đến nơi, mọi người cời tang phục, đi chân trần vào đánh lễ Phật.

Đức Phật bảo mọi người ngồi và hỏi vua:

- Đại vương từ đâu đến, sao y phục xốc xếch, tinh thần ảo não, sắc diện khác thường như vậy?

Nhà vua cúi đầu thưa:

- Bạch đức Thế Tôn! Mẹ con tuổi ngoài chín mươi, đột ngột lâm trọng bệnh và đã qua đời. Con vừa tổ chức tang lễ và tiễn đưa linh cữu mẹ đến nơi an nghỉ cuối cùng, nên hôm nay mới đến diện kiến đức Thế Tôn.

Đức Phật an ủi nhà vua:

- Nay đại vương, xưa nay người sống trên đời không ai mà không trải qua bốn điều đáng sợ nhất đó là sanh, già, bệnh và chết. Con người đã sanh ra thì sẽ có ngày già nua, rồi bệnh tật, nhan sắc phai tàn, và cuối cùng đón nhận cái chết thảm khốc, khi ấy thần thức ra đi, vĩnh biệt người thân cùng cuộc đời. Bốn điều

trong bốn thánh quả của Thanh văn thừa, tức quả vị đạt được do đoạn hết kiến hoặc.

8. **Vua Ba-tư-nặc** (Ba-tư-nặc vương 波斯匿王; S: Prasenajit; Hd: Thắng Quân vương...): quốc vương nước Kiền-tát-la ở Trung Ấn Độ, ngự ở thành Xá-vệ, thống lĩnh nước Ca-thi. Ông sống cùng thời với đức Phật Thích-ca và là vị đại ngoại hộ cho giáo đoàn đức Phật.

9. **Kỳ-viên** 祇園: (S: Jetavana; Cg: Kỳ-Hoàn, Kỳ Thọ, Kỳ Thọ Cấp Cô Độc Viên): tỉnh xá do trưởng giả Cấp Cô Độc và thái tử Kỳ-đà dâng cúng.

10. **Thành Xá-vệ** (Xá-vệ thành 舍衛城; S: Śrāvastī; Cg: Xá-bà-đề quốc...): là kinh đô của nước Kiền-tát-la, một vương quốc cổ ở Trung Ấn Độ.

đáng sợ này không hẹn cùng ai, vạn vật đều vô thường, không thể tồn tại mãi. Mạng sống con người cũng lặng lẽ, nhanh chóng qua đi như một ngày chóng tàn, như nước năm sông cứ âm thầm tuôn chảy.

Đức Thế Tôn bèn nói kệ:

*Như nước sông cuộn chảy
Một dòng tí múi trôi
Mạng người cũng thế trôi
Ra đi không trở lại.*

Đức Phật dạy tiếp:

- Đại vương! Cuộc đời vốn là như vậy, ngắn ngủi vô cùng và tuyệt vọng, không một ai thoát khỏi bàn tay hung tàn của thần chết. Từ ngàn xưa, dù là vua chúa, chư Phật, chân nhân¹¹, tiên nhân chứng ngũ thông¹² đều không ai sống mãi đến ngày nay. Đại vương đừng quá đau buồn mà ảnh hưởng đến long thể. Là người con hiếu thảo biết thương người đã mất thì phải tạo phước bồi đức, hồi hướng phước đức giúp đỡ người ra đi, như chuẩn bị lương thực gởi cho người thân trên chuyến hành trình xa.

Nghe những lời dạy ân cần của đức Phật, nhà vua và quần thần đều vui mừng, quên hết buồn đau. Tất cả những người có mặt đều thấu hiểu đạo lý vô thường.

3. ĐÀN BÒ VÔ TRI

Thuở xưa, lúc đức Phật ở tại Trúc Viên¹³, trong thành La-duyệt-kỳ¹⁴.

11. **Chân nhân** 真人: Tên gọi khác của A-la-hán.

12. **Ngũ thông** 五通 (S: pañcābhijñā): năm năng lực siêu việt tự nhiên đạt được do tu bốn tĩnh lự căn bản, gồm: thiên nhĩ thông, thiên nhãn thông, túc mạng thông, tha tâm thông, thần túc thông.

13. **Trúc Viên** 竹園: chỉ cho Trúc Lâm tinh xá (Cg: Ca-lan-đà trúc lâm 迦蘭陀竹林; S: Veṇuvana-kalandakanivāsa): vườn tre ở phía bắc thành Vương Xá, nước Ma-kiệt-đà, thuộc Trung Ấn Độ. Tương truyền chim Ca-lan-đà thích đậu ở khu vườn này, nên có tên như vậy. Vườn tre này của vua Tần-bà-sa-la nước Ma-kiệt-đà cúng cho Phật.

14. **La-duyệt-kỳ** 羅閱祇 (S: Rājagṛha): dịch âm tiếng Phạn, tức thành Vương Xá.

Một hôm, đức Phật cùng các đệ tử nhận lời thỉnh vào thành thọ trai thuyết pháp. Xế chiều, Ngài cùng đệ tử rời thành trở về tinh xá. Trên đường, Ngài gặp một người lừa đàn bò lớn vào thành. Đàn bò mập mạp no tròn, chạy nhảy, húc nhau đùa giỡn. Thấy vậy, Ngài nói kệ:

*Người cầm roi trong tay
Chấn bò mập giết ngay
Người nuôi thân mập khỏe
Già chết đến nào hay.
Tất cả chúng sanh đây
Dòng tộc nam nữ thầy
Tích chứa nhiều của cải
Thần chết chẳng nương tay.
Thời gian qua một ngày
Mạng sống giảm theo ngay
Đến khi tuổi thọ hết
Như giếng cạn lâu ngày.*

Về đến tinh xá Trúc Viên, đức Phật rửa chân xong, trải tọa cụ ngồi chánh niệm. Tôn giả A-nan¹⁵ đến trước đức Phật cúi đầu thưa:

- Bạch đức Thế Tôn! Vừa rời trên đường, đức Thế Tôn nói ba bài kệ, con không hiểu hết ý nghĩa, cúi xin Ngài chỉ dạy!

Đức Phật hỏi tôn giả A-nan:

- Thầy có thấy người lừa đàn bò không?

A-nan thưa:

- Bạch Thế Tôn! Con thấy.

Đức Phật bảo A-nan:

- Đàn bò của người đồ tể này vốn cả nghìn con. Mỗi ngày ông ta đều sai người lừa bò ra ngoài thành, tìm nơi nước trong, cỏ non nuôi bò mập mạp, rồi mỗi ngày chọn một con to mập nhất đem làm thịt. Đến nay số bò bị giết đã hơn

15. A-nan 阿難 (S: Ānanda; Cg: A-nan-da; Hd: Khánh Hỷ...): vị đệ tử đa văn đệ nhất, một trong mười đệ tử lớn và cũng là em chú bác của đức Phật.

phân nửa mà những con bò còn lại không hề hay biết, vẫn cứ húc nhau, chạy nhảy, kêu rống. Vì thương đàn bò vô tri, ta mới nói bài kệ đó.

A-nan! Đâu phải chỉ có đàn bò mới như vậy, mà con người cũng thế, cứ chấp chặt vào bản ngã¹⁶, không hiểu lẽ vô thường, tham đắm ngũ dục¹⁷ nuôi dưỡng thân xác, thỏa mãn tâm ý, tàn hại lẫn nhau. Một khi vô thường đột ngột đến, mù mịt chẳng hay, nào khác gì đàn bò kia!

Lúc ấy, trong chúng hội có hai trăm vị ti-kheo¹⁸ tham đắm lợi dưỡng, nghe bài pháp này liền nỗ lực tu tập, không bao lâu có được lục thông¹⁹, chứng quả A-la-hán²⁰. Đại chúng đều vui mừng, đánh lễ đức Phật.

4. LÁ VÀNG KHÓC LÁ XANH RƠI

Thuở xưa, thời đức Phật còn tại thế, ở nước Xá-vệ, có Phạm chí nọ chỉ sanh được một đứa con gái duy nhất. Năm mười bốn, mười lăm tuổi, cô bé trở thành một thiếu nữ xinh đẹp tuyệt trần, lại thông minh và rất giỏi lý luận. Phạm chí rất mực thương yêu đứa con quý này. Nhưng bất hạnh thay, cô bé đột ngột phát bệnh nặng rồi qua đời; lại thêm vụ mùa năm đó lúa vàng bông trĩu hạt tự nhiên bị hòa hoạn cháy rụi. Bất ngờ hứng chịu hai tai họa thảm khốc, Phạm chí đau buồn tột độ, tinh thần bấn loạn dờ dẩn như người điên dại, không sao giải tỏa được, khiến ông vô cùng tuyệt vọng.

Nghe mọi người truyền nhau đức Phật là bậc đại thánh, thầy của trời người, Ngài có khả năng giảng giải đạo lý khiến người nghe quên hết ưu phiền, thoát

16. Ngã 我: chấp thân mình có chủ thể thường trụ.

17. Ngũ dục 五欲: năm thứ ham muốn. Đó là ham muốn của cái, ham muốn sắc đẹp thể gian, ham muốn ăn uống, ham muốn tiếng tăm, ham muốn ngủ nghỉ.

18. Ti-kheo 比丘 (S: bhikṣu; Cg: bí-sô; Hd: khát sĩ, bố ma...): người nam xuất gia thọ giới cụ túc, một trong năm chúng đệ tử xuất gia của Phật.

19. Lục thông 六通 (S: ṣaḍ abhijñāḥ): sáu năng lực thù thắng của bậc thánh Tam thừa: thần cảnh thông, thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, tha tâm thông, túc mạng thông, lậu tận thông.

20. A-la-hán 阿羅漢 (S: arhat; Hd: ứng cúng, sát tặc, vô sinh...): bậc thánh đã đoạn hết kiến hoặc, tư hoặc trong ba cõi, chứng đắc tận trí, xứng đáng nhận tất cả sự cúng dường của thế gian.

được tai họa, Phạm chí liền tìm đến Kỳ-viên gặp đức Phật. Trong thời gian này, đức Phật ở đây thuyết pháp cho hàng đệ tử. Đến nơi, Phạm chí thành kính đánh lễ, quỳ thẳng thưa:

- Bạch đức Thế Tôn! Con vốn hiếm muộn, chỉ có một đứa con gái duy nhất nên hết mực thương yêu; nhờ đó mà quên đi mọi ưu phiền trong cuộc sống, nhưng nó đột ngột lâm bệnh nặng rồi bỏ con ra đi vĩnh viễn. Trời sanh ra thứ tình cảm cha con sâu nặng, nên con vô cùng đau khổ. Cúi xin đức Thế Tôn thương xót chỉ dạy cho con cách giải tỏa nỗi đau này!

Đức Phật bảo Phạm chí:

- Trên đời có bốn điều không thể tồn tại mãi: có thường thì có vô thường, có giàu sang thì có nghèo hèn, có sum họp thì có chia ly, có khỏe mạnh thì có già chết.

Đức Thế Tôn bèn nói kệ:

*Có thường thì có diệt
Gặp đây mai cách biệt
Lên cao rồi xuống thấp
Sanh tử lẽ thường nhiên.*

Nghe kệ xong, Phạm chí tỏ ngộ, thấy lòng thanh thản vô bờ, nên xin đức Phật xuất gia làm ti-kheo. Vừa thưa xong, râu tóc Phạm chí tự rụng, trở thành ti-kheo, và nhờ quán chiếu tư duy vô thường, ông đắc quả A-la-hán.

5. SẮC ĐẸP CHÓNG TÀN

Thuở xưa, thời Phật còn tại thế, trong kinh thành La-duyet-kỳ có kỹ nữ Liên Hoa nhan sắc tuyệt trần, trong nước không ai sánh bằng, là người mà biết bao con em các bậc đại thần mong muốn được đem sính lễ cầu hôn. Một hôm thiện tâm phát khởi, cô muốn từ bỏ cuộc sống trần tục, xuất gia làm ti-kheo-ni²¹. Thế là cô quyết định vào núi Kỳ-xà-quật gặp đức Phật.

Giữa đường gặp một dòng suối, Liên Hoa cúi xuống rửa tay, vốc nước uống. Qua làn nước trong xanh, nàng thấy làn da mặt ửng hồng tươi sáng, mái tóc

21. Ti-kheo-ni 比丘尼 (S:Bhikṣuṇī, Hđ: Khất sĩ nữ): người nữ xuất gia thọ giới cụ túc.

đen huyền, thân hình thon thả, xinh đẹp tuyệt trần, nên sanh tâm hối hận: “*Mình sanh ra trong cuộc đời, có được tám thân kiêu diễm như vậy, tại sao lại từ bỏ để làm sa-môn²² sống đời cô tịch? Ta nên thuận theo thời, mặc sức vui chơi cho thỏa kiếp nhân sinh*”. Nghĩ xong, cô ta quay trở về.

Bấy giờ đức Thế Tôn đang ở trong núi Kỳ-xà-quật, biết Liên Hoa đáng được hóa độ, nên Ngài hóa thành một giai nhân tuyệt thế, hơn Liên Hoa gấp nghìn vạn lần, đang thong thả đi về ở đoạn đường phía trước. Vừa nhìn thấy thiếu nữ xinh đẹp kia, Liên Hoa đã sanh lòng quý kính ngưỡng mộ, liền lân la thăm hỏi muốn ngỏ ý làm quen:

- Này chị, chị từ đâu đến? Chồng con, anh em, nội ngoại ở đâu, sao không ai đi cùng mà phải một mình lẻ bóng thế này?

Người phụ nữ xinh đẹp đáp:

- Tôi từ trong thành ra, đang muốn trở về nhà. Tuy không quen nhau, nhưng cùng chung lối, chúng ta đến bờ suối kia cùng nghỉ mệt và nói chuyện được không?

Liên Hoa đồng ý. Hai người dắt tay nhau đến bên bờ suối kia ngồi nghỉ và tâm tình mọi uẩn khúc. Chuyện đã dài, người phụ nữ kia buồn ngủ, nên gối đầu lên chân Liên Hoa ngủ ngon lành. Nhưng giấc mộng điệp vừa chớm thì cô đột nhiên tắt thở, thân thể sinh trương hôi thối, dòi trùng từ trong bụng bò ra, răng tóc rơi rụng, tay chân đầu mình đều rệu rã. Mọi chuyện diễn ra nhanh chóng ngay trước mắt, khiến Liên Hoa rợn người kinh hãi thốt lên: “*Tại sao một người quá xinh đẹp mà bỗng chốc biến thành như vậy? Cô ta còn thế, thân thể mình tồn tại được sao? Mình phải đến gặp đức Phật, siêng năng học đạo thôi!*”.

Thế là Liên Hoa vội vàng đến gặp đức Phật, thành kính đánh lễ rồi kể cho Phật nghe những điều cô vừa chứng kiến.

Đức Phật dạy:

- Con người có bốn điều không thể nương tựa. Đó là trẻ rồi sẽ già, khỏe

22. **Sa-môn** 沙門 (S: śramaṇa, Hđ: Tu đạo, Tịnh chí...): người xuất gia cạo bỏ râu tóc, dứt bỏ các điều ác, khéo điều hòa thân tâm, siêng năng làm các việc thiện để mong đạt đến niết-bàn.

mạnh rồi bệnh chết, thân quyến sum họp rồi ly biệt, của cải cất chứa rồi cũng tiêu tan.

Đức Thế Tôn bèn nói kệ:

*Già dung nhan úa nhàu
Thêm bệnh thân tàn mau
Khi hình hài sức kiệt
Thân chết đến theo sau.
Thân này tốt ở đâu
Toàn tiết chất dơ xấu
Bệnh tật tra tấn mãi
Già chết đến liền nhau.
Sống chẳng biết đổi thay
Chỉ thêm nhiều sai trái
Ham muốn cho thỏa lòng
Thân chết đến nào hay.
Nào mẹ cha nội ngoại
Anh em cùng con cái
Thân chết đến bất ngờ
Biết nương cậy vào ai?*

Liên Hoa nghe bài pháp quý báu này, vui mừng tỏ ngộ, quán chiếu thân như huyễn hóa, mạng sống vô thường, chỉ có đạo đức, nê-hoàn²³ là an vui vĩnh viễn. Thế là cô liền quỳ trước đức Phật xin được làm tì-kheo-ni. Đức Phật dạy: “Lành thay!” Ngay khi ấy tóc trên đầu Liên Hoa tự rụng, cô trở thành tì-kheo-ni, từ duy chỉ quán²⁴, đắc quả A-la-hán. Đại chúng nghe đức Phật nói pháp, ai cũng hoan hỷ vâng lời.

23. Nê-hoàn 泥洹 (S: nirvāṇa; Cg: nê-hoàn; Hd: tịch diệt): chỉ cho sự diệt tận lửa phiền não, đạt đến cảnh giới giác ngộ.

24. Chỉ quán 止觀 (chỉ 止, S: śamatha; quán 觀, S: vipaśyanā; Cg: tịch chiếu): ngừng dứt các vọng hoặc và phát sanh trí tuệ. Đây là một trong nhiều pháp môn tu hành trọng yếu của Phật giáo.

6. CHẠY TRỐN THẦN CHẾT

Thuở xưa, ở kinh thành Vương Xá có bốn anh em nhà Phạm chí nọ đều chứng ngũ thông. Biết bảy ngày sau mình sẽ chết, họ bàn với nhau: “*Năng lực của ngũ thông có thể xoay chuyển trời đất, chụp bắt mặt trời mặt trăng, dời núi lấp biển, có chuyện gì mà làm không được, lẽ nào chúng ta không thể tránh được cái chết này sao?*”.

Người thứ nhất nói:

- Ta sẽ lặn vào giữa lòng biển, không ngoi lên mặt nước cũng không sát đáy, quý dữ vô thường làm sao biết ta đang ở đâu.

Người thứ hai nói:

- Ta sẽ trốn vào giữa núi Tu-di²⁵ rồi khép kín núi lại không để hở một khoảng trống nào, quý dữ vô thường làm sao biết được chỗ của ta.

Người thứ ba nói:

- Ta sẽ bay lên trốn giữa hư không mênh mông, quý dữ vô thường đâu thể tìm thấy được.

Người thứ tư nói:

- Còn ta sẽ trốn vào giữa chợ đông người, quý dữ vô thường chắc gì tìm được!

Bàn xong, bốn người kéo nhau đến từ biệt nhà vua:

- Muôn đại vương! Tuổi thọ của chúng tôi tính ra chỉ còn bảy ngày nữa thôi, nên chúng tôi muốn đi trốn thần chết, với hi vọng thoát được trở về. Vì vậy, hôm nay đặc biệt đến đây thăm và từ biệt, kính mong đại vương ban ân.

Thế rồi, bốn người từ biệt ra đi, mỗi người đến nơi đã dự tính. Nhưng sau bảy ngày thì cả bốn người đều chết, như trái cây chín rụng xuống đất.

Một hôm, quan quản lý chợ đến tâu nhà vua có một Phạm chí vừa chết trong chợ. Vua chợt nhớ ra: “Bốn người nói đi trốn thần chết, một người đã chết, ba người kia lẽ nào thoát được?”. Sau đó, vua liền ra lệnh chuẩn bị xe ngựa đến

25. **Tu-di** 須彌 (Sumeru): là ngọn núi trong thần thoại Ấn Độ, được Phật giáo sử dụng, cho rằng đây là ngọn núi cao đứng sừng sững ở chính giữa một tiểu thế giới.

Trúc Viên gặp đức Phật. Hôm ấy đức Phật đang thuyết pháp cho chúng hội. Đến nơi, nhà vua thành kính đánh lễ đức Phật, rồi ngồi qua một bên thưa:

- Bạch đức Thế Tôn! Gần đây có bốn anh em Phạm chí đều chứng ngũ thông, tự biết mình không còn sống bao lâu nữa, nên cùng đi trốn thần chết, không biết bây giờ họ có thể thoát được không?

Đức Phật dạy:

- Đại vương! Trên đời có bốn việc con người không thể thoát được: một, còn thân trung ấm²⁶ phải chịu tái sanh; hai, sanh ra phải chịu già yếu; ba, già rồi phải chịu bệnh hoạn; bốn, bệnh rồi phải chịu chết.

Sau đó, đức Thế Tôn nói kệ:

*Dù hư không, biển cả
Hay trốn vào hang đá
Không một nơi chốn nào
Thần chết chịu buông tha
Người tạo nghiệp là ta
Hôm nay phải gặt quả
Người bị nó quấy nhiễu
Già chết nào bỏ qua
Biết vậy tâm an hòa
Sanh tử sẽ tránh xa
Tì-kheo dẹp quân ma
Thoát sanh tử Ta-bà.*

Đức Phật nói xong, nhà vua liền khen ngợi:

- Lành thay! Đúng như lời Thế Tôn chỉ dạy, bốn người tránh nạn, một người đã chết thì ba người kia cũng thế thôi, vì duyên số có phần.

Quần thần trong triều theo nhà vua tham dự pháp hội đều kính tin và ghi nhận lời Phật dạy.

26. **Trung ấm** 中陰 (Cg: trung hữu 中有): thân tồn tại trong khoảng thời gian chết đây sanh kia.

Phẩm 2

DẠY HỌC

1. TÌ-KHEO MÊ NGỦ

Thuở xưa, đức Phật ở tại tinh xá Kỳ Viên, thành Xá-vệ.

Một hôm, ngài dạy các tì-kheo:

- Các thầy phải siêng năng tu tập, trừ bỏ ám cái²⁷, tâm ý sáng suốt định tĩnh thì mới tránh được đau khổ.

Khi ấy, trong chúng có một tì-kheo tối dạ, kém hiểu biết, hễ ăn no là vào phòng đóng cửa nằm ngủ, yêu quý thân thể, thoải mái tâm hồn, không hề để tâm đến vô thường, suốt ngày đêm cứ thảnh thờ biếng nhác.

Đức Phật biết bảy ngày sau tì-kheo ấy sẽ mất, và thương tì-kheo sẽ堕 vào đường ác, nên Ngài vào phòng gọi tì-kheo dậy:

Dậy đi! Sao ngủ mãi?

Như rận, một, sò, trai

27. Ám cái 陰蓋 (Cg: ngũ ám 五陰, ngũ cái 五蓋; S: pañca-skandha): năm sự tích tụ tạo thành sắc thân: sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn.

Vật bọc đồ bất tịnh
 Sao mê chấp thân hoại.
 Nếu thân này bị thương
 Tâm đón đau khôn lường
 Thân là ổ họa tai
 Sao cứ hoài ôm giữ
 Biết nghĩ, thôi phóng dật
 Làm người học đạo mau
 Từ nay không sầu lo
 Chánh niệm tâm tĩnh lặng
 Chánh kiến tỉnh giác tăng
 Nguồn sáng cho thế gian
 Phước đức tăng hằng hà
 Đường ác thôi vào ra.

Nghe kệ, ti-kheo giật mình tỉnh ngủ, thấy đức Phật đích thân chỉ dạy nên càng thêm kính sợ, nín lặng, đứng dậy cúi đầu đánh lễ Ngài.

Đức Phật dạy:

- Thầy có biết đời trước của mình không?

Ti-kheo đáp:

- Bạch đức Thế Tôn! Con bị vô minh ngăn che nên thật sự không biết được.

Đức Phật dạy:

- Thuở quá khứ, thời đức Phật Duy-vệ, thầy từng xuất gia, nhưng tham đắm lợi dưỡng, chẳng màng đến kinh luật, ăn no liền lăn ra ngủ, chẳng màng nghĩ tới cảnh vô thường. Sau khi chết, thần hồn của thầy sanh làm con rắn sống năm chục nghìn năm, chết đi lại sanh làm con trai, con sò, sấu một trong thân cây, mỗi loại sống năm chục nghìn năm. Bốn loại côn trùng này suốt đời sống trong bóng tối, lại ham sống lâu, tham đắm thân thể, thích ở chỗ tối tăm, chọn bóng tối làm nhà, không ưa nơi sáng sủa; mỗi lần ngủ thì một trăm năm mới thức dậy, bị trói trong lưới tội chẳng mong ra khỏi. Đời này vừa hết tội, liền được làm sa-môn, vậy tại sao thầy cứ ngủ mãi không biết chán?

Được nghe nhân duyên đời trước, ti-kheo sợ hãi, ăn năn tự trách, quét sạch mây ngũ cái, liền chứng quả A-la-hán.

2. TÂM TỊNH TÌNH DỨT

Thuở xưa, đức Phật ở tại Kỳ Thọ Cấp Cô Độc Viên, nước Xá-vệ, thuyết pháp cho bốn chúng và trời, người.

Lúc đó, trong chúng đệ tử có một thầy ti-kheo trẻ, đầu óc chậm lụt, khờ khạo quê mùa, không thông hiểu đạo lý, lại nặng về tình cảm nam nữ, luôn nghĩ đến tình dục, lòng ham muốn rất mãnh liệt, không thể kiềm chế được. Vì vậy, thầy luôn bị phiền não dày vò, không thể đạt được niềm vui trong đời sống xuất thế. Một hôm, thầy suy nghĩ: *“Nếu ta cắt bỏ nam căn²⁸ thì sau này tâm hồn sẽ thanh tịnh, có thể đạt được đạo quả”*. Nghĩ vậy, thầy liền đến nhà cư sĩ mượn chiếc búa mang về, rồi vào phòng đóng cửa lại, cởi hết y phục, ngồi lên tấm ván, muốn cắt bỏ nam căn. Thầy ngồi thẳng suy nghĩ: *“Do cái này mà ta phải khổ đau, trôi lăn trong sanh tử biết bao số kiếp, lên xuống ba nẻo²⁹ sáu đường³⁰ đều do sắc dục³¹, không cắt bỏ nó đi thì không có cơ hội đắc đạo”*.

Đức Phật biết ti-kheo do tâm ý ngu si nên mới nghĩ và làm như vậy. Vì đạo phải do điều phục tâm mà đạt, tâm là cội nguồn của tất cả. Ti-kheo không biết làm như thế sẽ chết, tự hại đời mình, gây ra tội lỗi, chịu nhiều đau khổ. Thương ti-kheo trẻ nông cạn, đức Thế Tôn liền đến gõ cửa phòng, hỏi ti-kheo:

- Thầy định làm gì đó?

Ti-kheo hốt hoảng bỏ búa, mặc y phục vào, đánh lễ đức Phật và thưa:

- Bạch đức Thế tôn! Con học đạo đã lâu mà chưa tỏ ngộ giáo pháp, mỗi lần ngồi thiền sắp đắc đạo đều bị dục tình vây phủ, ham muốn trỗi dậy, tâm tánh mê mờ, trôi dạt đảo lộn, luôn tự trách dày vò, nghĩ là mọi chuyện đều do nam căn phát khởi. Vì vậy, con mượn búa về muốn cắt bỏ nó đi.

Đức Phật bảo:

28. Nam căn: bộ phận sinh dục nam.

29. Ba nẻo (三塗 tam đồ): địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh.

30. Sáu đường (六趣 lục thú): địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a-tu-la, người và trời.

31. Sắc dục 色欲: một trong năm dục, đó chính là ái dục giữa nam và nữ trong cõi người.

- Sao thầy mê muội không hiểu đạo lý! Người muốn cầu đạo, trước phải đoạn ngu si rồi sau mới điều phục tâm. Tâm là nguồn gốc của thiện ác, muốn đoạn căn thì trước phải điều phục tâm, tâm định ý sáng thì sẽ đắc đạo.

Đức Thế Tôn nói kệ:

*Học đạo trước trừ si
Làm chủ tâm thiện ác
Đẹp những hạt giống xấu
Xứng danh bậc đạo nhân³².*

Đức Phật dạy tiếp:

- Trong mười hai nhân duyên, si mê là nền tảng, là cội nguồn của tội lỗi; trí huệ là gốc các hạnh lành. Do đó, muốn tu hành đắc đạo, trước phải đoạn si mê, rồi tâm ý sẽ định.

Nghe đức Phật nói xong, ti-kheo hỏ thẹn tự trách: “*Ta đúng là ngu si mê muội, đã từ lâu không hiểu đạo lý mới ra nông nổi này, những lời đức Thế Tôn dạy hôm nay thật là vi diệu!*”. Khi đó, ti-kheo tư duy thiền quán, theo dõi hơi thở, điều phục tâm, chế ngự tình dục, chấm dứt ham muốn, tâm ý đạt định, liền đắc quả A-la-hán ngay trước đức Phật.

3. HẠNH ĐỘC CƯ

Thuở xưa, đức Phật thuyết pháp cam lộ³³ cho chư thiên, quốc vương, quan đại thần tại núi Linh Thứu³⁴, nước La-duyệt-kỳ.

32. Toàn bài kệ lấy ý lời dạy trên của đức Phật để dịch.

Nguyên văn chữ Hán 學先斷母 率君二臣 [31]廢諸營從 是上道人. Mẫu 母 (mẹ) ở đây chỉ cho mẹ ngu si. Quân 君 (vua) chỉ cho tâm. Nhị thần 二臣 (hai ông quan) chỉ cho thiện và ác. Chư doanh tòng (những tùy tùng) chỉ cho những tùy phiền não, những hạt giống xấu trong tàng thức...

33. Cam lộ 甘露 (S: amṛta): sương ngọt, dụ cho giáo lý Phật giáo giúp nuôi lớn thân tâm chúng sanh.

34. Linh Thứu 靈鷲 (S: Gṛdhrakūṭa): núi có hình chim thú (kên kên) nằm ở phía đông bắc thành Vương Xá, nước Ma-kiệt-đà thuộc Trung Ấn Độ. Đây chính là trụ xứ đức Phật từng giảng các kinh Đại thừa như *Pháp hoa v.v...*

Khi ấy, trong chúng có vị ti-kheo tính khí ngang bướng cố chấp, không chịu nghe lời ai cả. Biết được chuyện này, đức Phật liền bảo vị ấy đến hang quý thần phía sau núi, ngồi dưới tán cây theo dõi hơi thở để nhập định. Theo dõi hơi thở biết dài ngắn để an định tâm, chấm dứt mong cầu, diệt sạch khổ đau, thì có thể đắc niết-bàn.

Vâng lời đức Phật, ti-kheo đến khe núi, chuẩn bị ngồi thiền định tâm thì nghe tiếng của quý thần từ trong núi phát ra. Nhưng chỉ nghe vọng lại một thứ âm thanh đáng sợ chứ không hề thấy hình dáng. Ti-kheo sợ hãi đến nỗi không sao định tâm được, nên hồi hận thoái chí tu tập, liền nghĩ: *“Mình thuộc dòng dõi quý tộc sang giàu lại bị cưỡng ép xuất gia học đạo. Một mình đến chốn núi sâu rừng thẳm hoang vắng, không bạn bè, không người qua lại, chỉ có loài ma quỷ thường làm mình sợ hãi, chứ có được gì đâu?”*.

Suy nghĩ như vậy, ti-kheo toan bỏ chạy, thì thấy đức Thế Tôn đã đến bên cạnh, ngồi diềm tĩnh dưới cội cây và hỏi:

- Ở đây một mình, thầy có sợ không?

Ti-kheo cúi đầu thưa:

- Bạch đức Thế Tôn! Từ trước tới giờ con chưa từng vào núi rừng hoang vắng như thế này, cho nên con rất lo sợ bất an.

Hai thầy trò đang nói chuyện thì một con voi chúa đột nhiên xuất hiện. Nó đến nằm tựa bên gốc cây, dáng vẻ khoan khoái, thốt lên: *“Rời xa được đàn, có gì thoải mái hơn chứ!”*. Biết được ý voi, đức Phật hỏi ti-kheo:

- Thầy biết vì sao con voi này đến đây không?

Ti-kheo đáp:

- Bạch Thế Tôn, con không biết.

Đức Phật bảo:

- Con voi chúa này thống lãnh một đàn voi lớn nhỏ hơn năm trăm con. Nó chán ngán những chú voi nhỏ nên bỏ đến đây, nhàn nhã nằm dựa gốc cây, thầm nghĩ: *“Từ bỏ ngục tù ân ái, thoải mái biết dường nào!”*. Voi là loài súc sanh còn muốn thanh nhàn an tĩnh, huống chi thầy đã từ bỏ gia đình, muốn cứu độ

thế gian. Vậy mà mới sống một mình đã mong nhớ bạn bè. Bạn bè ngu muội chỉ đem đến nhiều phiền phức tai họa, sống một mình không tạo nghiệp, cũng không có chuyện bàn tính mưu toan. Thà một mình tu đạo còn hơn kết bạn với kẻ ngu.

Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Một mình sống thanh nhàn
Không bạn hiền kết thân
Thà một mình sống tốt
Bạn ngu thôi không màng.
Tu giới hạnh sống an
Cần chi nhiều bè bạn
Sống tốt, không ưu phiền
Như voi chốn rừng hoang.*

Nghe đức Phật dạy, ti-kheo tở ngộ, tư duy đạo lý liền chứng quả A-la-hán. Quý thần xung quanh nghe hiểu lời Phật dạy nên cũng xin làm đệ tử, vâng lời Phật dạy, không làm hại dân chúng. Thế rồi, Đức Phật cùng ti-kheo giã từ rừng sâu trở về tinh xá.

Phẩm 3

GIỮ GIỚI

1. XA VÀ GẦN

Thuở xưa, đức Phật thuyết giảng kinh pháp cho chúng trời, người tại tinh xá Kỳ-hoàn³⁵, nước Xá-vệ.

Khi ấy, có hai tân học ti-kheo ở nước La-duyệt-kỳ muốn đến thăm viếng đức Phật. Họ đi qua đoạn đường đồng không mông quạnh giữa hai đất nước, nơi mà không có một bóng người qua lại. Lại gặp ngay mùa hạn hán, nước suối cạn khô, hai thầy đói khát đến nỗi kiệt sức, thoi thóp trong cơn nắng thiêu đốt. Hai thầy chợt nhìn thấy một ít nước còn lại giữa lòng suối, nhưng có rất nhiều côn trùng, nên không thể uống được.

Hai thầy bảo nhau:

- Từ phương xa đến đây mong ước gặp được đức Thế Tôn, không ngờ hôm nay lại phải vùi thân ở chốn này.

35. Kỳ-hoàn 祇洹 (Kỳ-hoàn tinh xá 祇洹精舍): tinh xá ở vườn ông Cấp Cô Độc, rừng cây của thái tử Kỳ-đà, ở phía nam thành Xá-vệ, nước Kiền-tát-la thuộc Trung Ấn Độ, cũng chính là Kỳ-viên tinh xá.

Một người đề nghị:

- Chúng ta nên uống nước để bảo toàn mạng sống mà đến gặp đức Phật, còn chuyện khác tính sau.

Người kia bảo:

- Đức Phật chế giới lấy tâm từ làm đầu. Nếu chúng ta sát hại chúng sanh để duy trì sự sống của mình thì gặp đức Phật cũng đâu có ích lợi gì. Tôi thà giữ giới mà chết, quyết không phạm giới để sống.

Hai tư tưởng bất đồng, thế là một thầy đứng phắt dậy vốc nước lên uống thỏa thích, rồi lên đường đi tiếp. Còn thầy kia quyết không uống nước, nên đã chết khát, thần thức liền thác sanh lên trời Đao-lợi³⁶. Vị này tư duy tò ngộ, biết đòi trước nhờ trì giới mà đời nay mới được sanh lên cõi này, cho nên tin tưởng quá báo không phải là điều xa vời. Nghĩ vậy, vị trời này mang hương hoa xuống gặp đức Phật, đánh lễ cúng dường, rồi đứng qua một bên.

Còn thầy ti-kheo uống nước, lội mấy ngày đường mệt nhọc mới đến tinh xá. Thấy được thần đức uy nghi tôn kính của đức Phật, thầy cung kính đánh lễ, rồi không ngăn được nổi lòng, thầy vừa khóc vừa thưa:

- Bạch đức Thế Tôn! Một người bạn cùng đi với con đến gặp Thế Tôn, nhưng đã chết khát trên đường, thương cho người ấy chưa đạt được sở nguyện, mong đức Thế Tôn chứng biết.

Đức Phật bảo:

- Ta đã biết rồi!

Đức Phật liền chỉ vị trời đứng bên cạnh và nói:

- Vị trời này chính là bạn của thầy! Nhờ giữ vẹn giới pháp nên được sanh lên cõi trời và đã đến đây trước thầy rồi.

Đức Thế Tôn vén y để bày ngực và bảo vị ti-kheo kia:

- Thầy chỉ muốn thấy thân thể này của ta mà không giữ gìn giới pháp của ta.

36. Đao-lợi 忉利 (S. Trāyastriṃśa, Hđ: Tam thập tam thiên 三十三天): một trong sáu tầng trời cõi Dục. Trong vũ trụ quan của Phật giáo, cõi trời này ở trên đỉnh núi Tu-di, thuộc tầng trời thứ hai của cõi Dục.

Tuy nói thấy thấy ta, nhưng ta lại không thấy thầy. Còn vị trời này tuy cách ta vạn dặm mà giữ gìn giới luật thì lúc nào cũng như đang ở trước mặt ta.

Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Người hiểu biết thông minh
Giới luật trì thanh tịnh
Hai đời được khen ngợi
Nguyên thành, tâm thành thoi.
Kẻ ngu dốt mê chơi
Không vẹn toàn giới hạnh
Hai đời đều đau khổ
Ước nguyện xưa không thành.
Tu học có hai điều
Gần gũi bậc tinh thông
Nghĩa lý đều thông suốt
Khó khăn không sờn lòng.*

Ti-kheo nghe kệ, hổ thẹn đánh lễ sám hối tội lỗi, quán chiếu hành động của mình. Vị trời nghe kệ tâm ý hân hoan, chứng đắc pháp nhãn³⁷. Chúng hội trời người đều vui vẻ vâng lời Phật dạy.

37. **Pháp nhãn tịnh** 法眼淨 (S: dharmacaksu-visuddha; Cg: tịnh pháp nhãn, thanh tịnh pháp nhãn): pháp nhãn có năng lực quán sát chân lý các pháp mà không bị chướng ngại và nghi hoặc.

Phẩm 4

ĐA VĂN

1. HAI VỢ CHỒNG HUNG DỮ

Thuở xưa, trong nước Xá-vệ có hai vợ chồng nhà nghèo nợ rất keo kiệt, hung dữ và không kính tin Tam Bảo. Thương cho sự ngu tối của họ, đức Phật hiện thân làm một sa-môn khổ hạnh, y phục rách rưới đến nhà hai vợ chồng ấy khát thực. Hôm đó, nhằm lúc ông chồng đi vắng, bà vợ vừa thấy sa-môn đã mắng chửi thậm tệ.

Sa-môn bảo:

- Tôi là đạo sĩ, hành khát sống qua ngày, chỉ xin bà một bữa ăn thôi, bà không cần phải hung dữ chửi mắng đến thế.

Bà vợ quát:

- Cho dù ông chết đứng ở đây cơm cũng không có, huống hồ ông vẫn còn khỏe mạnh như vậy mà muốn xin cơm của tôi, chắc còn lâu. Hãy xéo đi mau, còn châu chực ở đây chỉ uống phí thời gian mà thôi.

Thế là sa-môn trợn mắt tắt thở, hiện tướng người chết, thân thể sinh trương, dòi bò đầy miệng mũi, bụng nứt ruột vỡ, chất tanh hôi chảy tràn. Người đàn bà sợ hãi la hét bỏ chạy.

Sa-môn cũng đột nhiên hiện lại nguyên hình và rời khỏi nhà thí chủ, đến ngồi nghỉ bên gốc cây cách đó khoảng vài dặm.

Trên đường về nhà, ông chồng gặp bà vợ đang chạy hốt hải. Rồi bà lắp bắp kể với chồng về chuyện vị sa-môn đáng sợ kia.

Người chồng nổi cơn thịnh nộ, quát:

- Ông ấy đang ở đâu?

Bà vợ đáp:

- Đã đi rồi, chắc cũng chưa xa lắm.

Ông chồng liền mang cung, cầm dao, truy đuổi theo hướng bà vợ đã chỉ. Đến gốc cây kia, ông vung dao xông thẳng đến định chém đầu sa-môn. Sa-môn liền hóa ra một tường thành nhỏ bằng lưu ly bao quanh bảo vệ mình. Người kia đi quanh thành mấy vòng vẫn không thể vào được, mới tức giận quát sa-môn:

- Tại sao không mở cửa?

Sa-môn đáp:

- Muốn ta mở cửa thì ông hãy bỏ cung và dao xuống.

Ông ta trầm nghĩ: *“Minh nên theo lời ông ta, nếu vào được, chỉ cần dùng tay cũng đánh chết được ông ta”*. Thế là ông liền bỏ cung và dao xuống, nhưng cửa vẫn không mở. Ông lại hỏi:

- Tôi đã bỏ cung và dao rồi, sao cửa vẫn không mở?

Sa-môn đáp:

- Tôi muốn ông ném bỏ cung dao ác ý ở trong tâm, chứ không phải cung dao trên tay ông!

Ông ta hoảng sợ nghĩ: *“Sa-môn này là thần thánh mới biết được ý nghĩ trong lòng ta”*, nên liền cúi đầu sám hối, lễ bái sa-môn và thưa:

- Tôi có người vợ xấu xa, không nhận ra bậc chân tu, còn xúi tôi khởi tâm ác, cúi mong ngài thương xót tha thứ. Nay tôi muốn dẫn bà ấy đến nhờ ngài khuyên dạy tu đạo.

Thưa xong, ông ta liền đứng lên trở về nhà. Bà vợ nóng ruột hỏi:

- Sa-môn đâu?

Người chồng kể lại những việc oai đức thần biến của sa-môn rồi khuyên vợ:

- Vị sa-môn vẫn còn ở đó, bà nên đến xin sám hối để mong tội lỗi được tiêu trừ.

Nghe theo lời chồng, bà cũng đến chỗ sa-môn, lạy sát đất chí thành sám hối, xin làm đệ tử, rồi quỳ lên cung kính hỏi:

- Thưa ngài, ngài hiện nhiều thần biến, chỉ có bậc thánh đắc đạo mới làm được như thế. Ngài hóa hiện thành lưu ly vững chắc khó vượt qua, chí sáng tâm định, không còn sầu lo. Ngài tu tập đạo lý gì mà được thần diệu như vậy?

Sa-môn đáp:

- Chỉ là ta có tâm cầu học không biết chán, thực hành giáo pháp không biết mệt, tinh tấn trì giới, nhẫn nhục không buông lung, nhờ vậy mà đắc đạo, đạt đến niết-bàn.

Sa-môn nhân đó nói kệ:

*Kiên trì ham học hành
Tu tập làm tường thành
Tinh tấn, khó hủy phạm
Từ đây giới huệ thành.
Hiểu biết tâm chí sáng
Chí sáng trí huệ tăng
Nhờ trí thông suốt nghĩa
Tu nghĩa thân tâm an.
Hiểu biết dứt âu sầu
Sống vui nhờ định sâu
Pháp cam lồ khéo giảng
Niết-bàn đến từ lâu.*

*Hiếu nhiều pháp, luật rành
Dứt nghi, tức đạo thánh
Nhờ nghe bỏ phi pháp
Đạt đến cõi bất sanh.*

Nói kệ xong, sa-môn hiện lại thân Phật, hào quang rực rỡ chiếu sáng đất trời. Hai vợ chồng vừa kinh ngạc, vừa sợ hãi, phát tâm sửa đổi điều ác, chí thành đánh lễ sát đất, khiến tội ác trong hai mươi ức kiếp đều tiêu trừ, đắc quả Tu-đà-hoàn.

2. CẦM ĐUỐC GIỮA BAN NGÀY

Thuở xưa, đức Phật ở tinh xá Mỹ Âm, nước Câu-thiểm-ni³⁸, Ngài giảng giải rộng rãi chánh pháp cho bốn chúng đệ tử.

Khi ấy có một đạo sĩ phạm chí tri thức thông thái, am hiểu nhiều kinh sách, quán thông mọi việc, chính vì điều đó mà ông ta cống cao ngã mạn, không xem ai ra gì, suốt ngày tìm kiếm đối thủ luận biện nhưng không một ai dám ra mặt.

Hôm nọ, giữa ban ngày, ông cầm cây đuốc nghênh ngang đi vào chợ, mọi người ngạc nhiên hỏi:

- Tại sao giữa ban ngày, ông lại cầm đuốc?

Phạm chí đáp:

- Vì thiên hạ đều ngu tối, mắt không nhìn thấy, nên tôi cầm đuốc để soi cho họ thấy. Xem ra khắp cả thế gian không có ai dám tranh luận với tôi.

Biết phạm chí có phước duyên đời trước có thể độ, nhưng tính tình cống cao, hiếu thắng, thích danh tiếng, cậy mình khinh người, chẳng nghĩ đến vô thường, nếu cứ như vậy thì sau này ông sẽ堕 vào địa ngục Thái Sơn vô số kiếp khó mong thoát khỏi. Muốn độ phạm chí này, nên đức Phật liền hóa làm một hiền giả ngồi giữa chợ, hỏi phạm chí:

- Tại sao ông làm vậy?

Phạm chí đáp:

38. Câu-thiểm-ni 拘睒尼 (Cg: Câu-thiểm-di 俱睒彌, S.Kausāmbi; Hd: Tàng Hữu): tên một nước ở Trung Ấn Độ thời cổ.

- Vì mọi người ngu tối, ngày đêm chẳng thấy ánh sáng, nên tôi cầm ngọn đuốc để soi cho họ.

- Trong kinh có bốn pháp sáng suốt, ông có biết không?

- Không biết.

- Vậy ta nói cho ông nghe. Một là hiểu rõ thiên văn, địa lý điều hòa bốn mùa; hai là hiểu rõ tinh tú, thông thạo ngũ hành³⁹; ba là hiểu rõ phương pháp trị nước an dân; bốn là hiểu rõ việc điều binh khiển tướng chắc chắn không sơ suất. Ông là phạm chí có hiểu rõ bốn pháp này không?

Phạm chí hồ thẹn, ném cây đuốc, chấp tay tỏ lòng khuất phục. Đức Phật biết rõ tâm ý nên ông hiện lại thân Phật, hào quang rực rỡ chiếu khắp đất trời, dùng Phạm thịnh⁴⁰ nói kệ:

*Hiểu biết được bao lắm
Đã khinh người quá lắm
Như kẻ mù cầm đuốc
Người sáng, mình tối tăm.*

Đức Phật lại bảo phạm chí:

- Thật không có ai ngu như ông, giữa ban ngày cầm đuốc vào chợ. Những gì ông biết chỉ bằng hạt bụi.

Nghe lời quở trách, phạm chí hồ thẹn, cúi đầu đánh lễ xin làm đệ tử. Đức Phật chấp thuận cho phạm chí làm sa-môn. Phạm chí tu tập tâm ý sáng tỏ, vọng tưởng lắng đọng, liền chứng A-la-hán.

3. TÂM BỆNH HAY THÂN BỆNH

Thuở xưa, ở nước Xá-vệ có đại trưởng giả Tu-đạt⁴¹ đã chứng quả Tu-đà-hoàn.

39. Ngũ hành 五行: năm nguyên lý vận hành của vũ trụ trong triết học Trung Quốc cổ đại: kim, mộc, thủy, hỏa, thổ.

40. Phạm thịnh 梵聲 (Cg: Phạm âm 梵音): âm thanh vi diệu, thanh tịnh của Phật, bồ-tát, một trong ba mươi hai tướng quý của Phật.

41. Tu-đạt 須達 (S: Sudatta; Cg: Tu-đạt-đa. Hd: Thiện Thụ): vị trưởng giả ở thành Xá-vệ thuộc Trung Ấn Độ, đại thần của vua Ba-tư-nặc. Tính ông nhân từ, thương người cô

Ông có người bạn thân là trưởng giả Hào Thí không tin đạo Phật và y thuật.

Một hôm, trưởng giả Hào Thí lâm bệnh nặng nằm liệt giường, thân quyến bạn bè đều đến thăm hỏi, khuyên ông trị bệnh. Nhưng ông thà chết chứ cũng không chịu chữa trị, và còn nói với mọi người:

- Tôi thờ mặt trời mặt trăng, trung với vua, hiếu với cha mẹ, có chết ở đây cũng nhất quyết không thay đổi!

Hôm đó trưởng giả Tu-đạt cũng có mặt, nên khuyên bạn:

- Vị thầy tôi tôn kính chính là đức Phật, oai đức của Ngài bao trùm khắp vạn vật, ai gặp cũng đều được phước báo. Anh thử thỉnh Ngài đến giảng kinh, chú nguyện. Nghe được lời dạy của đức Phật thì lời nói hành động của mình sẽ tiến bộ, không giống những đạo khác. Còn có nhận Ngài làm thầy hay không thì tùy ý của anh. Vì bệnh của anh đã lâu mà không biết bao giờ mới thuyên giảm, tôi khuyên anh nên thỉnh đức Phật đến, mong nhờ vào phước lực của Ngài gia hộ.

Hào Thí nghe nói có lý mới bảo:

- Vậy thì tốt lắm! Xin anh thỉnh đức Phật và chúng đệ tử dùm tôi.

Tu-đạt vội đến tinh xá thỉnh đức Phật cùng chúng tăng. Khi tăng đoàn đến trước cửa nhà Hào Thí, đức Phật phóng hào quang chiếu khắp trong ngoài. Thấy hào quang, Hào Thí vui mừng, cảm thấy thân thể nhẹ nhàng thanh thoát, liền đến ngồi cung kính trước đức Phật. Đức Phật hỏi thăm:

- Trước giờ trưởng giả thờ vị thần nào? Có trị liệu gì chưa?

- Bạch đức Thế Tôn! Tôi thờ mặt trời, mặt trăng, vua chúa, tổ tiên, cung kính trai giới, cầu khẩn mọi điều, nhưng mắc bệnh đã lâu mà vẫn chưa nhận được ân điển nào. Còn việc thuốc thang, châm cứu thì nhà này cấm kỵ. Ngay cả việc tụng kinh, giữ giới, làm phước bồi đức theo Phật, chúng tôi cũng hoàn toàn không biết. Tổ tiên từ xưa đến giờ đều phải chịu cái chết như vậy chứ không làm khác được.

độc, thích bố thí cho nên được mọi người gọi là Cấp Cô Độc. Sau khi quy y đức Phật, ông xây dựng tinh xá Kỳ-hoàn để cúng dường Ngài.

Đức Phật bảo:

- Người sống ở đời có ba trường hợp chết oan: một là có bệnh mà không chữa trị, hai là trị mà không cẩn thận, ba là ngạo mạn tự trị chẳng biết nghịch thuận. Bệnh như vậy thì mặt trời, mặt trăng, trời đất, tổ tiên, vua chúa hay cha mẹ đều không thể cứu nổi. Phải hiểu rõ đạo lý, đúng thời chữa trị mới an ổn. Có ba cách để điều trị bệnh: một là thân tứ đại nóng lạnh thì cần thuốc thang; hai là bị tà ma quấy nhiễu phải tụng kinh giữ giới; ba là phụng thờ các bậc hiền thánh cứu giúp chúng sanh nghèo khó, hoạn nạn, dùng uy đức thần kỳ che chở chúng sanh, dùng đại trí huệ diệt trừ phiền não. Nếu ông vâng giữ như thế thì hiện đời an ổn, tốt lành, hoàn toàn không bị chết oan. Giới huệ thanh tịnh thì đời đời thường được an ổn.

Khi ấy, đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Vì sáng, thờ mặt trời
Vì báo ơn, thờ cha
Vì thế lực, thờ vua
Vì hiểu đạo, thờ thầy.
Vì sự sống, tìm thuốc
Muốn thắng, nương kẻ mạnh
Hiểu pháp nhờ trí huệ
Làm phước vui đời đời.
Xét bạn, nhìn việc làm
Biết bạn, lúc nguy nan
Hiếu vợ, chốn phòng the
Biết người trí qua lời.
Bậc thầy phải thấy đạo
Giải nghi, giúp người hiểu
Mở bày tâm thanh tịnh
Giữ gìn được pháp tạng.
Nhờ nghe, đời này lợi
Vợ, con, em, bè bạn
Hường phước đến đời sau
Nghe nhiều thành thánh trí.*

*Nhiếp trì thông nghĩa lý
 Hiểu rồi giới vẹn toàn
 Người thọ pháp nương pháp
 Nhờ đó bệnh được an.
 Buồn lo đều tiêu tan
 Bao họa tai trừ sạch
 Muốn tốt lành an ổn
 Phải theo bậc hiểu biết.*

Trưởng giả Hào Thí nghe đức Phật thuyết pháp xong, giải tỏa được mối nghi trong lòng, như mây tan trời sáng. Ông cho mời lương y đến trị bệnh và hết lòng học đạo. Nhờ vậy, thân tứ đại được an ổn, hết các bệnh tật, như uống cam lộ, trong ngoài khoan khoái, tâm định thân an, đắc quả Tu-đà-hoàn. Thân quyến, nhà vua và nhân dân đều quý kính ông.

4. VẾT THƯƠNG NÀO ĐAU HƠN

Cách kinh thành La-duyet-kỳ hai trăm dặm về hướng nam có một ngọn núi lớn. Các quốc gia phương nam đi lại đều phải qua nơi này. Vì vậy, có năm trăm tên cướp lợi dụng đường núi hiểm trở hoang vắng này để cướp bóc. Hành động của chúng ngày càng hung hăng lộ liễu, khiến các thương buôn đều bị hại, giao thông tắc nghẽn. Quốc vương nhiều lần cho binh truy bắt, nhưng vẫn không dẹp được chúng.

Lúc ấy, đức Phật đang giáo hóa tại nước này, thương người bị hại, nghĩ đến bọn cướp chẳng biết tội phước, có mắt mà không thấy được Như Lai xuất hiện ở đời, có tai mà không nghe được trống pháp vang vọng khắp nơi. Nếu ta không đến hóa độ thì bọn chúng mãi là tảng đá chìm dưới vực sâu. Thế là đức Phật liền hóa ra một người ăn mặc sang trọng, đeo guơm, cầm cung tên, cưỡi một con tuấn mã có yên cương được trang trí vàng bạc lấp lánh, mình ngựa đeo lục lạc bằng ngọc minh nguyệt. Người đó thúc ngựa hí vang, chạy vào núi sâu.

Thấy người này, bọn cướp cho rằng vụ cướp hôm nay nắm chắc thắng lợi, làm cướp lâu năm mà chưa có cơ hội tốt như thế này, kẻ nào đơn thương độc mã vào đây có khác gì đem trứng chọi đá. Thế là cả bọn cướp kéo ra đứng chặn đường, bao vây trước đầu ngựa, tuốt đao giương cung tranh nhau toan sát hại người kia.

Ngay lúc đó, người kia giương cung bắn một phát, cả năm trăm tên cướp đều bị trúng tên; vung guom chém một nhát, cả bọn đều bị thương. Vì tên cắm sâu, vết chém nặng, bọn cướp đều té ngã lẫn lộn trên đất, cúi đầu xin quy hàng:

- Ngài là thần thánh phương nào mà uy lực đến thế, xin tha cho mạng hèn chúng tôi. Mong ngài nhỏ tên và chữa vết thương, chúng tôi đau đớn không sao chịu đựng nổi.

Người kia đáp:

- Vết thương này đâu có gì là nặng, mũi tên này cũng chưa kể là sâu. Trong thiên hạ, vết thương nặng nhất không gì bằng ưu phiền, tàn hại lớn nhất không gì hơn ngu si. Các người mang trong mình sự âu lo do lòng tham, sự tàn hại của tâm ngu si cuồng loạn, đó là vết thương nặng và mũi tên độc không thể chữa trị được. Hai thứ này gốc rễ rất sâu, cho dù tráng sĩ khoẻ mạnh cũng không thể nhổ nổi. Chỉ có giới luật, hiểu biết và trí tuệ soi sáng thì mới chữa trị được tâm bệnh này, nhổ sạch lo buồn, tham ái, ngu si và cống cao; điều phục những kẻ kiên cường, ý tiền ý thế, buông lung tham dục. Người tích chứa phước đức, học tập trí tuệ mới trừ hết tai họa, được an ổn mãi mãi.

Khi ấy, đức Phật hiện lại thân tướng hảo của mình, đoan nghiêm thù thắng, thân sắc vàng tươi sáng, rồi nói kệ:

*Vết thương nặng sâu lo
Mũi tên sâu ngu muội
Tráng sĩ không nhổ nổi
Chỉ đa văn trừ được.
Kẻ mù được sáng mắt
Như giữa đêm gặp đuốc
Soi, dẫn đường thế gian
Như người sáng dắt mù.
Nên khéo bỏ si mê
Lìa dục lạc, kiêu mạn
Học tập bậc đa văn
Đó là tích tụ đức.*

Được nhìn thấy hào quang của đức Phật và được nghe kệ, năm trăm tên cướp đều cúi đầu xin quy y, thành tâm sám hối. Ngay lúc đó, vết thương dao cắt và tên bắn tự nhiên lành lặn. Họ vui mừng, tâm tỏ ngộ, xin thọ năm giới. Từ đó, đất nước được yên bình, mọi người sống an vui.

Phẩm 5

LÒNG TIN

1. NIỀM TIN NHIỆM MÀU

Thuở xưa, có hơn năm trăm gia đình sinh sống bên bờ một dòng sông lớn vừa sâu vừa rộng nằm về hướng đông nam nước Xá-vệ. Họ chưa từng nghe đến khái niệm đạo đức hay công hạnh giải thoát cứu đời, chỉ quen thói ương ngạnh, dối trá, tham lợi, mặc tình sống theo bản năng.

Mỗi ngày đức Phật đều quán sát xem những người nào đáng được độ thì đến hóa độ họ. Hôm ấy, Ngài biết được những gia đình sống bên bờ sông có phước duyên đáng được độ, cho nên Ngài thân hành đến đó, ngồi dưới một tán cây cạnh bờ sông.

Thấy hào quang của đức Phật, dân làng đều kinh ngạc cung kính, dẫn nhau đến đánh lễ. Người lay, người chào, người hỏi thăm về đời sống tu tập của Phật. Đức Phật bảo họ ngồi xuống và thuyết pháp cho họ nghe. Do thói quen gian dối, lừa biếng nặng nề, nên dù có nghe pháp nhưng họ không tin lời chân thật của đức Phật.

Lúc ấy, đức Phật liền hóa ra một người khác từ bờ bên kia vượt sông đi đến. Người ấy bước đi trên mặt sông mà nước chỉ ngập tới gót chân. Đến trước đức Phật người ấy cung kính cúi đầu đánh lễ. Mọi người chứng kiến đều kinh ngạc, hỏi:

- Xưa nay tổ tiên chúng tôi sống bên sông này, nhưng chưa từng thấy ai đi trên mặt nước như thế. Ông là ai, có pháp thuật gì mà đi trên mặt nước không bị chìm? Xin cho chúng tôi biết!

Người kia đáp:

- Tôi là người ngu muội sống bên kia sông. Nghe tin đức Phật đang ở đây, vì mến mộ đạo đức của Ngài nên tìm đến đây. Khi đến bờ sông thì nhằm lúc không có đò, tôi hỏi người dân trên bờ nước sông sâu hay cạn, họ nói chỉ đến gót thôi, sao không đi bộ qua. Tôi tin lời liền đi qua chứ đâu có pháp thuật gì.

Đức Phật khen rằng:

- Lành thay! Lành thay! Người có lòng tin chân thật thì có thể qua được vực sâu sanh tử, bờ sông này chỉ có vài dặm, đi qua được thì đâu có gì lạ!

Khi ấy, đức Thế Tôn nói kệ:

*Lòng tin, vượt biển khơi
Nhiếp hộ thầy đưa đò
Tinh tấn trừ hết khổ
Trí huệ thoát sông mê.
Người nào có tín hạnh
Được thánh hiền ngợi khen
Người thích đạo vô vi⁴²
Thoát ra mọi buộc ràng.
Có tín mới đắc đạo
Pháp dẫn đến niết-bàn
Nhờ nghe thành tựu trí
Tâm ý được mở mang.
Có tin và giữ giới*

42. Vô vi 無為: không tạo tác, chỉ cho trạng thái niết-bàn.

Thường hành theo trí huệ

Đại trượng phu trí lớn

Thoát được dòng tử sanh.

Nghe đức Phật giảng pháp, thấy được bằng chứng người kia có niềm tin mà đi được trên mặt nước, nên dân làng tâm được khai mở, sanh lòng tin vững chắc. Tất cả đều thọ trì năm giới, trở thành cư sĩ có lòng tin thanh tịnh. Từ đó, dân trong làng thành kính tin Phật, tinh tấn tu hành, giáo pháp được truyền đi khắp nơi.

2. LỜI DI HUẤN CỦA CHA

Thuở xưa, lúc đức Phật còn tại thế, có trưởng giả Tu-đà-la rất giàu có và thành kính tin Tam Bảo. Ông phát nguyện vào ngày mùng tám tháng chạp hàng năm sẽ thỉnh Phật và chúng tăng đến cúng dường, và đặt đây là lệ thường mà con cháu suốt đời phải noi theo. Do vậy, trước khi mất, ông ân cần dặn con trai Tỳ-la-đà phải tiếp tục công việc ấy.

Nhưng về sau, gia cảnh của ông ngày càng sa sút nghèo khó. Tháng chạp đến rồi mà trong nhà không có gì để cúng dường, nên Tỳ-la-đà vô cùng buồn khổ. Đức Phật dạy tôn giả Mục-kiền-liên⁴³ đến hỏi Tỳ-la-đà:

- Sắp đến ngày cúng dường, theo di ngôn của cha, ông đã chuẩn bị gì chưa?

Tỳ-la-đà đáp:

- Thưa Tôn giả! Lời căn dặn của cha trước khi mất, con không dám trái, chỉ mong đức Thế Tôn thương xót đừng xem thường mà bỏ chúng con, vào giờ ngọ ngày mùng tám xin hãy quang lâm tộ xá của chúng con.

Tôn giả Mục-liên trở về thưa lại với đức Phật như vậy.

Để có tiền cúng dường, Tỳ-la-đà liền thế chấp vợ con với giá một trăm lượng vàng, rồi mua sắm đầy đủ phẩm vật cúng dường. Đúng ngày mùng tám, đức Phật cùng với một nghìn hai trăm năm mươi vị tăng đến nhà. Sau khi an tọa, rửa tay, đức Phật và chúng tăng thọ trai xong, rửa bát rồi trở về tịnh xá.

43. Mục-liên 目連 (Gd: Mục Kiền Liên 目犍連, S: Maudgaliputra tiśya; Hd: Thiên Bảo): vị đệ tử thần thông đệ nhất, một trong mười đệ tử lớn của đức Phật.

Được cúng dường Phật cùng thánh chúng, Tỳ-la-đa vô cùng hoan hỷ, không chút hối hận.

Nửa đêm hôm đó, những hòm kho đựng tài sản trong nhà Tỳ-la-đa bấy lâu trống rỗng, tự nhiên vật báu đầy ắp như xưa. Sáng sớm hôm sau, vợ chồng Tỳ-la-đa thấy vậy, trong lòng vừa mừng vừa lo, họ sợ quan biết được tra hỏi bảo vật này từ đâu mà có được. Hai vợ chồng bàn nhau nên đến hỏi đức Phật. Đến nơi, họ kể với Phật mọi việc đêm qua. Đức Phật bảo Tỳ-la-đa:

- Con cứ yên tâm mà dùng các món bảo vật ấy, đừng nghi ngờ lo sợ. Con có lòng tin vững chắc không trái lời cha; có giữ giới, biết hổ thẹn, dù chết cũng không thay đổi; với lại, con là người có hiểu biết, bố thí, trí huệ, tu đạo nên có đủ thất tài⁴⁴. Tất cả tài vật đó là do phước đức chiêu cảm, chứ chẳng phải là tai họa. Người trí biết tu hành thì bất luận nam hay nữ, sanh ra bất cứ nơi nào đều có phước báo tự nhiên hiện đến.

Khi ấy, đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Niềm tin và giới hạnh
Hổ mình, thẹn với người
Học rộng, bố thí, huệ
Đó là bảy thánh tài.
Nhờ tin giữ giới hạnh
Quán các pháp thanh tịnh
Dùng trí huệ thực hành
Vâng lời dạy không quên.
Sống có bảy thánh tài
Dù là nam hay nữ
Trọn đời chẳng nghèo đói
Bạc hiện thấy chân tâm.*

Tỳ-la-đa nghe đức Phật nói xong, lòng tin càng vững chắc, cúi đầu đánh lễ dưới chân Ngài, rồi vui mừng trở về nhà. Anh ta đem hết những lời dạy của đức Phật nói lại cho vợ con nghe, nhờ vậy mà mọi người đều hiểu đạo và tu tập theo giáo pháp.

44. **Thất tài** 七財 (Cg: bảy loại pháp tài 七法財): bảy pháp có công năng trợ giúp cho việc thành Phật: Tín, giới, tâm, quý, văn, thí, huệ.

Phẩm 6

CĂN THẬN

1. GIÁ TRỊ MỘT BỮA ĂN

Thuở xưa, có năm vị sa-môn tu tập trên một ngọn núi cách kinh thành nước Ba-la-nại⁴⁵ khoảng bốn năm mươi dặm. Mỗi sáng sớm, họ rời núi vào thành khát thực; thọ trai xong, về đến núi thì trời đã sụp tối. Do đi về đường xa mệt mỏi nên họ không thể ngồi thiền, tư duy chánh định. Cứ thế, trải qua nhiều năm họ vẫn không thể đắc đạo.

Thương đời sống tu hành vất vả nhưng không kết quả của năm vị sa-môn, đức Phật liền hóa thành một vị đạo nhân vào núi thăm hỏi họ:

- Các vị ần tu ở đây có vất vả lắm không?

Các vị sa-môn đáp:

- Chúng tôi ở cách thành quá xa, mà thân tứ đại thì cần phải ăn uống, mỗi ngày đi khát thực vất vả, đã qua nhiều năm cực khổ vô cùng. Sáng sớm ra đi

45. Ba-la-nại 波羅奈 (S.Varaṇasī; Cg: Ba-la-nại-thi quốc): nước Ba-la-nại là Ca-thi quốc thuở xưa, thời cận đại có tên là Benares, nay là bang Varanasi của nước Ấn Độ.

đến chiều tối mới trở về, thân thể rã rời, còn đâu thời gian mà tu tập, có lẽ suốt đời phải chịu cảnh thế này mà thôi!

Đạo nhân nói:

- Phàm người học đạo phải lấy giới làm gốc, nhiếp tâm làm hạnh, xem thân mạng như đôi dép bỏ, chỉ quý trọng chân lý, ăn chỉ để nuôi thân, giữ ý trong chánh định, chuyên tu tập chỉ quán, diệt trừ vọng tưởng, mong thành đạo quả. Ngược lại, nếu chỉ biết nuôi thân, thuận theo tình phàm thì làm sao thoát được khổ đau? Ngày mai, xin quý vị đạo nhân đừng xuống núi, tôi sẽ cúng dường để các ngài có một ngày nghỉ ngơi an lạc tu tập.

Nghe vậy, năm vị đạo nhân hoan hỷ vô cùng, chuyên tâm thiền định, không còn lo chuyện đi khát thực nữa.

Đúng giờ Ngọ hôm sau, vị đạo nhân mang thức ăn đến cúng dường. Thọ trai xong, năm vị sa-môn cảm thấy tâm hồn mình thanh thản nhẹ nhàng. Khi ấy, đạo nhân nói kệ:

*Tì-kheo thọ trì giới
Cùng nhiếp hộ các căn
Ăn uống biết điều độ
Ngủ nghỉ phải tỉnh giác.
Dùng giới hàng phục tâm
Giữ ý trong thiền định
Chuyên tu tập chỉ quán
Chánh trí⁴⁶ không hề quên.
Bậc sáng suốt giữ giới
Bên trong quán chánh trí
Hành đạo đúng như vậy
Tự trừ hết khổ đau.*

Nói kệ xong, vị đạo nhân hiện lại thân Phật với nghi dung rực rỡ. Năm vị sa-môn chấn động tinh thần, cùng tư duy về giới và đắc quả A-la-hán.

46. **Chánh trí** 正智 (S: samyag-jñāna): trí tuệ khế hợp với chân lý, nghĩa là thể chứng được lý vi diệu của trung đạo đệ nhất mà có được.

Phẩm 7

TƯ DUY

1. MÓN QUÀ CHO BẠN

Thuở xưa, lúc đức Phật tại thế, vua Phất-gia-sa và vua Bình-sa là một đôi bạn thân. Lúc ấy vua Phất-gia-sa chưa biết gì về đạo Phật. Một hôm, ông làm một đóa hoa bằng bảy báu tặng vua Bình-sa. Vua Bình-sa lại đem hoa ấy cúng dường đức Phật và thưa:

- Bạch đức Thế Tôn! Vua Phất-gia-sa là bạn thân của con, đã tặng con đóa hoa này. Nay con dâng cúng Thế Tôn, nguyện cầu cho Phất-gia-sa tâm khai ý mở, kính tin Tam bảo, được gặp Phật nghe pháp, cung kính thánh chúng. Bạch Thế Tôn! Giờ con nên dùng quà gì tặng lại cho ông ấy?

Đức Phật dạy:

- Đại vương hãy chép kinh *Thập nhị nhân duyên* đem tặng, vua Phất-gia-sa nhận được kinh, xem xong chắc chắn sẽ tin hiểu.

Vua Bình-sa liền chép quyển kinh ấy, và đặc biệt viết một lá thư gửi vua Phất-gia-sa với nội dung: “Ngài tặng tôi đóa hoa bảy báu, nay tôi tặng ngài đóa hoa chánh pháp. Nếu tư duy rõ ràng nghĩa lý trong kinh này thì sẽ có được

quả báo tốt. Tôi muốn ngài đọc tụng tư duy để cùng thưởng thức hương vị của đạo giải thoát”.

Nhận được kinh, vua Phát-gia-sa liền tụng đọc, nghiền ngẫm nhiều lần nên đã tin hiểu thấu suốt, mới hết lời khen ngợi: *“Đạo lý vi diệu, giáo nghĩa tinh thâm có thể giúp cho tâm an ổn, quốc gia phồn vinh. Năm dục là cội nguồn sâu lo, nhiều kiếp mê muội, nay mới tỉnh ngộ, nhìn lại dòng đời không có gì đáng tham luyến ưa thích”.*

Vua liền triệu tập quần thần, truyền ngôi cho thái tử rồi tự xuống tóc làm sa-môn. Một hôm, vua mặc pháp phục, mang bình bát đến tá túc tại một gia đình làm đồ gốm bên ngoài thành La-duyet-kỳ, định sáng mai sẽ vào thành khất thực, thợ thực xong sẽ đến chỗ đức Phật xin nghe kinh, thọ giới luật.

Đức Phật dùng thần thông biết được ngày mai Phát-gia-sa sẽ qua đời trong lúc thọ thực. Ông ta chí thành từ nơi xa xôi tìm đến mà không được gặp Phật, cũng chẳng được nghe pháp, thật đáng xót thương! Vì thế, đức Phật hóa thành một vị sa-môn, đến nhà người thợ gốm kia xin tá túc. Người thợ gốm nói:

- Vừa rồi có một vị sa-môn đến xin ở tạm trong lò nung, ngài có thể nghỉ chung với vị ấy.

Hóa sa-môn ôm cỏ vào lò nung trải ngồi một bên Phát-gia-sa rồi hỏi thăm:

- Thầy từ đâu đến? Thầy của thầy là ai? Vì nhân duyên gì mà xuất gia làm sa-môn? Đã gặp đức Phật chưa?

Phát-gia-sa đáp:

- Tôi chưa gặp đức Phật, chỉ mới đọc kinh *Thập nhị nhân duyên* liền phát tâm làm sa-môn, định sáng mai vào thành khất thực xong sẽ đến gặp Phật.

Vị sa-môn kia nói:

- Mạng người mong manh, sớm còn tối mất, vô thường duyên nghiệp chẳng hẹn mà đến. Phải nên quán sát thân này do tứ đại hợp thành, khi tan rã mỗi đại trở về cội nguồn của nó. Hãy tư duy tính giác về không, vô tướng, vô nguyện, chuyên nhớ nghĩ Tam bảo, bố thí, gìn giữ giới đức. Nếu có khả năng nhận biết thấu suốt vô thường thì giống như thấy Phật, còn nghĩ đến ngày mai thì chỉ là vọng tưởng vô ích mà thôi!

Khi ấy, vị hóa sa-môn nói kệ:

*Người đạt được lợi ích
Là đến nương tựa Phật
Vì thế suốt ngày đêm
Luôn niệm Phật, pháp, tăng.
Người nào biết tỉnh giác
Đó là đệ tử Phật
Ngày đêm thường nhớ nghĩ
Phật, pháp và chúng tăng.
Niệm thân, niệm vô thường
Niệm giới, bố thí, đức
Không, vô nguyện, vô tướng⁴⁷
Ngày đêm niệm như vậy.*

Khi ấy, vị hóa sa-môn giảng giải ý nghĩa tinh yếu về vô thường cho Phát-gia-sa nghe. Phát-gia-sa tư duy được định ý, chứng quả A-na-hàm. Biết Phát-gia-sa đã tỏ ngộ, sa-môn hiện lại thân Phật tướng hảo rực rỡ. Vua Phát-gia-sa kinh ngạc, hớn hờ vui mừng, cúi đầu đánh lễ. Đức Phật lại bảo Phát-gia-sa:

- Duyên nghiệp vô thường cứ trả cho xong, chớ nên sợ hãi!

- Dạ! Con xin nghe theo lời dạy của Thế Tôn!

Thế rồi đức Phật bỗng nhiên biến mất. Sáng hôm sau, đến giờ thọ thực, vua Phát-gia-sa vào thành khát thực. Lúc vào trong cổng thành thì bị một con trâu mẹ mới sanh, vì bảo vệ nghé con nên húc vua Phát-gia-sa thùng bụng và chết tại chỗ. Phát-gia-sa liền được sanh lên trời A-na-hàm⁴⁸. Đức Phật dạy các đệ tử đem xác Phát-gia-sa trà-tỳ, xây tháp, và nhắc nhở các đệ tử: “*Cội gốc của tội báo phải nên cẩn thận!*”.

47. Không, vô nguyện, vô tướng: ba môn giải thoát.

48. Trời A-na-hàm: cõi trời Quảng Quả Thiên ở Sắc giới.

Phẩm 8

NHÂN TỬ

1. BỎ NGHỀ SĂN BẮN

Thuở xưa, đức Phật giáo hóa tại nước La-duyệt-kỳ. Trong một ngọn núi cách nước này năm trăm dặm, có một ngôi làng với khoảng một trăm hai mươi hai người đang sinh sống bằng nghề săn bắt thú rừng. Họ mặc áo da, ăn thịt thú, thờ cúng quỷ thần, trước giờ không hề làm ruộng cấy cấy, không biết đến Tam bảo.

Bằng thánh trí, đức Phật xét thấy họ đáng được hóa độ. Thế là một hôm, Ngài đến ngồi bên một gốc cây trong ngôi làng nọ. Hôm ấy, tất cả đàn ông đều đi săn, chỉ có phụ nữ ở trong làng. Thấy ánh hào quang của đức Phật chiếu rọi khắp đất trời, cây cỏ đất đá trong núi đều biến thành một màu vàng ròng. Tất cả người lớn kẻ nhỏ trong làng đều kinh ngạc vui mừng, cho rằng đức Phật là vị thần linh, nên kéo đến lễ bái, cúng dường và cùng ngồi quây quần bên Ngài. Đức Phật giảng cho các bà mẹ nghe về tội báo của sát sanh, phước đức của lòng từ bi, ân ái chỉ nhưt thời, có hợp thì có tan. Nghe xong, các bà mẹ hoan hỷ đến trước đức Phật thưa:

- Thưa Ngài! Dân làng ở đây thích giết hại, lấy thịt thú làm thức ăn. Nay muốn thiết lễ cúng dường, xin Ngài nhận cho.

Đức Phật bảo:

- Pháp của chư Phật không ăn thịt chúng sanh, ta đã ăn rồi mới đến đây, không phải làm phiền mọi người!

Nhân đó, đức Phật dạy:

- Trên đời này có vô số loại thức ăn, tại sao không kiếm những thức ăn có ích lợi, lại giết hại chúng sanh để nuôi sống mình? Để rồi sau khi chết bị đọa vào đường dữ, chỉ có tổn hại chứ không lợi ích! Làm người thì nên ăn ngũ cốc, phải thương xót loài chúng sanh, dù là sanh vật nhỏ bé, chúng cũng đều tham sống sợ chết. Cướp đi sự sống của loài khác là tội lớn không hề mất, nhân từ không giết hại thì đời đời không gặp tai họa.

Lúc ấy, đức Thế Tôn nói bài kệ:

*Nhân từ không sát hại
Luôn bảo vệ được thân
Đó là nơi bất tử
An ổn không tai họa.
Không sát là nhân từ
Thận trọng lời, giữ tâm
Ấy là chốn bất tử
An ổn không tai họa.
Thuận theo lẽ tự nhiên
Không làm hại chúng sanh
Chẳng còn chút nào phiền
Là xứng với phạm thiên.
Thường đem lòng yêu thương
Trong sáng như Phật dạy
Biết đủ, biết lúc dừng
Là qua biển từ sanh.*

Đức Phật vừa nói kệ xong thì những người đàn ông đi săn cũng vừa trở về.

Những phụ nữ đang nghe giảng, nên không ra đón. Cánh đàn ông cảm thấy kỳ lạ về việc bất thường này, nên quăng những con thú săn được, vội vã chạy về làng, vì nghĩ là trong làng đang xảy ra biến cố. Vừa về tới, thấy tất cả các phụ nữ đều ngồi trước đức Phật chấp tay nghe giảng, những người chồng nổi giận quát tháo, toan hãm hại đức Phật.

Những người phụ nữ khuyên ngăn: “*Vị này là thần thánh, các ông chớ có khởi tâm ác!*”.

Nghe vậy, mọi người đều hối hận, đánh lễ đức Phật. Đức Phật giảng lại phước báo của việc không giết hại và tội báo của việc giết hại cho họ nghe. Nghe xong họ đều tỉnh ngộ, liền quỳ xuống thưa đức Phật:

- Chúng con sanh ra và lớn lên trong chốn núi sâu, sống bằng nghề săn bắn, gây tội lỗi không biết bao nhiêu mà kể. Chúng con phải làm cách nào để tránh khỏi tai họa về sau?

Khi ấy, đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Thực hành lòng nhân từ
Yêu thương cứu mọi loài
Phước báo luôn theo mình
Được mười một điều tốt.
Ngủ ngon, thức an ổn
Không hề thấy ác mộng
Được chư thiên hộ trì
Mọi người luôn yêu thương.
Không nguy hiểm, đao binh
Thoát được nạn nước, lửa
Hiện đời phước thiện tăng
Chết sinh về cõi phạm
Là mười một pháp lợi.*

Đức Phật nói kệ xong, một trăm hai mươi hai người nam nữ lớn nhỏ đều vui mừng tin nhận và vâng giữ năm giới. Đức Phật đề nghị vua Bình-sa cấp cho họ ruộng đất và hạt giống để canh tác. Từ đó mọi người ai cũng tu tập lòng từ, đất nước được an ổn thái bình.

2. ĐÔI BỜ SỐNG CHẾT

Thuở xưa, vua Hòa Mặc ở vùng biên cương chưa từng thấy được Tam bảo và sự giáo hóa vi diệu của bậc thánh, chỉ biết phụng thờ phạm chí, ngoại đạo, yêu mị. Nhân dân cả nước đều theo tà đạo, sát sanh, cúng tế là chuyện thường ngày của họ.

Một hôm, thái hậu lâm bệnh nằm liệt giường. Vua cho mời các thầy thuốc nổi tiếng điều trị, nhưng không còn mong gì vào thuốc thang nữa. Vua lại cho mời các nữ đồng cốt đến cầu thần, nhưng qua nhiều năm mà bệnh tình của thái hậu vẫn không thuyên giảm. Vua lại triệu tập hai trăm bà-la-môn trong nước vào cung thiết lễ cúng dường thức ăn uống, rồi hỏi:

- Thái hậu mẹ ta bệnh nặng đã lâu, không biết vì nguyên do gì mà lâm bệnh như vậy? Quý vị là những người thông tuệ, biết rành về tướng số, trời đất, tinh tú. Có điều gì không tốt xin hãy nói rõ cho ta biết.

Các bà-la-môn đáp:

- Do tinh tú đảo lộn, âm dương bất hòa nên dẫn đến như vậy!

- Làm cách nào để giải trừ?

- Phải chọn một nơi bằng phẳng sạch sẽ ở ngoài thành lập đàn cầu nguyện núi non, nhật nguyệt, tinh tú; chuẩn bị đầy đủ một trăm súc vật đủ loại và một đứa trẻ để giết tế trời. Nhà vua đích thân dẫn thái hậu đến đàn quỳ lạy cầu xin thì bệnh sẽ lành.

Nhà vua liền chuẩn bị đầy đủ mọi thứ như lời bà-la-môn chỉ dạy, rồi đưa tất cả ra cổng thành phía đông đến chỗ tế đàn để làm lễ cúng tế. Tiếng kêu khóc bi thảm chấn động cả đất trời suốt một chặng đường dài.

Vội lòng đại bi độ khắp tất cả chúng sanh, đức Thế Tôn thương xót vị vua quá ngu muội kia. Tại sao chỉ muốn cứu một người mà bày chuyện ác đức giết hại nhiều chúng sanh? Vì vậy, đức Thế Tôn dẫn đại chúng đến nước đó. Trên đường, Thế Tôn gặp nhà vua cùng những bà-la-môn tại cổng thành phía đông đang lừa súc vật và một đứa bé kêu khóc đến nơi cúng tế. Từ xa, vua và mọi người thấy đức Phật như mặt trời vừa mọc, như ánh trăng rằm vắng vạc, hào quang chiếu sáng rực rỡ cả đất trời, ai nấy đều khởi tâm kính ngưỡng. Những

súc vật và đứa trẻ làm vật cúng tế đều mong được cứu thoát.

Vua Hòa Mặc vội vàng xuống xe đến trước đức Phật, bỏ mũ đánh lễ dưới chân Ngài rồi chấp tay, quỳ gối thăm hỏi. Đức Phật mời vua ngồi và hỏi:

- Đại vương đang định đi đâu?

- Thưa ngài, thái hậu lâm trọng bệnh đã lâu, các lương y tài giỏi chữa trị mà vẫn không thấy thuyên giảm. Nay tôi muốn lập đàn cúng tạ tinh tú, tứ sơn ngũ nhạc⁴⁹ khẩn cầu cho bệnh tình của mẹ được thuyên giảm.

Đức Phật bảo:

- Đại vương lắng nghe ta nói vài lời. Muốn được lúa, phải ra sức cày cấy; muốn được giàu sang phải thực hiện bố thí; muốn được sống lâu phải khởi lòng yêu thương tất cả; muốn được trí huệ thì phải học hỏi. Thực hành bốn điều này, tùy theo gieo nhân nào thì sẽ gặt quả đó. Phàm nhà giàu sang thì không thích ăn thức ăn của người nghèo hèn. Chư thiên dùng bảy báu làm cung điện, thức ăn vật mặc đều tự nhiên theo ý, lẽ nào lại bỏ trân vị cam lộ mà đi ăn những đồ cúng tế dơ uế này? Cúng tế theo kiểu cuồng loạn, lấy tà làm chánh, giết sanh mạng để cầu sự sống thì trái quá xa với đạo lý sanh tồn. Giết bao nhiêu sanh mạng để mong cứu một người thì làm sao có thể!

Đức Phật bèn nói kệ:

*Dù người sống trăm tuổi
Kính thờ các thần linh
Giết voi ngựa tế trời
Chẳng bằng một việc lành.*

Lúc nói kệ, đức Phật phóng hào quang chiếu sáng khắp đất trời, chúng sanh trong tam đồ⁵⁰, bát nạn⁵¹ đều rất vui mừng và đều được lợi ích. Vua Hòa Mặc

49. **Tứ sơn ngũ nhạc** 四山五嶽: chỉ cho bốn phương tám hướng.

50. **Tam đồ** 三塗: hỏa đồ, đao đồ, huyết đồ.

51. **Bát nạn** 八難 (S: aṣṭāv akṣaṇāḥ; Cg: bát nạn xứ, bát ác): tám khổ nạn, chướng ngại chúng sanh đến với pháp đạo: nạn địa ngục, nạn ngã quý, nạn súc sanh, nạn sanh lên cõi trời Trường Thọ, nạn sanh lên cõi Uất-đan-việt, nạn điếc dui câm ngọng, nạn thể trí biện thông, nạn sanh trước Phật và sau Phật.

nghe được diệu pháp và thấy hào quang của Phật, nên vô cùng vui mừng, liền đắc đạo quả. Thái hậu nghe pháp, thân thể khoan khoái, bệnh liền bình phục. Hai trăm phạm chí thấy hào quang của đức Phật, lại nghe được lời dạy của Ngài nên sanh lòng hổ thẹn và ăn năn lỗi lầm, xin làm đệ tử. Đức Phật tiếp nhận và độ cho làm sa-môn, mỗi vị đều thành tựu như nguyện.

Vua và đại thần thỉnh đức Phật lưu lại một tháng để cúng dường. Từ đó, vua dùng chánh pháp cai trị đất nước, khiến cho đất nước ngày càng thái bình hưng thịnh.

Phẩm 9

LỜI NÓI

1. LỜI THÈ ĐỘC

Thuở xưa, có vị vua tên Phát-gia-sa. Sau khi xuất gia, vua vào thành La-duyet-kỳ khát thực. Nhưng bất hạnh thay, vua mới vào cổng thành thì bị một con bò mẹ mới sanh húc chết. Chủ bò sợ quá liền bán nó cho người khác. Một hôm, người chủ mới dẫn bò đi uống nước cũng bị nó từ phía sau húc chết. Con trai người chủ nổi giận liền giết bò rồi mang thịt ra chợ bán. Một nông dân mua chiếc đầu của con bò này gánh về. Cách nhà còn hơn một dặm đường, anh ta bèn treo đầu bò trên một cành cây rồi ngồi bên dưới nghỉ mệt. Không ngờ, chỉ một lát thì dây đứt, đầu bò rơi thẳng xuống trúng ngay anh ta, sừng cắm sâu vào người khiến anh ta chết ngay tại chỗ.

Chỉ trong một ngày mà con bò này giết chết đến ba người. Vua Bình-sa nghe được việc quái lạ này liền dẫn quần thần đến tinh xá đánh lễ đức Phật, rồi đứng trang nghiêm, chấp tay thưa:

- Bạch đức Thế Tôn! Thật kỳ lạ, chỉ trong ngày hôm nay, một con bò mẹ đã giết chết ba người. Chắc chắn sẽ có chuyện không hay xảy ra, chúng con mong được nghe lời chỉ dạy của Thế Tôn!

Đức Phật bảo:

- Quả báo có nguyên nhân từ xưa, chẳng phải hôm nay ngẫu nhiên đưa đến cảnh tượng như vậy.

- Bạch đức Thế Tôn! Chúng con xin được nghe nhân duyên này!

Đức Phật dạy:

- Thuở xưa, có ba người sang nước khác buôn bán, họ ở trọ trong ngôi nhà của một bà lão cô độc. Thấy bà lão cô cút một mình nên họ tỏ ra khinh thường, không muốn trả tiền. Thừa lúc bà lão đi vắng, bọn họ lén bỏ đi. Khi trở về không thấy những người khách buôn này, bà hỏi thăm thì những người trong xóm đều báo cho biết bọn họ đã đi rồi. Bà già nổi giận, đuổi theo mệt đứt hơi mới bắt kịp họ. Bà liền trách và đòi tiền nhà, ba người khách buôn đã không trả tiền còn ngang ngược mắng chửi: “*Chúng tôi đã trả trước cho bà rồi, sao bây giờ còn theo đòi nữa?*”. Rồi cả bọn hòa nhau mắng bà lão mà không chịu trả tiền. Bà lão thân cô sức yếu chẳng biết phải làm sao, đau buồn thê độc với bọn khách buôn: “*Nay ta đã nghèo khổ, tại sao các người còn nỡ khinh thường gạt gẫm. Ta thề đời sau sanh ở đâu, nếu gặp lại bọn người ta quyết sẽ giết chết không tha. Cho dù các người tu hành đắc đạo ta cũng không bỏ qua mối thù này, chùng nào giết chết bọn người mới thôi*”.

Đức Phật nói với vua Bình-sa:

- Bà lão thuở xưa chính là con bò mẹ ngày nay, còn ba người khách buôn nọ chính là ba người bị bò giết chết, như Phát-gia-sa...

Khi ấy, đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Chửi mắng lời độc ác
Kiêu căng, khinh miệt người
Làm những điều như thế
Oán thù sẽ phát sanh.
Nói những lời hòa thuận
Tôn kính người xung quanh
Bỏ kết nhân điều ác
Từ đây hết hận thù.*

*Phàm người sống ở đời
Như búa để trong miệng
Sở dĩ thân bị chém
Đều do nói lời ác.*

Nghe đức Phật nói, vua Bình-sa và tất cả các quan đều hết lòng cung kính, nguyện vâng theo hạnh lành, rồi đánh lễ đức Phật ra về.

Phẩm 10

SONG YẾU

1. NGHĨ GÌ ĐƯỢC ĐÓ

Thuở xưa, một hôm, vua Ba-tư-nặc quốc vương nước Xá-vệ đến bái kiến đức Phật. Đến nơi, vua xuống xe, hạ lọng, cất guom, cởi giày, chấp tay đi thẳng vào, năm vóc gieo sát đất dành lễ dưới chân đức Phật rồi quỳ gối thưa:

- Bạch đức Thế Tôn! Ngày mai con cho thiết bày cúng dường nhiều thức ăn ngon tại các ngã tư đường, để cho toàn thể dân chúng trong nước biết đến đức Phật chí tôn, đồng thời nguyện cầu cho toàn thể dân chúng tránh xa tà ma yêu mị, thọ trì năm giới để trong nước không còn những tai họa.

Đức Phật dạy:

- Lành thay! Phàm làm quốc vương phải có sự sáng suốt lãnh đạo nhân dân để cầu phước báo đời sau.

Vua thưa:

- Bạch đức Thế Tôn. Con xin trở về để chuẩn bị cho buổi lễ cúng dường ngày mai.

Hôm ấy vua tự tay làm thức ăn, rồi đích thân đi nghênh đón đức Phật và chúng tăng đến ngã tư đường. Đức Phật đến tòa ngời, đích thân nhà vua rót nước cho đức Phật rửa tay. Thọ trai xong, đức Phật thuyết pháp cho vua nghe, người đến xem nhiều vô số.

Khi ấy, trong chúng hội có hai thương nhân, một người nghĩ rằng: “Đức Phật giống bậc đế vương, còn đệ tử giống như những trung thần. Đức Phật trình bày giáo pháp cao minh, đệ tử truyền tụng. Vị vua này thật sáng suốt, biết đức Phật là bậc đáng tôn kính nên cúi mình phụng sự!”. Còn người kia thì lại nghĩ: “Vua này ngu thật! Thân làm quốc vương mà còn cầu gì nữa? Phật giống như con trâu, còn đệ tử thì giống như chiếc xe. Trâu kia kéo xe thì xe chạy theo khắp đông tây nam bắc. Phật cũng như vậy, ông ta có đạo đức gì mà vua phải hạ mình tôn kính?”.

Nghĩ vậy rồi, hai người cùng lên đường. Đi được khoảng ba mươi dặm thì cả hai dừng chân trong một quán rượu, vừa uống rượu vừa bình luận sự việc liên quan sáng nay. Người có suy nghĩ thiện được Tứ thiên vương⁵² bảo vệ, còn người có suy nghĩ ác thì bị quỷ thần Thái sơn⁵³ xúi giục chuốc rượu vào bụng, toàn thân nóng như lửa đốt, chạy ra đường, nằm giữa làn xe và bị năm trăm cỗ xe của đoàn thương nhân cán chết. Sáng sớm hôm sau, người kia đi tìm mới biết bạn mình đã bị chết. Anh ta suy nghĩ: “Nếu trở về nước thì mọi người nghi ngờ mình là kẻ bất nghĩa, giết người cướp của, xem thường sanh mạng, coi trọng tiền tài”, nên anh ta bèn bỏ qua nước khác.

Quốc vương của nước mà anh ta mới đến vừa thắng hà nhưng không có thái tử nối ngôi. Trong nước có lời sấm thư truyền rằng: “Có một người hàn vi từ nước khác sẽ làm vua nước này. Vị vua cũ có con ngựa thần, nếu gặp người này chắc chắn nó sẽ quỳ gối xuống”. Bấy giờ, các quan chuẩn bị xa giá, đeo ấn tín cho ngựa thần đi tìm quốc chủ. Hàng nghìn người đổ xô ra xem, trong đó

52. **Tứ thiên vương** 四天王: (Cg: Tứ thiên vương, Hộ thế tứ thiên vương, Tứ hộ thế, Tứ đại thiên vương): bốn vị vua trời ở lưng chừng bốn phương núi Tu-di, chuyên giữ gìn Phật pháp, che chở chúng sinh trong bốn đại châu. Đó là: Trì Quốc thiên ở phía đông, Tăng Trưởng thiên ở phía nam, Quảng Mục thiên ở phía tây và Đa Văn thiên ở phía bắc.

53. **Thái sơn** 太山: chỉ cho địa ngục.

có vị thương nhân kia. Nhìn thấy thương nhân, quan Thái sử nói: “Người kia có lưng mây vàng che phủ, đó chính là khí sắc của bậc đế vương!”. Ngựa thần cũng quỳ gối liếm chân của thương nhân. Quần thần vui mừng nấu nước thơm tắm gội cho thương nhân, rồi suy tôn làm quốc vương.

Thế là vị thương nhân kia lên ngôi chăm lo việc nước. Một hôm, vị tân vương này suy gẫm: “Ta không có chút phước thiện nào, có sao lại được thế này? Chắc là nhờ ơn Phật mới được như vậy”. Nghĩ thế, vua cùng với quần thần hướng về nước Xá-vệ, từ xa cúi đầu đánh lễ đức Phật rồi thưa:

- Bạch Thế Tôn! Con là kẻ nghèo hèn không phước đức, nhờ ân từ của Thế Tôn mà được làm vua nước này. Kể từ ngày mai, con xin thỉnh Ngài và thánh chúng rù lòng thương, hạ cố đến đây cho chúng con được cúng dường trong ba tháng hạ.

Đức Phật biết được, bèn bảo tôn giả A-nan căn dặn các thầy ti-kheo:

- Ngày mai, quốc vương kia thỉnh cúng dường, tất cả các thầy đều phải dùng thần thông đến đó để cho quốc vương và nhân dân nước kia hoan hỷ.

Hôm sau, các thầy ti-kheo đều dùng thần thông bay đến nước kia và theo thứ tự ngồi trang nghiêm. Đức Phật thọ thực xong, rửa tay và nói pháp cho vua nghe. Vua thưa:

- Bạch Thế Tôn, con vốn là kẻ thấp hèn không có chút phước đức nào, nhờ duyên gì lại được như vậy?

Đức Phật dạy:

- Trước đây, vua Ba-tư-nặc cúng dường Như Lai ở ngã tư đường, đại vương khởi lên ý nghĩ rằng: “Đức Phật giống như vua, còn đệ tử thì giống như quần thần”. Nhờ gieo hạt giống này mà đại vương được quả báo như ngày hôm nay. Còn một người cho rằng: “Ông Phật giống như con trâu, còn đệ tử thì như chiếc xe”, do tự gieo hạt giống xe cán nên nay chịu quả báo bị xe lừa địa ngục Thái sơn nghiền nát. Mọi chuyện là như vậy, chứ chẳng phải do nhà vua hùng mạnh mà đạt được ngôi vị. Để làm thiện thì phước đức theo sau, làm ác thì tai họa đuổi đến. Đây là việc tự mình làm, chẳng phải trời, rồng hay quỷ thần có thể ban cho.

Khi ấy, đức Thế Tôn bèn nói kệ rằng:

*Tâm là gốc các pháp
Đứng đầu và sai khiến
Trong tâm nghĩ điều ác
Tức nói và làm ác
Đau khổ sẽ đuổi theo
Như xe lăn theo vết.
Tâm là gốc các pháp
Đứng đầu và sai khiến
Trong tâm nghĩ điều thiện
Nói và làm điều thiện
Phước lạc tự tìm đến
Như bóng đi theo hình.*

Đức Phật nói kệ xong, vua và vô số thần dân nghe qua đều rất hoan hỷ, thành tựu pháp nhãn.

2. CÁI GIÁ PHẢI TRẢ

Thuở xưa, trưởng giả Tu-đạt mua mảnh vườn của thái tử Kỳ-đà⁵⁴ rồi cùng xây dựng tinh xá dâng cúng đức Thế Tôn. Mỗi vị thỉnh đức Phật và chư tăng cúng dường một tháng. Nhờ nghe đức Phật thuyết pháp, cả hai vị thí chủ này đều được chứng đạo.

Từ đó, thái tử Kỳ-đà hoan hỷ trở về đông cung, mỗi lần trở nhạc vui chơi đều trở nhạc khen ngợi công đức của đức Phật. Trong khi ấy, em trai thái tử là Lưu Ly lúc nào cũng ở bên cạnh vua cha.

Một hôm, vua Ba-tư-nặc thay y phục vải thô, rồi cùng với cận thần, phi tần hậu cung đến tinh xá, cúi đầu đánh lễ đức Phật rồi thành kính nghe kinh. Hoàng tử Lưu Ly ở lại bảo vệ ngai vàng. Các nịnh thần như A-tát-đà v.v... bày mưu gian với Lưu Ly:

- Xin thái tử hãy thử đeo ấn tín và đai ngọc của đại vương rồi ngồi lên ngai vàng xem có giống vua không?

54: Kỳ-đà 祇陀 (JetṛJeta): thái tử của vua Ba-tư-nặc nước Xá-vệ.

Lưu Ly nghe theo lời sàm tấu, liền mặc hoàng bào ngồi lên ngai vàng. Cả bọn nịnh thần cùng nhau vái lạy chúc mừng:

- Ngài thật giống như bậc đại vương nghìn năm mà lê dân mong ước được gặp, sao có thể để đông cung⁵⁵ chiếm chỗ này được. Ngai vàng này đâu thể ngồi lên rồi bỏ xuống.

Nghe lời ấy, Lưu Ly liền dẫn tùy tùng, mang guơm, mặc giáp đến bao vây và tấn công quan quân của vua cha tại tinh xá Kỳ-hoàn, giết hơn năm trăm cận thần triều đình, đuổi vua cha không cho trở về cung.

Vua và hoàng hậu trốn chạy suốt ngày đêm đến nước Xá-di⁵⁶. Giữa đường đói khát, vua ăn rau rừng nên bị trướng bụng rồi băng hà trên đường chạy nạn. Thế là, Lưu Ly nắm quyền, tuốt guơm xông vào đông cung giết chết hoàng huynh Kỳ-đà. Vì hiểu được lẽ vô thường nên thái tử Kỳ-đà không chút hoảng sợ, về mặt an nhiên mỉm cười vui vẻ, cam lòng chịu chết. Lúc sắp tắt thở, thái tử Kỳ-đà nghe tiếng nhạc tự nhiên nổi lên giữa hư không đến đón thần thức của mình.

Tại tinh xá Kỳ-hoàn, đức Phật nói kệ rằng:

*Tạo vui, đời sau vui
Làm thiện, hai đời vui
Người làm thiện thường vui
Được phước tâm an lạc.
Nay vui, sau cũng vui
Làm thiện, hai đời vui
Đây là tự giúp mình
Hưởng phước càng vui hơn.*

Sau đó, Lưu Ly liền cử binh chinh phạt nước Xá-di, sát hại những người dòng họ Thích và các bậc kiến đạo một cách tàn bạo vô đạo, đầy đủ năm tội ngũ nghịch⁵⁷. Đức Phật biết trước vua Lưu Ly bất trung bất hiếu, phạm các tội

55. Đông cung 東宮: chỉ cho thái tử

56. Xá-di 舍夷: tên khác của thành Xá-vệ

57. Ngũ nghịch 五逆: năm tội cực ác trái với đạo lý: giết cha, giết mẹ, giết a-la-hán,

nặng, trong bảy ngày sau sẽ bị lửa địa ngục thiêu chết. Quan thái sử⁵⁸ cũng đoán quẻ như vậy.

Nghe tin ấy Lưu Ly rất sợ hãi liền lên thuyền ra giữa biển, vì nghĩ rằng: “*Nay ta ở trên mặt nước, lửa làm sao đến được*”. Nhưng đúng ngày thứ bảy, tự nhiên lửa từ dưới nước bốc lên thiêu cháy thuyền, khiến thuyền chìm dần xuống biển. Lưu Ly bị lửa thiêu, chết chìm giữa ngọn lửa dữ trong cơn hoảng sợ.

Khi ấy đức Thế Tôn liền nói kệ rằng:

*Gieo sầu, đời sau sầu
Làm ác, hai đời sầu
Gieo sầu thường buồn lo
Gặp tội, tâm sợ hãi.
Nay hối, sau cũng hối
Làm ác, hai đời hối
Làm vậy tự chuốc họa
Chịu tội báo khổ đau.*

Nói kệ xong, đức Phật bảo các thầy ti-kheo:

- Thái tử Kỳ-đà không tham địa vị vinh hoa, giữ đạo mà chết nên được sanh lên cõi trời hưởng an lạc tự nhiên. Vua Lưu Ly cuồng si, phóng túng nên sau khi chết bị đọa vào địa ngục chịu khổ vô cùng. Trong thế gian, tất cả những người dù giàu sang hay nghèo hèn cũng đều phải chịu quy luật vô thường, không có gì trường tồn. Thế nên, bậc trượng phu thà hi sinh tánh mạng để giữ vẹn toàn của báu tinh thần.

Mọi người đều kính tin và ghi nhận lời đức Phật dạy.

3. HƯƠNG HOA THƠM VÀ TANH HÔI

Thuở xưa, một hôm, đức Phật quán thấy có hơn bảy mươi gia đình bà-la-môn sinh sống tại một ngôi làng phía sau núi Kỳ-xà-quật có phước báo đời

làm thân Phật ra máu, phá hòa hợp tăng.

58. **Quan thái sử** (thái sử quan 太史官): chức quan này có vào đời Tây Chu, Xuân Thu, chuyên biên chép việc sử sách, soạn thảo văn thư, quản lý việc quốc gia, xem thiên văn toán số.

trước đáng được độ, nên Ngài đến đó thị hiện thần thông. Mọi người chứng kiến hào quang uy nghiêm của đức Phật đều sinh lòng kính phục. Khi ấy, đức Phật ngồi dưới tán cây hỏi các bà-la-môn:

- Các ông ở trong núi này đã bao nhiêu đời rồi? Sống bằng nghề gì?
- Chúng tôi ở đây đã hơn ba mươi đời và sống bằng nghề chăn nuôi, cày cấy.
- Các ông tôn thờ và tu theo hạnh gì để cầu thoát ly sanh tử?

- Chúng tôi thờ mặt trời, mặt trăng, nước, lửa, tùy theo mùa mà cúng tế. Nếu có người chết thì tất cả những người lớn nhỏ trong làng tập hợp khẩn cầu cho họ được sanh về phạm thiên thoát ly sanh tử.

Đức Phật nói với các bà-la-môn:

- Tất cả các việc chăn nuôi, cày cấy, cúng tế mặt trời, mặt trăng, nước, lửa hay việc khẩn cầu sanh lên cõi trời đều chẳng phải là cách để thoát ly sanh tử vĩnh viễn. Dù cho có phước cao tốt thì cũng không qua được hai mươi tám tầng trời, nếu không có đạo trí huệ thì vẫn còn đọa lạc trong ba đường. Chỉ có chí xuất gia tu hành thanh tịnh, thực hành thiền định mới có thể đạt đến niết-bàn.

Khi ấy, Thế Tôn liền nói kệ:

*Cho chân thật là nguy
Cho nguy là chân thật
Đó chính là tà kiến
Chẳng được lợi ích thật.
Biết chân thật là chân
Rõ nguy chính là nguy
Đó mới là điều hay
Ắt được lợi ích thật.
Sống trên đời phải chết
Ba cõi không hề an
Chư thiên dù vui sướng
Hết phước cũng tiêu tan.
Quán sát khắp thế gian
Đã sanh ắt phải tử
Muốn thoát khỏi sanh tử*

Phải tu đạo chân thật.

Nghe đức Phật dạy, bảy mươi bà-la-môn vui mừng hơn hờ, hiểu rõ đạo lý, xin làm sa-môn. Đức Phật bảo:

- Thiện lai ti-kheo!

Ngay lúc ấy, râu tóc của các bà-la-môn tự rụng, tất cả trở thành sa-môn. Đức Phật dẫn các tân ti-kheo trở về tinh xá. Đi được một đoạn, các ti-kheo lưu luyến nhìn vợ con, và đều thoái tâm tu tập. Ngay lúc đó, bất chợt trời đổ mưa, làm cho tâm trạng các ti-kheo càng buồn thảm hơn. Biết được nỗi lòng của họ, đức Phật dùng thần thông biến ra mấy chục căn nhà ở bên đường. Mọi người liền vào những ngôi nhà đó tránh mưa, nhưng nhà lại bị đột ướt. Nhân đó, đức Phật nói kệ:

*Nhà lợp không được kín
Trời mưa nước lọt vào
Tu hành tâm không vững
Bị dục tình xuyên thủng.
Nếu khéo lợp nhà kín
Mưa không thể nào đột
Nhiếp tâm ý chuyên tu
Dục tình không sanh khởi.*

Nghe đức Phật nói bài kệ này, bảy mươi sa-môn tuy gượng sách tấn nhưng lòng vẫn buồn man mác. Mưa tạnh, mọi người lên đường. Thấy trên mặt đất có mảnh giấy cũ, đức Phật bảo một vị ti-kheo nhặt lên. Vâng lời, ti-kheo nhặt lên. Đức Phật liền hỏi:

- Đây là giấy gì?

Các ti-kheo thưa:

- Bạch Thế Tôn, đây là tờ giấy gói hương, tuy nay đã bị vứt bỏ, nhưng mùi thơm vẫn còn.

Mọi người lại tiếp tục lên đường. Đi được một đoạn, thấy có sợi dây đứt trên đường, đức Phật dạy ti-kheo nhặt lên. Vâng lời, ti-kheo nhặt lấy sợi dây. Đức Phật liền hỏi:

- Đây là sợi dây gì?

Các ti-kheo thưa:

- Bạch Thế Tôn, đây là sợi dây râu cá nên có mùi tanh hôi.

Đức Phật dạy:

- Tất cả mọi vật vốn thanh tịnh, nhưng do nhân duyên đưa đến mà có tội phước khác nhau, như người gần gũi bậc hiền minh thì đạo nghĩa sâu đậm, kết giao bạn ngu thì tai ương ập đến, như tờ giấy và sợi dây kia, gói hương thì thơm, râu cá thì tanh hôi, dần dần thành thói quen mà không hề nhận biết được.

Khi ấy, Thế Tôn liền nói kệ:

*Kẻ xấu, nhiễm người
Như gần vật tanh hôi
Mê muội, quen việc xấu
Ác hồi nào chẳng hay.
Bậc hiền ảnh hưởng người
Như gần vật thơm tho
Trí sáng, quen làm thiện
Đức hạnh càng sáng thơm.*

Được nghe kệ lần nữa, bảy mươi sa-môn biết nhà cửa là rừng nhơ, vợ con là gông cùm, nên niềm tin càng vững chắc hơn trong đạo giải thoát. Về đến tỉnh xá, họ chuyên tâm tu hành và đều chứng quả A-la-hán.

Phẩm 11

BUÔNG LUNG

1. SA-MÔN THAM DỤC

Thuở xưa, lúc đức Phật còn tại thế, có năm trăm khách buôn từ biển mang về nước rất nhiều báu vật. Đi qua vùng núi rừng hoang vu, họ bị ác quỷ làm mê mờ, không cách nào thoát ra được. Lương thực hết dần, đói khát khôn cùng, rốt cuộc tất cả đều bị chết đói, của cải hàng hóa quý báu đành bỏ lại chốn rừng hoang.

Khi ấy, có một sa-môn đang tu tập trong núi, thấy vậy bèn suy nghĩ: “*Ta chăm chỉ học đạo, gian khổ suốt bảy năm qua mà không thể đắc đạo, lại nghèo khổ không có gì để nuôi sống bản thân. Ta lấy bảo vật không chủ này mang về để xây dựng cơ nghiệp*”. Nghĩ vậy, sa-môn liền xuống núi nhặt lấy bảo vật cất giấu một nơi, rồi về nhà kêu gọi anh em đến mang về, nhưng mới đi nửa đường thì sa-môn gặp đức Phật. Quán thấy vị sa-môn này đáng được độ, đức Phật hóa làm một ti-kheo-ni cạo tóc đắp y, đánh phấn kẻ mày, đeo đầy vàng bạc châu báu, đang lần đường vào núi. Gặp sa-môn giữa đường, ti-kheo-ni đành lễ hỏi thăm. Sa-môn quở ti-kheo-ni:

- Phép tắc tu tập của ti-kheo-ni mà như thế sao? Đã cạo tóc mang pháp phục sao lại đánh phấn kẻ mày, đeo vật trang sức?

Ti-kheo-ni đáp:

- Vậy, pháp của sa-môn cũng thế sao? Đã từ bỏ gia đình, vào núi sâu tĩnh tâm học đạo, sao lại lấy của cải mà nó chẳng thuộc về mình; tham dục quên đạo, tâm ý buông lung, không nghĩ đến vô thường, cuộc sống thế gian chỉ là tạm bợ, còn tội báo thì kéo dài bất tận.

Ti-kheo-ni liền nói kệ:

*Ti-kheo giữ giới nghiêm
Buông lung lắm lỗi lớn
Xấu nhỏ thành họa nhiều
Chứa ác, bị lửa thiêu.
Giữ giới, phước thêm vui
Phạm giới lòng lo sợ
Ba cõi phiền não hết
Niết-bàn sẽ kề bên.*

Nói kệ xong, ti-kheo-ni hiện lại thân Phật tướng tốt rạng ngời. Sa-môn thấy vậy sợ hãi vô cùng, phủ phục dưới chân Phật, sám hối lỗi lầm:

- Bạch Thế Tôn! Con ngu si mê lầm, sống trái chánh pháp, không biết quay đầu. Bây giờ con phải làm sao?

Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Trước sống đời buông lung
Sau có thể chế ngự
Chiếu sáng khắp thế gian
Nhờ sức tu chánh định.
Mê lầm gây tội ác
Hối lỗi làm điều lành
Chiếu sáng khắp thế gian
Nhờ thực hành niệm thiện.
Xuất gia từ thuở nhỏ*

*Siêng tu lời Phật dạy
 Như trăng thoát khỏi mây
 Chiếu sáng khắp thế gian.
 Người trước đây làm ác
 Sau dừng, không tái phạm
 Như trăng vượt mây mù
 Chiếu sáng khắp thế gian.*

Nghe bài kệ, ti-kheo như mờ được mối ưu phiền, dứt hết lòng tham, liền cúi đầu đánh lễ dưới chân đức Phật, rồi trở lại ngồi bên cội cây tu pháp lục diệu⁵⁹, chứng quả A-la-hán.

59. Lục diệu (Cg: lục diệu môn 六妙門): sáu pháp tu nhập niết-bàn: sổ tức: đếm hơi thở để nhiếp tâm; tùy tức: nhiếp tâm theo hơi thở ra vào; chi: định tâm; quán: quán năm ấm là hư giả; hoàn: nội quán tâm chẳng phải thật; tịnh: tâm không bám trụ, thanh tịnh lắng trong.

Phẩm 12

TÂM Ý

1. GIỮ TÂM Ý NHƯ RỪA GIỮ THÂN

Thuở xưa, lúc đức Phật còn tại thế, có một đạo nhân tu tập trong suốt mười hai năm nơi cội cây bên dòng sông mà vẫn không thể trừ bỏ được tâm tham. Lúc nào tâm ý ông cũng tán loạn, chỉ nhớ đến sáu thứ dục⁶⁰. Thân ngồi yên mà ý thì giông ruồi khắp nơi, cho nên tu hành suốt mười hai năm mà chưa chứng được đạo. Biết có thể độ được, đức Phật hóa làm một vị sa-môn đi đến chỗ ông ta. Cả hai cùng trú ngụ qua đêm dưới cội cây. Đến khi trời sáng có một con rùa từ dưới sông bò lên gốc cây. Lúc đó cũng có một con rái cá đói đang đi săn mồi, gặp con rùa nó định bắt ăn thịt. Con rùa vội rút đầu, đuôi và bốn chân vào trong mai, nên rái cá không thể làm gì được. Rái cá bỏ đi xa một chút thì rùa thò đầu và chân ra bước đi mà không biết vì sao mình được thoát nạn.

Khi ấy, đạo nhân nói với sa-môn:

- Con rùa này có áo giáp hộ mạng, nên rái cá không thể làm gì được.

60. Sáu thứ dục (lục dục 六欲): sáu loại dục vọng: sắc dục, thanh dục, hương dục, vị dục, xúc dục, pháp dục.

Sa-môn nói:

- Ta nghĩ người thế gian chẳng bằng con rùa này, không biết vô thường, cứ buông lung theo sáu tình⁶¹ nên ngoại ma⁶² có cơ hội làm tan thân, thất chí, sanh tử không đầu mối, trôi lăn mãi trong năm đường⁶³; khổ não muôn trùng đều do tâm tạo. Vì vậy, nên tự cố gắng cầu niết-bàn tịch diệt.

Bấy giờ, hóa sa-môn liền nói kệ:

*Thân này chẳng lâu bền
Rồi sẽ về với đất
Thân hoại, thân thức đi
Sống tạm, tiếc tham gì?
Những ý nghĩ dấy khởi
Đến đi không đầu mối
Nghĩ tưởng điều sai quấy
Tự chuốc họa vào thân.
Tất cả do ý tạo
Chẳng phải cha mẹ làm
Siêng năng theo đường chánh
Làm phước, chớ theo tà.
Giữ sáu căn như rùa
Buộc ý vững như thành
Dùng trí đánh ma quân
Chiến thắng hết tai họa.*

Nghe bài kệ này, đạo nhân dứt hết tham dục, liền chứng quả A-la-hán. Biết được hóa sa-môn chính là đức Phật Thế Tôn, đạo nhân vội cung kính, sửa pháp phục cúi đầu đánh lễ dưới chân Ngài. Tất cả trời, rồng, quý thần nghe biết đều vui mừng.

61. **Sáu tình** (lục tình 六情): chính là sáu căn. Bởi vì mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý đều có tình thức.

62. **Ngoại ma** 外魔 (Cg: thiên ma 天魔): sự chướng ngại ở cảnh giới bên ngoài, không phải trong chính nội tâm.

63. **Năm đường** (ngũ đạo 五道): trời, người, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh và A-tu-la.

Phẩm 13

HOA HƯƠNG

1. NGUYỆN XƯA ĐÃ THÀNH

Thuở xưa, lúc đức Phật giáo hóa tại nước Xá-vệ. Giữa vùng biển phía đông nam nước này có một tòa đài lớn, trên đài có một loài cây nở hoa thơm ngát, thân cây sạch sẽ.

Khi ấy, có năm trăm phụ nữ thuộc dòng bà-la-môn tín tâm tu tập theo pháp ngoại đạo, không hề biết có Phật hiện hữu. Một hôm, họ nói với nhau:

- Chúng ta sanh làm thân người nữ, từ trẻ đến già bị ba điều ràng buộc không chút tự do. Mạng sống lại ngắn ngủi, thân hình tạm bợ và sẽ phải chết. Chi bằng chúng ta cùng nhau đến đài hoa hương hái hoa thơm, tình tấn trì trai, phụng phục trước Phạm thiên, cầu nguyện được sanh lên cõi Phạm thiên sống trường sanh bất tử, tự tại không ràng buộc, tránh xa tội chướng không còn lo sợ.

Bàn xong, họ chuẩn bị đồ cúng rồi đi đến đài kia hái hoa thơm dâng cúng Phạm thiên, một lòng trì trai nguyện quy y tôn thần.

Khi ấy, đức Thế Tôn thấy các phụ nữ này tuy trì trai theo thế tục, nhưng tâm tinh tấn đáng được hóa độ, Ngài liền dẫn đại chúng đệ tử, bồ-tát, trời, rồng, quỷ thần bay lên hư không cùng đến ngồi dưới cội cây kia. Những phụ nữ thấy vậy

vui mừng, đều cho rằng Phạm thiên cảm lời nguyện của họ mà hiện đến chỉ dạy, thăm hỏi.

Khi ấy, một thiên nhân bảo họ:

- Đây chẳng phải Phạm thiên mà là đáng tôn kính trong ba cõi, hiệu là Phật, cứu độ vô lượng chúng sanh.

Họ liền đến trước đức Phật, đánh lễ và thưa:

- Thưa ngài, chúng con nhiều tội lỗi, nên đời nay làm thân nữ, mong thoát khỏi sự ràng buộc và được sanh lên Phạm thiên.

Đức Phật dạy:

- Quý vị vì mong được lợi ích nên phát nguyện này. Cuộc đời có hai phương diện nhân quả rất rõ ràng: làm thiện thì hưởng phước, làm ác sẽ bị tai ương. Nỗi khổ ở thế gian hay niềm vui trên cõi trời, phiền não hữu vi hay tịch diệt vô vi, mấy ai có thể chọn lấy điều chân thật? Lành thay, quý vị là những người có ý chí sáng suốt!

Rồi Thế Tôn liền nói kệ:

*Ai khéo chọn đất tốt
Bỏ ràng buộc, sanh trời
Ai nói một câu pháp
Như chọn đóa hoa thiện.
Người học chọn đất tốt
Bỏ ràng buộc, sanh trời
Khéo nói được câu pháp
Như chọn đóa hoa đức.
Biết thế gian dễ hoại
Pháp huyễn có rồi không
Cắt đứt tràng hoa ma
Sanh tử chẳng còn theo
Thấy thân như bọt nước
Pháp huyễn có chợt không
Cắt đứt tràng hoa ma
Thoát khỏi vòng tử sanh.*

Nghe đức Phật nói kệ, những người phụ nữ đó liền xin làm tì-kheo-ni, học đạo chân thật. Khi ấy tóc trên đầu họ tự rụng, pháp y đầy đủ, họ tư duy thiền định liền đắc quả A-la-hán.

Tôn giả A-nan thưa đức Phật:

- Bạch Thế Tôn! Những phụ nữ này vốn có công đức gì mà được đức Thế Tôn đến hóa độ, hơn nữa, họ chỉ nghe pháp một lần liền phát tâm xuất gia và đắc đạo quả?

Đức Phật dạy:

- Nay A-nan, vào thời đức Phật Ca-diếp⁶⁴ có một đại trưởng giả giàu có, của cải nhiều vô số. Ông ta có năm trăm người vợ và hầu thiếp, nhưng tính ông ta lại hay ghen, đến nỗi đóng cửa không cho họ ra ngoài. Những người vợ và hầu thiếp muốn đến bái kiến đức Phật, nhưng ông chẳng bao giờ cho đi. Hôm sau, quốc vương mời các đại thần dự tiệc trên điện suốt cả ngày. Những người vợ và hầu thiếp biết chuyện, nên cùng nhau kéo đến đánh lễ dưới chân đức Phật rồi ngồi xuống nghe kinh với mọi người. Nghe xong, họ đều phát nguyện: *"Xin Thế Tôn giúp cho chúng con đời đời không gặp người ác, sanh ra nơi nào cũng thường được gặp thánh nhân đạo đức. Nghe đời sau có đức Phật hiệu là Thích-ca-văn ra đời, chúng con nguyện được gặp và xuất gia học đạo, nghe theo lời dạy của Ngài"*.

Đức Phật bảo tôn giả A-nan:

- Những người vợ và hầu thiếp thuở xưa chính là năm trăm tì-kheo-ni ngày nay. Nhờ tâm nguyện ngày xưa tha thiết, nên hôm nay được độ. Cũng chính vì vậy mà Thế Tôn đến hóa độ họ.

Nghe lời đức Phật dạy, ai nấy đều hoan hỷ.

64. Đức Phật Ca-diếp 迦葉佛 (S:Kāśyapa Buddha, Cg: Ca-diếp-ba Phật, Hd: Âm Quang Phật): Đức Phật thứ sáu trong bảy đức Phật quá khứ.

QUYỂN 2

Phẩm 13

HOA HƯƠNG

1. HƯƠNG GIỚI HẠNH

Thuở xưa, sau khi thành đạo tại vương quốc La-duyet-kỳ, trên bước đường hoằng hóa, đức Phật dần dần tiến về kinh thành Xá-vệ, nơi mà vua quan và thần dân vô cùng tôn kính Ngài.

Bấy giờ, đại thương gia Ba-lợi cùng năm trăm khách buôn ra biển tìm châu báu. Trên biển, họ gặp một vị thần đưa một vốc nước ngọt hỏi Ba-lợi:

- Người nghĩ xem nước trong biển nhiều hay nước trong vốc tay ta nhiều hơn?

Đáp:

- Nước trong vốc tay của ngài nhiều hơn. Vì nước biển tuy nhiều, nhưng không ích lợi gì cho đời sống này, không thể cứu người thoát khỏi cơn khát. Vốc nước trong tay dù ít ỏi, nhưng có thể giúp người qua cơn khát. Nhờ đó sẽ hưởng vô số phước báo trong nhiều đời.

Nghe điều ấy, thần biển vui mừng khen ngợi, cỡi râu chuỗi bảy báu có tám mùi hương đang đeo trên người tặng cho Ba-lợi và hộ tống đoàn thuyền về đến bốn quốc bình an vô sự.

Về nước, Ba-lợi dâng chuỗi ngọc thom lên vua Ba-tư-nặc, đồng thời kể cho vua nghe đầu câu chuyện gặp thần biển và thưa:

- Tâu đại vương, thần nghĩ râu chuỗi ngọc thom quý giá này xứng đáng được trang sức cho người cao quý nhất, nên thành kính dâng lên Ngài, xin đại vương hãy chiếu cố nhận cho.

Nhận được chuỗi ngọc, nhà vua cho là vật quý hiếm, liền gọi các phu nhân đến xếp hàng trước mặt, người nào đẹp nhất sẽ được tặng râu chuỗi thom này. Sáu vạn phu nhân đều trang điểm lộng lẫy bước ra, chỉ thiếu phu nhân Mạt-lợi.

Nhà vua hỏi:

- Phu nhân Mạt-lợi tại sao không đến?

Người hầu tâu:

- Hôm nay là ngày rằm, phu nhân thọ trì trai giới của Phật, mặc y phục thô xấu nên không dám đến dự.

Nhà vua nổi giận liền cho người đến bảo: *"Vi trì trai giới mà dám trái lệnh của trẫm sao?"*.

Nhà vua triệu ba lần như thế, phu nhân Mạt-lợi vẫn để nguyên y phục thô xấu đến tham dự. Dù vậy, nhưng nhan sắc của bà vô cùng lộng lẫy hơn cả ngày thường, rạng rỡ như mặt trời, mặt trăng.

Nhà vua vừa kinh ngạc vừa kính phục, hỏi:

- Nàng nhờ công đức gì mà thần sắc rực rỡ khác thường đến vậy?

Phu nhân tâu:

- Tâu bệ hạ, thiếp nghĩ rằng mình kém phước, nên phải chịu mang thân người nữ, những ý nghĩ xấu ngày đêm chất cao như núi, mạng người ngắn ngủi, e sợ phải堕 vào ba đường ác. Vì thế, mỗi tháng thiếp thọ trì trai giới của đức

Phật dạy, một ngày tạm thời cắt đứt ân ái, tu tập theo đạo, mong đời đời được hưởng phước báo tối thắng.

Nghe vậy, nhà vua rất vui mừng liền ban cho phu nhân Mạt-lợi xâu chuỗi ngọc thom này. Nhưng phu nhân thưa:

- Tâu bệ hạ, hôm nay thiếp tri trai, không thể đeo chuỗi ngọc được, xin bệ hạ hãy ban chuỗi ngọc quý này cho người khác.

Vua nói:

- Ta vốn có ý tặng vật báu này cho người nào đẹp nhất. Nay nàng là người đẹp nhất, lại biết tu tập theo Phật pháp, tri trai giới, tâm ý thật cao thượng. Vì thế ta ban tặng cho nàng. Nếu nàng không nhận, ta biết làm sao đây?

Phu nhân thưa:

- Xin bệ hạ chớ buồn, hãy nghe thiếp nói, chúng ta cùng nhau đến dâng chuỗi ngọc thom này lên đức Phật, và xin được nghe lời giáo huấn của bậc thánh, nhờ đó sẽ được hưởng phước muôn đời.

Nhà vua đồng ý, bèn ra lệnh chuẩn bị xa giá đến tinh xá gặp đức Phật. Vừa đến, nhà vua đánh lễ rồi đứng qua một bên thưa:

- Bạch đức Thế Tôn! Đây là xâu chuỗi ngọc thom của thần biển tặng cho Ba-lợi. Ông ấy đem dâng cho con, sáu vạn phu nhân đều ao ước có được nó, còn phu nhân Mạt-lợi được con tặng thì lại không nhận, nhờ tri trai giới của Phật nên tâm không còn tham đắm. Nay chúng con thành kính dâng lên đức Thế Tôn, xin Thế Tôn hãy rủ lòng nhận cho. Bạch Thế Tôn! Đệ tử Phật một lòng giữ gìn trai giới, lòng tin chân chính như thế thì sẽ có phước đức gì?

Khi ấy, đức Thế Tôn nhận chuỗi ngọc thom và nói bài kệ:

*Làm nhiều đóa hoa báu
Kết thành tràng đẹp xinh
Tích chứa hương giới đức
Sanh nơi nào cũng tốt.
Hoa thom và cỏ lạ
Hương không bay ngược gió*

Sống trong đạo nhiệm màu
 Hương đức tỏa muôn phương.
 Hương chiên-đàn thơm ngát
 Hoa sen cũng ngạt ngào
 Tuy đó là hương thật
 Nhưng không bằng giới hương.
 Hương hoa thơm đến mấy
 Chẳng phải hương chân thật
 Hương của người trì giới
 Vượt hơn cõi trời kia.
 Giới đầy đủ trọn vẹn
 Hành động không sai trái
 Tâm định được giải thoát
 Vĩnh viễn thoát cõi ma.

Nói kệ xong, đức Phật lại bảo nhà vua:

- Phước đức thọ trì trai giới sẽ được danh tiếng vang xa. Dù cho đem hết tất cả các loại châu báu khắp mười sáu nước trong thiên hạ bố thí, phước đức ấy không bằng phước đức phu nhân Mạt-lợi thọ trì trai giới Phật pháp một ngày một đêm, cũng như hạt đậu sánh với núi Tu-di mà thôi. Vì phước đức trì trai và tu học trí tuệ sẽ đạt đến quả vị niết-bàn.

Nghe đức Phật dạy, vua cùng phu nhân và tất cả quần thần đều hoan hỷ vâng lời thọ trì.

2. HOA SEN GIỮA BÙN

Thuở xưa, đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, nước La-duyệt-kỳ. Một hôm, năm mươi chàng trai con của những nhà giàu có trong thành đến đánh lễ đức Phật rồi ngồi một bên nghe pháp. Đức Phật nói về pháp vô thường, khổ, không, vô ngã; ái ân, mọi thú vui ở thế gian chỉ là ảo mộng, gặp gỡ rồi phải chia ly; sống trong vinh hoa phú quý rồi cũng gặp phải cảnh đau buồn tang thương; chi có niết-bàn là thoát hẳn cảnh tử sinh, chấm dứt mọi tai họa, đó là chốn an lạc vĩnh hằng.

Nghe pháp xong, năm mươi chàng trai ấy vui mừng phát nguyện xin được làm đệ tử đức Phật.

Đức Phật dạy:

- Lành thay, ti-kheo!

Ngay đó, râu tóc trên người của các chàng trai tự rụng, pháp y đắp trên thân, thành bậc sa-môn.

Bạn bè, quyến thuộc của các sa-môn này là những người giàu có, nghe tin họ xuất gia, mọi người rất hoan hỷ vào núi thăm hỏi và khen ngợi: “*Quý vị sẽ mau đạt được lợi ích trên con đường giải thoát, thật là có ý chí!*”.

Chúc tụng xong, họ phát tâm thiết trai đàn thỉnh đức Phật và chúng tăng cúng dường.

Sáng sớm hôm sau, đức Phật và chúng tăng nhận lời thỉnh đến nhà thọ trai. Thọ trai xong, đức Phật thuyết pháp đến quá Ngọ mới trở về tịnh xá. Các vị tân học sa-môn quyến luyến bạn bè và người thân nên đã thoái tâm muốn trở về nhà. Hiểu được tâm ý họ, đức Phật bèn dẫn các sa-môn này ra khỏi cổng thành. Bên đường có một hồ sen với những đóa hoa sen năm màu sắc sỡ, tỏa hương thơm ngát át cả mùi hôi của bùn lầy nhơ nhớp trong ao. Đức Phật liền đi đến đó và nói bài kệ:

*Như một mảnh ruộng như
Nằm bên con đường lớn
Hoa sen nở ngát hương
Đẹp lòng người qua lại.
Cũng thế, trong sanh tử
Kẻ phàm phu muốn ở
Bậc trí muốn thoát ra
Làm đệ tử Phật Đà.*

Nói kệ xong, đức Phật liền trở về núi. Khi về đến trụ xứ, tôn giả A-nan thưa:

- Bạch đức Thế Tôn! Vừa rồi lúc đi ngang qua vũng lầy, đức Thế Tôn nói hai bài kệ mà con không hiểu ý nghĩa, cúi xin Thế Tôn chỉ dạy.

Đức Phật hỏi:

- Thầy có thấy hoa sen mọc lên giữa vũng bùn lầy nhơ nhớp kia không?

- Bạch đức Thế Tôn! Con thấy.

- Này A-nan! Đời người sống ở thế gian dài lắm cũng chỉ được trăm năm, dù sống thọ hay chết yểu cũng không thể thoát khỏi cảnh vợ con ân ái, đói khát, nóng lạnh, lúc vui lúc buồn, và không thể thoát ra mười điều: hung, kiết, độc, điên đảo, ám, nhập, thức, tà, phiền não và ác. Giống như vũng lầy kia chứa đầy bùn nhơ tanh hôi. Tuy vậy, nếu đột nhiên có một người nhận ra đời là vô thường, phát tâm học đạo, lập chí tu tập, lắng tâm đoạn tướng, đắc được đạo quả, thì cũng như ở chốn bùn lầy kia mọc hoa sen đẹp. Người đắc đạo rồi trở về hóa độ người thân, tất cả chúng sanh đều mong nhờ được giải thoát, giống như hương hoa xưa tan mùi hôi thối.

Nghe đức Phật thuyết pháp xong, năm mươi tân học sa-môn phát khởi tâm tu kiên định, liền chứng quả A-la-hán.

Phẩm 14

NGU TỐI

1. MỘT ĐỜI LO TOAN

Thuở xưa, đức Phật đang hoằng hóa tại kinh thành Xá-vệ. Bấy giờ, trong thành có một bà-la-môn đã tám mươi tuổi, giàu có tột bậc, nhưng lại tham lam, keo kiệt, ngu muội, rất khó giáo hóa. Ông ta không biết đến đạo đức, không nghĩ đến vô thường, lại ưa xây dựng nhà đẹp, nào là tiền sảnh hậu đường, dài hóng mát, phòng sưởi ấm, nhà đông nhà tây đến mấy chục gian. Lúc ấy, còn tiền sảnh của hậu đường chưa làm xong, bà-la-môn suốt ngày đích thân lo liệu sắp xếp chỉ đạo công việc.

Một hôm, đức Phật dùng đạo nhãn quán sát, thấy ông ta sống không hết ngày nay sẽ qua đời khác. Thế mà ông ta chẳng hề hay biết, chỉ lãng xăng làm lụng đến nỗi thân mòn sức kiệt, tinh thần sa sút thật đáng thương. Biết vậy, đức Phật dẫn tôn giả A-nan đến nhà thăm hỏi ông ta:

- Ông có mệt lắm không, nay xây dựng ngôi nhà này để làm gì?

Ông ta trả lời:

- Tiền sảnh để tiếp khách, hậu đường để ở, hai dãy nhà đông tây để làm chỗ

ở cho con cháu, nô bộc và cất chứa tài sản. Mùa hè lên đài hóng mát, mùa đông vào ở phòng sưởi ấm.

Đức Phật thân tình bảo:

- Từ lâu, đã nghe danh đức của ông, nay tôi mới có dịp cùng trò chuyện. Tôi có một bài kệ rất ý nghĩa, có lợi ích cho kẻ còn người mất, nay muốn tặng ông. Chẳng hay ông có thể tạm gác lại công việc, cùng ngồi bàn luận được chứ?

Ông già đáp:

- Giờ tôi đang rất bận, không thể trò chuyện với Ngài được. Xin hẹn ngày mai, chúng ta sẽ cùng nhau hàn huyên. Còn bài kệ gì đó, ông có thể nói ngay bây giờ cũng được.

Thế là, đức Thế Tôn nói bài kệ:

*Có con cái tài sản
Kẻ ngu thêm bận lòng
Ta còn chẳng phải ta
Lo gì con với của.
Nóng thì ở nhà này
Lạnh lại sang nhà kia
Người ngu lo tính mãi
Chẳng biết sau đổi thay.
Kẻ ngu chồng thêm ngu
Tự cho mình là trí
Ngu mà đòi hơn trí
Kẻ ấy thật đại ngu.*

Nghe bài kệ xong, bà-la-môn nói:

- Ngài nói bài kệ này hay quá, nhưng hôm nay tôi rất bận, ngày sau hãy đến rồi chúng ta bàn luận tiếp!

Đức Thế Tôn thấy xót thương ông, nhưng đành ra về. Ngài đi chưa bao xa thì biến cố đã xảy ra. Ông già một mình chui rui lọt nhà, chẳng may cây rui rơi xuống trúng ngay đầu khiến ông ta chết ngay tại chỗ. Cả nhà đau đớn khóc than vang động xóm làng.

Đi đến đầu làng, đức Phật gặp một nhóm khoảng mười vị Phạm chí. Các Phạm chí đến trước đức Phật hỏi:

- Ngài từ đâu đến?

Đức Phật đáp:

- Ta đến nhà ông lão vừa chết để thuyết pháp giáo hóa, nhưng ông không tin lời ta, không biết đời vô thường. Nay bỗng chốc đã thành người thiên cổ.

Thế rồi, đức Phật nói bài kệ và giải thích ý nghĩa cho mọi người nghe. Nghe xong, ai nấy đều vui mừng và đảnh lễ quỳ.

Đức Thế Tôn nói thêm một bài kệ:

*Kẻ ngu gần người trí
Như muốn múc thức ăn
Dù ngâm tẩm lâu ngày
Vẫn không biết được pháp.
Thông minh gần người trí
Giống như lưỡi nếm vị
Dù chỉ trong chốc lát
Liền thấu tỏ đạo mầu.
Kẻ ngu hành bố thí
Sẽ rước họa vào thân
Thích thú làm điều ác
Chước thêm nạn cho mình.
Làm nhiều điều bất thiện
Sau dù có ăn năn
Nước mắt vẫn đầm đìa
Gieo nhân thì gặt quả.*

Các Phạm chí nghe được bài kệ này lòng tin càng thêm vững chắc, họ vui mừng đảnh lễ đức Phật và vâng theo lời dạy.

2. CÔNG CHÚA ĐỀN TỘI

Thuở xưa, đức Phật thuyết pháp cho hàng chư thiên tại tinh xá Cấp Cô Độc, nước Xá-vệ.

Vua Ba-tư-nặc trị vì nước ấy có cô công chúa duy nhất tên Kim Cương đã trưởng thành mà vẫn chưa có một chàng trai nào xứng đáng kết duyên trăm năm. Phụ hoàng và mẫu hậu thương yêu công chúa, đặc biệt xây cho một cung điện với phòng ốc tráng lệ và cho năm trăm kỹ nữ ngày đêm hầu hạ vui chơi.

Trong số ấy, tỳ nữ Độ Thắng là người lớn tuổi nhất thường lãnh nhiệm vụ ra chợ mua son phấn, hương hoa. Một hôm đang lúc đi chợ, cô ta chợt thấy vô số nam nữ mang hương hoa ra khỏi kinh thành, nhưng đi đâu thì chưa rõ. Cô ngạc nhiên bèn tìm đến hỏi, mọi người đều đáp: “Đức Phật xuất hiện ở thế gian, là đáng chí tôn của ba cõi, độ thoát chúng sanh đều được niết-bàn, nên chúng tôi đến cúng dường Ngài”.

Nghe thế, lòng Độ Thắng rất đổi vui mừng, suy nghĩ: “*Ta nay đã già, nếu còn được gặp đức Phật thì thật là phước lớn của đời trước*”. Nghĩ xong, cô ta bèn bớt lại một phần tiền mua hương để mua hoa tươi đẹp, rồi theo nhóm người kia đến chỗ đức Phật. Đến nơi, cô ta đánh lễ đức Phật rồi rải hoa, đốt hương và nhất tâm nghe pháp. Sau đó, Độ Thắng trở lại chợ mua hương mang về. Nhờ công đức nghe pháp và phước báo đời trước, nên mùi thơm của hương mà cô ta mang về nhà, thơm ngào ngạt hơn những ngày khác.

Nghĩ ngợi chuyện cô ta về trễ, công chúa gạn hỏi. Độ Thắng nghe lời Phật dạy nên liền kể lại sự tình:

- Thưa công chúa! Trên đời có bậc Thánh sư tôn kính nhất trong ba cõi, giảng pháp vô thượng chấn động ba nghìn thế giới, người đến nghe pháp đông không tính kể, tôi đã theo họ đến đó nghe pháp nên về trễ.

Công chúa Kim Cương và các thể nữ nghe nói giáo pháp đức Thế Tôn thậm thâm vi diệu, chẳng phải thế gian này ai cũng nghe được, nên trong lòng dâng lên niềm xúc cảm vô biên, họ vui mừng tự thốt lên rằng: “*Chúng ta mang tội gì mà lại không được nghe chánh pháp thâm diệu này?*”. Công chúa liền bảo Độ Thắng thuật lại lời Thế Tôn cho mọi người cùng nghe.

Độ Thắng thưa:

- Thưa công chúa, thân tôi hèn mọn, khẩu nghiệp bất tịnh, không dám tự tiện tuyên dương thánh ngôn, xin công chúa cho phép tỳ nữ đi hỏi ý kiến Ngài, rồi theo lời chỉ dạy trình bày cho chủ nhân.

Công chúa liền đồng ý cho Độ Thắng đi và dặn dò thêm:

- Người phải ghi nhớ hết mọi nghi thức!

Độ Thắng đi rồi, công chúa Kim Cương và các thể nữ ra đứng giữa sân ngóng đợi như con chờ mẹ. Độ Thắng đến nơi được đức Phật dạy:

- Cô về thuyết pháp sẽ giáo hóa được nhiều người. Về nghi thức, cô hãy lập một tòa cao rồi ngồi trên đó thuyết pháp.

Độ Thắng nhận lời giáo huấn của đức Phật, về trình bày tường tận, ai nấy đều rất hoan hỷ. Mỗi người cỡi một chiếc áo gom thành một cái tòa cao. Độ Thắng tắm gội xong, nương oai thần của đức Phật, theo lời thỉnh cầu mà thuyết pháp. Công chúa Kim Cương và hơn năm trăm thể nữ lắng lòng nghe pháp, giải tỏa được mối nghi, phá được điều ác, liền chứng quả Tu-đà-hoàn.

Độ Thắng thuyết pháp rất hay, mọi người đang chú tâm lắng nghe, đột nhiên lửa bốc cháy, phụt chốc Kim Cương và năm trăm thể nữ đều bị thiêu chết. Tất cả đều được sanh lên cõi trời. Vua hay tin dẫn người đến chữa cháy cứu người, thì thấy công chúa đã chết, nên chỉ biết nhặt lấy di hài, tẩm liệm vào quan tài rồi an táng. Xong mọi việc, nhà vua đến thẳng tinh xá đánh lễ đức Phật rồi ngồi qua một bên.

Đức Phật hỏi vua:

- Đại vương từ đâu đến?

Vua chấp tay thưa:

- Bạch đức Thế Tôn! Công chúa Kim Cương, đứa con gái duy nhất của đệ tử cùng năm trăm thể nữ bất hạnh bị lửa thiêu chết, con vừa an táng xong. Không biết do tội gì mà gặp phải nạn lửa này? Cúi mong đức Thế Tôn chỉ dạy.

Đức Phật dạy:

- Vào đời quá khứ, ở đô thành Ba-la-nại, một hôm, vợ một trưởng giả nọ dẫn theo năm trăm thể nữ ra ngoài thành cúng tế. Cách thức cúng tế của bà vô cùng kỳ lạ, điều lệ rất nghiêm khắc: người mang họ khác không được đến gần, chẳng cần hỏi quen lạ, hễ người nào đến là bà ném ngay vào trong lửa.

Khi ấy, Bích-chi-phật Ca-la ở trong núi tu tập, mỗi sáng sớm đi khát thực đến chiều tối mới về. Hôm ấy, Ca-la đi khát thực đến chỗ cúng tế, bà vợ trưởng giả nổi cơn thịnh nộ bắt Ca-la ném thẳng vào trong lửa, toàn thân cháy rụi. Khi ấy Ca-la mới hiện thân thông bay lên hư không. Đám thể nữ hoảng sợ, khóc lóc sám hối, quỳ thẳng ngẩng đầu thưa:

- Thưa ngài, chúng con nữ nhi ngu xuẩn, chẳng biết bậc chí chân, hồ đồ hủy nhục thần linh. Chúng con tự biết tội ác này cao như núi, xin quy y tôn đức để tiêu trừ nghiệp chướng nặng này.

Ca-la nghe xong, liền bay xuống và nhập niết-bàn. Các thể nữ xây tháp cúng dường xá-lợi.

Đức Phật kể xong, nói bài kệ:

*Ngủ xuẩn tạo tội ác
Không thể tự giải thoát
Họa theo đốt cháy mình
Tội thành ngọn lửa dữ.
Điều kẻ ngu mong muốn
Không biết là đau khổ
Khi gặp phải hiểm nguy
Mới hay là chẳng lành.*

Đức Phật bảo:

- Nay đại vương! Vợ trưởng giả kia chính là công chúa Kim Cương, năm trăm thể nữ thuở ấy chính là năm trăm tỷ nữ như Độ Thắng... Tội báo theo người, dù có lâu bao nhiêu cũng không hề mất; thiện ác theo người như bóng theo hình.

Nghe pháp xong, quốc vương và tất cả đại thần đều khởi tâm kính tin, vui mừng quy y Tam bảo, lãnh thọ năm giới, và tất cả đều đắc đạo quả.

Phẩm 15

MINH TRIẾT

1. PHẠM CHÍ THIÊN TÀI

Thuở xưa có một phạm chí là bậc thiên tài bẩm sinh, mới hai mươi tuổi mà bất cứ việc gì chỉ nhìn qua là hiểu rõ. Tự cho mình là người thông minh tài giỏi hơn người, Phạm chí thề rằng: “*Tất cả mọi kỹ thuật trong thiên hạ ta phải biết hết, nếu có một nghề nào đó chưa thông thì ta không phải là bậc minh triết*”.

Thế là, phạm chí đi tìm học với các bậc danh sư khắp nơi, từ sáu nghề chính đến các nghề khác như thiên văn, địa lý, y thuật, trấn áp núi lở động đất, cò bạc, âm nhạc, cắt may thêu thùa, nấu ăn, chế biến thực phẩm, nước uống. Tất cả mọi việc trong nhân gian phạm chí đều thông thạo.

Phạm chí lại nghĩ rằng: “*Bậc trượng phu như ta thì ai có thể sánh được! Ta hãy chu du các nước, thu phục những thuyết khác để dương danh bốn biển, tài nghệ siêu phàm. Sau này, sử xanh ghi công, lưu mãi muôn đời*”.

Một hôm, đến một đất nước nọ, khi vào chợ, phạm chí thấy một người đang ngồi làm chiếc cung bằng sừng, hai tay tách dây gân, xử lý sừng, nhanh thoăn thoắt, trong nháy mắt đã thành chiếc cung rất đẹp. Mọi người tranh nhau mua,

phạm chí mới nghĩ rằng: *“Sở học của ta từ nhỏ đến giờ tường đã đầy đủ, nên xem thường không học làm cung. Nếu làm cung chắc không bằng người này, ta phải theo học mới được”*.

Thế là, phạm chí bái người thợ cung làm thầy. Chỉ trong vòng một tháng chăm chỉ học hành, phạm chí thông hết cách làm cung, thậm chí còn tinh xảo hơn cả thầy mình. Anh dâng phẩm vật tạ ơn thầy, rồi từ giã ra đi.

Anh ta đi đến một nước nọ, lúc qua sông, thấy một người chèo thuyền như bay, tất cả những động tác tiến lui, lên xuống đều nhanh nhẹn khó ai bì. Phạm chí tự nghĩ: *“Dù biết nhiều nghề nhưng ta chưa từng hiểu gì về thuyền, tuy là nghề mọn mà mình chưa biết thì phải học cho tường tận”*. Thế là phạm chí liền đến người thợ thuyền xin làm học trò. Trong vòng một tháng, phạm chí hết lòng cung kính phụng sự và dốc sức học tập chăm chỉ, nên biết rõ mọi kỹ thuật điều khiển thuyền giỏi hơn cả thầy của mình. Anh ta cũng dâng phẩm vật tạ ơn thầy rồi từ giã ra đi.

Anh ta lại đến một nước khác, thấy cung điện quốc vương nguy nga tráng lệ, kiến trúc mỹ thuật rất hoàn hảo, Phạm chí nghĩ rằng: *“Thợ xây cung điện này tinh xảo đến thế! Từ lúc âm thầm chu du đến nay, ta đã gặp mà không học. Nếu thi tài với người thợ này ắt sẽ thất bại thôi! Ta phải tìm học cho thỏa tâm nguyện”*. Phạm chí bèn tìm đến người thợ xây cung điện xin làm học trò. Trong vòng một tháng, Phạm chí hết lòng phụng dưỡng thầy và chăm chỉ học tập, nên nắm hết quy cách thước tấc, vuông tròn, chạm trổ hoa văn, tất cả công nghệ về gỗ đều biết hết. Nhờ bẩm chất thiên tài thông thái, nên kỹ năng của Phạm chí giỏi hơn cả thầy. Anh ta cũng dâng phẩm vật tạ ơn thầy rồi từ giã ra đi.

Từ đó, phạm chí đi khắp mười sáu nước lớn trong thiên hạ để thách đấu, nhưng không ai dám lên tiếng. Do đó, anh ta sanh ra ngạo mạn: *“Trong thiên hạ này, còn ai hơn được ta chứ?”*.

Khi ấy, đức Phật ở tại tinh xá Kỳ-hoàn. Từ xa thấy phạm chí này đáng hóa độ, nên Ngài dùng thần thông biến thành một sa-môn chống gậy, ôm bát, đi về phía phạm chí. Xưa nay phạm chí sống ở một đất nước không có đạo Phật, nên chưa hề biết sa-môn. Vì vậy, vừa nhìn thấy sa-môn, ông ta mới lấy làm lạ, thăm

nghĩ: “*Đây là người gì vậy, chờ ông ta đến sẽ hỏi*”. Chỉ chốc lát, sa-môn đi đến, phạm chí hỏi:

- Theo phép tắc truyền thống của nhiều đời vua, tôi chưa thấy ai có hình tướng như ông, chưa thấy có kiểu áo quần như thế, vật lạ trong tông miếu cũng chẳng thấy như cái ông đang ôm. Ông là người nào mà hình tướng, y phục khác thường như vậy?

Sa-môn đáp:

- Tôi là người tự điều phục mình.

- Thế nào là điều phục mình?

Khi ấy, sa-môn nhân cơ hội muốn tìm hiểu của phạm chí liền nói bài kệ:

*Thợ cung giỏi chuốt sừng
Lái thuyền khéo chèo chống
Thợ mộc biết khắc gỗ
Người trí điều phục thân.
Thí như tảng đá lớn
Gió không thể nào lay
Người trí giữ tâm ý
Khen, chê chẳng đổi thay.
Thí như dưới vực sâu
Nước lắng trong, tĩnh lặng
Người trí nghe đạo mẫu
Lòng thanh tịnh hoan hỷ.*

Nói kệ xong, sa-môn nhắc mình bay lên hư không, hiện lại thân Phật có đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, hào quang chiếu rọi cả đất trời. Từ hư không bước xuống, đức Phật nói với Phạm chí:

- Đạo lực và sự biến hóa của ta có được chính là nhờ điều phục thân.

Khi ấy, Phạm chí gieo năm vốc sát đất, cúi đầu thưa:

- Xin Ngài hãy cho tôi biết bí quyết điều phục thân?

Đức Phật dạy:

- Năm giới⁶⁵, mười thiện⁶⁶, bốn đẳng⁶⁷, sáu độ⁶⁸, bốn thiền⁶⁹, ba giải thoát⁷⁰ là cách điều phục thân hữu hiệu nhất. Còn sáu nghề hoặc thợ cung, lái thuyền, thợ mộc chỉ là những việc phù phiếm, hư danh, khiến cho thân tâm buông thả trong dòng sanh tử mà thôi!

Nghe pháp xong, phạm chí vui mừng tin hiểu và xin làm đệ tử. Đức Phật dạy:

- Lành thay! Ti-kheo!

Thế là râu tóc trên người phạm chí tự rụng, liền thành sa-môn. Đức Phật nói điều cốt yếu của giáo lý tứ đế⁷¹, tám giải thoát⁷² cho tân sa-môn nghe, nghe xong sa môn liền chứng quả A-la-hán.

65. Năm giới 五戒 (S: pañca śīlāni): năm giới điều Đức Phật chế cho người tại gia: không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu.

66. Mười thiện (thập thiện 十善; Cg: Thập thiện nghiệp đạo, S: daśakuśala-karmāni): mười hành vi thiện của thân, miệng và ý; thân: không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm; khẩu: không vọng ngữ, không ý ngữ, không lường thiệt, không ác khẩu; ý: không tham lam, không sân giận, không si mê.

67. Bốn đẳng (tứ đẳng 四等; Cg: tứ vô lượng 四無量, S: catvāry apramāṇāni: bốn tâm từ, bi, hỷ và xả. Bồ-tát thực hành hạnh cứu độ vô lượng chúng sanh, khiến họ được an lạc giải thoát thì phải có đầy đủ bốn tâm này.

68. Lục độ 六度 (Gđ: lục ba-la-mật 六波羅蜜; S: ṣaḍ-pāramitā): sáu hạnh rốt ráo mà bồ-tát Đại thừa cần phải thực hiện để đạt đến Phật quả: bố thí ba-la-mật, trì giới ba-la-mật, nhẫn nhục ba-la-mật, tinh tiến ba-la-mật, thiền định ba-la-mật, trí tuệ ba-la-mật.

69. Tứ thiền 四禪 (S: Caturdhyānabhūmi, Cg: Tứ thiền định, tứ tĩnh lự): sơ thiền, nhị thiền, tam thiền và tứ thiền. Bốn loại thiền này là đối trị mê hoặc, phát sanh các loại công đức.

70. Ba giải thoát 三解脫 (S: trīṇi vimokṣa-mukhāni): không, vô tướng, vô nguyên; không, quán tất cả các pháp đều không có tự tính, do nhân duyên giả hợp sanh; vô tướng, hiểu rõ tất cả các pháp đều vô tướng; vô nguyên, khi nhận biết tất cả các pháp đều vô tướng thì không mong cầu, sống an nhiên tự tại.

71. Tứ đế 四諦 (S: satya): bốn chân lý: khổ, tập, diệt, đạo chân thật không hư dối. Bốn chân lý này là chỗ thấy biết của bậc thánh nên gọi là tứ thánh đế.

72. Tám giải thoát (S: āryāṣṭāṅgika-mārga, cg: bát chánh đạo 八正道): tám thứ chánh đạo cầu niết-bàn: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tiến, chánh niệm, chánh định.

2. CHUYỆN XƯA CHUYỆN NAY

Thuở xưa, khi đức Phật đang hoằng hóa tại nước Xá-vệ, thì cách kinh thành này năm trăm dặm, gần núi, có một ngôi làng khoảng năm sáu mươi hộ gia đình sinh sống ven núi. Trong làng có một gia đình nghèo khó, người vợ mang thai song sinh, sau mười tháng sanh ra hai bé trai khôi ngô tuấn tú. Hai vợ chồng rất mực yêu quý hai đứa con này, nên đã đặt tên cho chúng là Song Đức và Song Phúc.

Khoảng hai tháng sau, một hôm, người cha đi thả trâu rồi về nhà sớm nằm nghỉ trên giường, người mẹ ra đồng hái rau chưa về. Hai đứa bé nhìn quanh khắp nhà không thấy cha mẹ, nên tâm sự với nhau. Một đứa bé nói:

- Đồi trước, lúc đang tọa thiền sắp đắc đạo, bỗng nhiên ta khởi một niệm ngu si, cho rằng sanh mạng là thường còn, nên bị rơi vào sanh tử vô số kiếp. Nay mới được sanh làm con trong nhà nghèo khó này, ở nhà tranh, mặc áo vải, ăn uống kham khổ để nuôi thân. Thế này thì biết đến bao giờ mới đắc đạo! Tất cả đều do đời trước tham luyến sự giàu sang, buông thả thân tâm tìm khoái lạc trong chốc lát. Từ đó đến nay phải chịu biết bao đau khổ. Ngay cả bây giờ đau buồn cũng chẳng biết nương tựa vào đâu?

Đứa bé kia nói:

- Còn tôi thì lúc đó còn trẻ con, tu hành chỉ siêng năng nhất thời thôi, không đến nơi đến chốn, không hết lòng tinh tấn, cho nên đã nhiều đời gặp khổ đau hoạn nạn. Đây là kết quả do mình gây ra chứ chẳng phải cha mẹ. Hãy cùng nhau gánh chịu, còn nói năng gì nữa!

Nghe hai đứa con tự trách mình như thế, người cha lấy làm lạ, cho rằng chúng là ma quỷ đầu thai gây tai họa ngôi nhà này. Tại sao đứa bé mới sanh mấy mươi ngày mà lại biết nói như thế, e rằng sau này chúng nó sẽ giết cha mẹ, hại dòng tộc. Nhân lúc chúng đang còn nhỏ mình nên giết đi cho xong.

Nghĩ vậy, người cha kinh sợ đóng cửa đi ra đồng lấy củi về định thiêu chết con. Người vợ đi làm về thấy vậy, hỏi chồng:

- Ông chuẩn bị củi làm gì thế?

Người chồng kể cho vợ nghe những lời của hai đứa trẻ, rồi nói:

- Thật quá kỳ lạ, chúng nói với nhau như thế đó, có thể là quỷ ma gì đây, chắc chắn sau này sẽ phá hại cả dòng họ. Ngay lúc chúng còn nhỏ, tôi định thiêu chết chúng cho xong.

Nghe chồng nói, người vợ kinh ngạc, do dự chưa tin, bảo chồng đợi thêm vài ngày để nghe lại lời nói của chúng rồi hẳn tính. Sáng hôm sau, hai vợ chồng già vờ ra khỏi nhà, rồi rình xem. Họ nghe hai đứa trẻ ở trong nhà cũng nói những lời tự trách. Cả hai vợ chồng đều lấy làm lạ, nên cùng chắt cùi định bí mật thiêu chết con mình.

Khi ấy, đức Phật dùng thiên nhãn thấy hai vợ chồng này có ý định thiêu chết hai đứa con của mình. Thương cho hai đứa trẻ này có phước đời trước đáng được hóa độ, nên đức Phật đến ngay ngôi làng kia, phóng hào quang chiếu sáng khắp nơi, đất trời rung chuyển, núi sông cây cối đều biến thành màu vàng ròng. Mọi người trong thôn đều kinh hãi, đến chỗ đức Phật vui mừng đánh lễ. Vì họ biết đức Phật là vị thần tối cao, ba cõi⁷³ không ai sánh bằng.

Đức Phật đến nhà của hai đứa trẻ song sinh kia. Thấy hào quang của Ngài, hai đứa trẻ vui mừng vô cùng. Cả hai vợ chồng đều kinh ngạc, mỗi người bồng một đứa con đến trước đức Phật và thưa:

- Bạch đức Thế Tôn! Hai đứa trẻ này mới sanh được khoảng hai tháng mà đã nói những lời rất kỳ lạ, sợ chúng gây họa nên chúng con định thiêu chết chúng. Đúng lúc Ngài đến đây, nên con chưa kịp thiêu. Không biết hai đứa trẻ này là loại ma quỷ gì, cúi xin đức Thế Tôn chỉ dạy. Hơn nữa, tại sao khi thấy Ngài, hai đứa trẻ lại vui mừng đến thế. Thế Tôn thấy hai đứa trẻ thì cười lớn, từ trong miệng phóng ra hào quang năm màu chiếu khắp cả đất trời?

Đức Phật nói với cha mẹ của hai đứa bé và mọi người trong làng:

- Hai đứa trẻ không phải ma quỷ mà là những đứa con phước đức, vào thời quá khứ đức Phật Ca-diếp chúng từng làm sa-môn. Thuở đó, hai đứa trẻ là bạn từ lúc còn rất nhỏ, đều có chí nguyện xuất gia và tinh tấn tu học. Khi sắp đắc đạo bỗng nhiên khởi tà ý, nên cả hai đều mất đạo lực, thích vinh hoa trần thế. Nhờ phước báo mà từng được sanh thiên, nếu sanh vào cõi người cũng làm quốc vương, công hầu, trưởng giả.

73. Ba cõi (tam giới 三界; S: trayo dhātavaḥ): cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Bởi khi khởi tà tướng này, cả hai đều bị thoái chuyển, không đạt được niết-bàn và chìm đắm trong sanh tử. Nhờ nhân duyên mật thiết nên nhiều đời chúng sinh ra cùng nhau. Đời này sanh đôi và được gặp ta ra đời. Nhờ công đức cúng dường đức Phật trong quá khứ mà nay đáng được hóa độ, tội hết phước sanh, tự biết đời trước của mình. Do vậy, Ta cố ý đến đây hóa độ chúng, nếu ta không đến chắc chắn chúng sẽ bị lửa thiêu chết.

Khi ấy, đức Thế Tôn liền nói kệ rằng:

*Đại nhân tánh vô dục
Ngồi sáng giữa trần gian
Đổi diện cảnh vui buồn
Trí mình rục rỡ thêm.
Bậc hiền buông thế sự
Đất nước, vợ cùng con
Thường giữ giới, định, huệ
Chẳng ham chi sang giàu.
Người trí biết uyển chuyển
Như cây sống trên cát
Kết bạn, chí chưa vững
Như vải trắng nhuộm màu.*

Lúc đức Phật thuyết pháp, hai đứa trẻ nhìn đức Phật, liền vờn mình đứng dậy, lớn như trẻ tám tuổi, thành sa-di và chứng quả A-la-hán. Tất cả người trong thôn thấy hào quang của đức Phật và chứng kiến hai đứa trẻ biến đổi thân hình lớn nhanh, ai nấy đều rất hoan hỷ, đồng chứng quả Tu-đà-hoàn. Cha mẹ của hai đứa trẻ giải trừ được nghi ngờ, cũng được pháp nhãn⁷⁴.

74. **Pháp nhãn tịnh** 法眼淨 (S: dharmacaksu-visuddha; Cg: tịnh pháp nhãn, thanh tịnh pháp nhãn): pháp nhãn có năng lực quán sát chân lý các pháp mà không bị chướng ngại và nghi hoặc.

Phẩm 16

A-LA-HÁN

1. CON ĐƯỜNG TỰ DO

Thuở xưa, đất nước Na-lê nằm bên bờ biển phía nam, người dân trong nước sống bằng nghề tìm ngọc báu và lấy gỗ chiên-đàn. Trong một gia đình nọ, cha mẹ đều đã mất, chỉ có hai anh em, nhưng lại đòi phân chia tài sản để sống riêng. Trong nhà có một nô bộc tên Phân-na, tuổi nhỏ nhưng rất thông minh tài giỏi, từ việc mua bán ngoài chợ cho đến ra biển kiếm sống, cậu đều giỏi giang. Vì thế, hai anh em nọ đem tất cả tài sản trong nhà làm một phần, còn nô bộc Phân-na làm một phần, rồi rút thăm. Khi rút thăm, người em được Phân-na, nên đành tay không dẫn vợ con ra khỏi nhà. Lúc ấy gặp thời buổi đói kém, dù được Phân-na tài giỏi, nhưng cậu em sợ là chẳng nuôi sống được nhau, nên rất lo buồn.

Phân-na thấy vậy, thưa với cậu chủ:

- Xin cậu chủ đừng buồn phiền! Trong vòng một tháng tới, Phân-na sẽ tìm cách giúp cậu chủ giàu có hơn anh cậu nữa.

Người chủ nói:

- Nếu có thể làm được như thế, ta sẽ trả tự do cho ngươi.

Sau đó hai vợ chồng gom góp hết tư trang châu báu đưa cho Phân-na làm vốn. Khi thủy triều lên, người dân trong thành ra bờ biển nhặt củi. Phân-na mang tư trang ra ngoài thành, thấy một người ăn xin vác củi, trong bó củi tỏa mùi hương gỗ ngưu đầu chiên-đàn. Gỗ này có thể trị được bệnh nặng, một lượng gỗ đáng giá nghìn lượng vàng, thật hiếm có ở thế gian. Biết được điều đó, Phân-na dùng hai đồng tiền vàng mua số củi mang về chặt ra vài chục đoạn. Bấy giờ có một trưởng giả lâm trọng bệnh đang cần hai lượng hương ngưu đầu chiên-đàn để hòa thuốc, nhưng tìm mãi không được. Phân-na hay tin, mang đến bán được hai nghìn lượng vàng. Cứ như thế, bán hết số chiên-đàn đó thì gia đình người em đã giàu hơn người anh gấp mười lần. Cảm niệm ân của Phân-na, người em giữ lời hứa trả Phân-na trở về làm dân thường, tự do vui sống.

Phân-na được trả tự do, cậu không làm dân thường mà từ biệt lên đường học đạo. Cậu tìm đến nước Xá-vệ, xin vào đánh lễ đức Phật rồi quỳ thưa:

- Bạch đức Thế Tôn! Con vốn xuất thân từ giai cấp thấp hèn, nhưng con một lòng hướng đạo, cúi xin Ngài rủ lòng thương xót cứu độ con.

Đức Phật bảo:

- Lành thay! Phân-na!

Thế là râu tóc Phân-na tự rụng, pháp y tự đắp trên thân, trở thành sa-môn. Đức Phật giảng pháp, Phân-na liền chứng quả A-la-hán. Một hôm, Phân-na chợt suy nghĩ: *"Nay mình được lực thông, tự tại giữa sanh tử cũng là nhờ ơn của chủ, mình nên trở về hóa độ cho mọi người trong nước"*.

Nghĩ thế, Phân-na trở về quê cũ, đến thẳng nhà chủ nhân thuở xưa. Cậu chủ vui mừng mời ngồi và thiết trai cúng dường.

Thọ trai, rửa tay xong, Phân-na bay lên không trung phân thân, nửa thân phun nước, nửa thân phun lửa, phát ánh sáng rực rỡ rồi hạ xuống đất nói với người chủ:

- Hôm nay tôi có được uy lực thần thông như thế này đều là nhờ ân đức cậu chủ, nhờ cậu trả tự do nên tôi mới có điều kiện đến đức Phật tu học và đạt được kết quả này.

Người chủ đáp:

- Thưa thầy, đức Phật có thần thông giáo hóa vi diệu như thế, tôi cũng mong gặp Ngài để cúng dường và nghe pháp.

Phân-na đáp:

- Chỉ cần cậu chủ thành tâm thỉnh cầu và thiết trai cúng dường, đức Phật là đáng tam-đạt trí⁷⁵, nhất định Ngài đích thân đến.

Nghe lời chỉ bảo, người chủ suốt đêm chuẩn bị thức ăn uống, rồi hướng về nước Xá-vệ đánh lễ, đốt hương thỉnh Phật, cúi xin Ngài quang lâm giáo hóa cho tất cả nhân dân.

Biết được ý nghĩ của họ, đức Phật cùng với năm trăm vị a-la-hán dùng thần thông bay đến gia đình kia.

Quốc vương và nhân dân vô cùng kính ngưỡng, đến đánh lễ đức Phật rồi ngồi qua một bên. Sau khi thọ thực rửa tay xong, đức Phật thuyết pháp cho vua, quan, chủ nhà cùng nhân dân. Nghe pháp xong mọi người đều xin thọ năm giới làm đệ tử đức Thế Tôn. Sau đó, họ đứng lên khen ngợi Phân-na: “Thầy là người khi ở nhà thì siêng năng làm việc, xuất gia thì tinh tấn tu tập đắc đạo, đức độ cao vời, nước nhà được nhờ. Chúng tôi biết làm thế nào để báo đáp ân đức thầy đây!”.

Khi ấy, đức Thế Tôn cũng nói kệ khen ngợi Phân-na:

*Tâm thường trong chánh niệm
Ngôn, hạnh chốn tịch không
Theo đường chánh giải thoát
Rỗng lặng về tịch diệt.
Bỏ dục không đắm trước
Tam giới nào ngăn trở
Vọng niệm chừ đã dứt
Gọi là bậc Thượng nhân.
Xóm làng hay đồng vắng*

75. Tam đạt trí 三達智: thiên nhãn, túc mệnh, lậu tận; thiên nhãn, nhận biết nhân quả sinh tử trong tương lai; túc mệnh, nhận biết nhân quả sanh tử trong quá khứ; lậu tận, dứt sạch phiền não trong hiện tại.

*Bình nguyên, chốn núi cao
Bậc La-hán đến đâu
Dân chúng đều được độ.
Người trí thích tĩnh lặng
Phàm phu mãi lăng xăng
Hạnh phúc thay vô dục
Không ước vọng cầu mong.*

Đức Phật nói kệ xong, chủ nhà và nhà vua càng thêm hoan hỷ, thỉnh Ngài ở lại cúng dường suốt bảy ngày. Sau đó cả hai đều chứng quả Tu-đà-hoàn.

Phẩm 17

MUÔN NGÀN PHÉP THUẬT

1. NGƯỜI NGU CHỨNG ĐẠO

Thuở xưa, đức Phật ở tại nước Xá-vệ. Trong hàng đệ tử Phật có một thầy tỉ-kheo lớn tuổi tên Bàn-đặc mới xuất gia, bầm tánh chậm lụt. Đức Phật sai năm trăm vị a-la-hán luân phiên dạy dỗ thầy mỗi ngày. Vậy mà suốt ba năm, thầy cũng không thuộc nổi một bài kệ. Cả nước ai cũng biết thầy là người tối dạ.

Đức Phật thương xót gọi thầy đến dạy cho bài kệ:

*Giữ miệng, tâm thuần thiện
Thân không phạm lỗi lầm
Ai làm được như thế
Thoát ngoài vòng tử sanh.*

Bàn-đặc cảm ân từ bi của đức Phật nên rất vui mừng, tâm trí sáng tỏ, đọc thuộc bài kệ ấy. Đức Phật dạy:

- Nay Bàn-đặc, thầy đã lớn tuổi nhưng chỉ thuộc được một bài kệ mà mọi người bình thường đều biết, chẳng có gì kỳ đặc cả. Như Lai sẽ giảng cho thầy nghe ý nghĩa của bài kệ này, hãy nhất tâm lắng nghe.

Bàn-đặc vâng lời, chí thành nghe giảng. Đức Phật giảng về nguyên nhân thân, miệng, ý tạo mười nghiệp; dạy thầy quán chiếu sự sinh khởi và hoại diệt của chúng. Chúng sanh trôi lăn mãi trong ba cõi sáu đường, sanh thiên, đọa lạc hay đắc đạo, chúng niết-bàn đều do ba nghiệp này. Cứ thế, đức Phật chỉ dạy vô lượng pháp vì diệu cho Bàn-đặc. Nghe đức Phật dạy, Bàn-đặc hoát nhiên khai ngộ, liền chứng quả A-la-hán.

Khi ấy, trong tăng đoàn có năm trăm vị ti-kheo-ni ở một tinh xá riêng. Mỗi ngày đức Phật bảo một vị ti-kheo đến đó thuyết pháp cho họ. Ngày mai là đến lượt Bàn-đặc. Các vị ti-kheo-ni biết tin này đều cười nhạo, nói với nhau: *"Ngày mai thầy Bàn-đặc đến, chúng ta sẽ nói ngược bài kệ của thầy để thầy xấu hổ không nói được lời nào!"*.

Sáng hôm sau Bàn-đặc đến tinh xá ti-kheo-ni, tất cả các cô đều ra làm lễ, nhìn nhau cười khúc khích, thỉnh ngài ngồi, dọn thức ăn cúng dường. Sau khi Bàn-đặc thọ trai, rửa tay xong, các cô thỉnh thầy thuyết pháp. Bàn-đặc lên pháp tòa, khiêm tốn nói rằng:

- Tôi là kẻ phước mỏng kém tài, mới làm sa-môn lại ngu si, sở học kém cỏi, chỉ biết qua loa ý nghĩa của một bài kệ, nay sẽ trình bày với các vị, xin hãy lắng nghe.

Các ti-kheo-ni trẻ tuổi định nói ngược lại bài kệ, nhưng miệng không mở ra được nên sợ hãi, hối hận cúi đầu sám hối.

Bàn-đặc liền theo như lời Phật dạy, trình bày căn cứ về các pháp cội nguồn thân tâm, tội phước trong ngoài, sanh thiên, đắc đạo, ngưng thần, đoạn tướng, nhập định. Khi ấy, các ti-kheo-ni nghe giảng, vô cùng kinh ngạc, nhất tâm hoan hỷ, nên đều chứng quả A-la-hán.

Ngày hôm sau, vua Ba-tư-nặc thỉnh đức Phật cùng chúng tăng vào cung cúng dường. Muốn cho mọi người biết uy thần của Bàn-đặc, đức Phật đưa bát của Ngài cho thầy mang đi theo sau. Người giữ cửa nhận ra thầy, giữ lại không cho vào và nói:

- Ông làm sa-môn mà một bài kệ học không xong, làm sao nhận được sự cúng dường? Tôi là người thế tục còn biết bài kệ đó, huống gì ông là sa-môn

lại không có trí tuệ, cũng dường cho ông cũng không có lợi ích gì, cho nên ông không cần phải vào!

Bàn-đặc đành đứng bên ngoài. Đức Phật ngồi trên đại điện, rửa tay. Bàn-đặc từ bên ngoài duỗi tay dài ra đưa bát vào tận trong cung cho đức Phật. Vua, quần thần, phu nhân, thái tử và tứ chúng thấy cánh tay đưa vào mà không thấy người đâu, nên kinh ngạc thưa đức Phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Đó là tay của ai?

Đức Phật đáp:

- Đó là cánh tay của ti-kheo Bàn-đặc, thầy vừa đắc đạo mấy ngày gần đây. Lúc nãy Như Lai trao bát cho thầy ấy. Song người gác cửa lại không cho vào, nên thầy phải duỗi cánh tay dài ra để trao bát cho Như Lai.

Nghe đức Phật nói vậy, nhà vua vội cho thỉnh Bàn-đặc vào. Bàn-đặc đi vào, uy thần hiển hiện khác thường.

Nhà vua thưa đức Phật:

- Bạch Thế Tôn, con nghe đồn ti-kheo Bàn-đặc bán tánh ngu muội, mới biết được một bài kệ, do đâu mà được đắc đạo?

Đức Phật dạy:

- Đâu cần phải học nhiều, quan trọng ở chỗ thực hành. Bàn-đặc đã hiểu nghĩa một bài kệ, rõ lý tỏ ngộ, thân, miệng và ý thanh tịnh như vàng ròng cõi trời. Ti-kheo học nhiều, không hiểu nghĩa lý, không thực hành, chỉ lao tâm nhọc trí, đâu có lợi ích gì!

Khi ấy, đức Thế Tôn liền nói bài kệ:

*Dù tụng trăm ngàn chương
Không thấu đạt nghĩa lý
Không bằng một bài hay
Nghe rồi bỏ điều ác.
Dẫu tụng muôn ngàn lời
Không hiểu lợi ích gì
Không bằng chỉ một nghĩa*

*Nghe, thực hành được độ.
 Dầu tụng nhiều kinh điển
 Không hiểu ích lợi gì
 Chỉ rõ một câu pháp
 Thực hành sẽ đắc đạo.*

Đức Phật nói kệ xong, có ba trăm vị ti-kheo đắc quả A-la-hán. Vua, quần thần, phu nhân và thái tử đều rất hoan hỷ.

2. CÚNG DƯỜNG NHƯ PHÁP

Thuở xưa, đức Phật ở tinh xá tại nước Xá-vệ thuyết pháp cho hàng trời người.

Bấy giờ, trong nước có trưởng giả bà-la-môn Lam-đạt giàu có vô cùng, của cải nhiều không đếm xuể. Ông ta tu theo pháp phạm chí, lập đàn cúng tế rất lớn để phô trương danh tiếng của mình. Ông dốc hết gia tài mở hội đại thí cúng dường hơn năm nghìn vị bà-la-môn, trong suốt năm năm cung cấp các thứ y phục, giường nệm, thuốc men, của cải châu báu và dụng cụ cúng tế tùy theo ý thích của họ. Suốt năm năm đó, các phạm chí này thường cúng tế đầy đủ các vị trời, các vị thần tứ sơn, ngũ nhạc, tinh tú, nước, lửa để cầu nguyện cho trưởng giả Lam-đạt phước thọ miên trường. Thời hạn cúng dường gần xong, ngày cuối cùng, trưởng giả mở hội bố thí lớn đúng theo cách thức của một trưởng giả, nào là bát vàng đựng thóc bạc, bát bạc đựng thóc vàng, voi, ngựa, xe cộ, nô tỳ, của cải, đồ trang sức bằng bảy báu, lông dù, giày dép, áo da nai, tích trượng, ghế ngồi, thau chậu rửa tay chân, giường chiếu. Bố thí tất cả các đồ cần dùng, tổng cộng gồm có tám vạn bốn nghìn loại. Hôm ấy tất cả mọi người đều tập trung đến lễ hội. Quỷ thần, quốc vương, đại thần, phạm chí, hàng quý tộc, hàng hàng lớp lớp, ai nấy đều hoan hỷ lượt tìm đến đại hội bố thí này.

Riêng đức Phật thấy vậy thì than rằng: “*Phạm chí quý tộc này sao lại ngu si đến thế, bố thí thật nhiều mà phước báo chẳng được bao nhiêu, như gieo hạt giống trong lửa thì làm sao gặt hái được hoa trái? Nếu ta không giáo hóa thì ông ấy mãi mãi ở trong đêm dài tăm tối không bao giờ gặp được chánh pháp*”. Thế là đức Thế Tôn sửa sang y phục, vận thần lực từ đất bay lên, phóng ánh sáng chiếu khắp chúng hội. Thấy cảnh tượng hy hữu này, mọi người đều kinh hãi bàng hoàng không biết là vị thần nào.

Trưởng giả Lam-đạt và cả chúng hội đánh lễ đức Phật. Nhận thấy mọi người đều có tâm cung kính, Thế Tôn nói bài kệ:

*Bỏ nghìn vàng cúng tế.
Suốt đời chẳng được chi
Không bằng trong khoảnh khắc
Nhất tâm nghĩ chánh pháp.
Tạo phước trong một niệm
Hơn một đời cúng tế
Dẫu cho đến trăm năm
Chuyên kính thờ thần lửa
Không bằng trong khoảnh khắc
Biết cúng dường Tam bảo
Phước một lần cúng dường
Hơn cả trăm năm kia.*

Đức Phật bảo Lam-đạt:

- Có bốn trường hợp bố thí: bố thí nhiều được phước báo ít; bố thí ít được phước báo nhiều; bố thí nhiều được phước báo nhiều; bố thí ít được phước báo ít.

Bố thí nhiều được phước báo ít: như hạng người ngu si giết hại sanh vật cúng tế quý thần, uống rượu, ca hát, phá hoại tài sản thì không có phước và trí huệ.

Bố thí ít được phước báo ít: bố thí cho hạng đạo sĩ phạm phụ với tâm tham lam keo kiệt, ác ý, vì người thí và kẻ nhận đều ngu si nên không có phước báo.

Bố thí ít được phước nhiều: kính thờ người có đạo đức với tâm từ bi, các đạo sĩ thọ nhận xong tinh tấn tu học, sự bố thí này tuy ít nhưng phước báo rất nhiều.

Bố thí nhiều được phước báo nhiều: nếu có vị hiền giả nào nhận thức được cuộc đời là vô thường, phát tâm thiện đem của cải xây dựng chùa tháp, tinh xá, công viên; đem các vật cần dùng như y phục, giày dép, giường chiếu, thức ăn uống cúng dường. Phước báo cúng dường ấy như nước năm sông chảy ra biển cả. Dòng phước báo như thể tuôn chảy đời đời không cạn. Đó là bố thí nhiều.

phước ngày thêm nhiều. Giống như đất nhà nông có tốt có xấu khác nhau thì thu hoạch kết quả cũng khác nhau.

Khi ấy, mọi người có mặt trong nhà trường giả Lam-đạt thấy đức Phật biến hóa và nghe được những bài pháp của Ngài, họ rất hoan hỷ. Tất cả trời, người và quỷ thần chứng quả Tu-đà-hoàn, năm nghìn Phạm chí đều xin làm sa-môn và chứng quả A-la-hán. Chủ nhà Lam-đạt và mọi người trong nhà đều thọ năm giới và ngũ đạo. Quốc vương, đại thần đều thọ tam quy làm ưu-bà-tắc chứng được pháp nhãn.

3. CÙNG TẾ THÊM TAI HỌA

Thuở xưa, đức Phật đang cư trú tại một tinh xá để giáo hóa dân chúng nước Xá-vệ.

Khi ấy ở nước La-duyệt-kỳ có một kẻ cuồng si hung ác, bất hiếu với cha mẹ, khinh thường người hiền, không cung kính bậc trưởng thượng, nên sự nghiệp suy sụp, thường không như ý. Thế là ông ta chuyển hướng theo đạo thờ lửa để cầu phước báo. Phương pháp thờ lửa là mỗi khi mặt trời sắp lặn, đốt một đồng lửa thật lớn, rồi quỳ lạy đồng lửa đó cho đến nửa đêm, khi nào lửa tắt mới thôi. Thực hành như thế suốt ba năm mà chẳng có chút phước đức gì, ông ta lại quay sang thờ mặt trời, mặt trăng. Pháp thờ mặt trời, mặt trăng là hướng về mặt trời mặt trăng đánh lễ từ khi mặt trời mọc cho đến lúc lặn. Cứ như vậy suốt ba năm trời mà vẫn không có chút phước đức nào, ông ta lại chuyển qua thờ trời, hằng ngày đốt hương lễ bái; dâng cúng hương hoa thơm, rượu ngon, thịt heo, dê, bò đến nỗi gia cảnh nghèo túng mà vẫn không được chút phước nào cả. Suốt một thời gian vất vả với việc thờ cúng nên thân thể ông tiêu tụy, rồi bệnh tật nằm lây lất trong nhà. Nghe nói ở nước Xá-vệ có đức Phật mà ngay cả chư thiên cũng phải cung kính, đến đó quy kính Ngài thì chắc chắn sẽ được phước báo. Thế là ông ta tìm đến gặp đức Phật. Vừa vào cửa tinh xá, trông thấy thân tướng Thế Tôn tỏa ánh hào quang rực rỡ, dung nhan lạ thường như mặt trăng giữa nghìn sao, ông ta rất vui mừng, cúi đầu đánh lễ, chấp tay thưa:

- Bạch Thế Tôn, con sống trong bóng đêm ngu si, không biết Tam Bảo, chỉ lo thờ lửa, thờ mặt trời, mặt trăng, chư thiên và quỷ thần, suốt chín năm chuyên cần làm những chuyện không đâu, chẳng có chút phước nào cả; ngược lại, thân

sắc tiêu tụy, khí lực suy kiệt, thân thể rã rời không biết chết lúc nào. Vì kính phước đức Thế Tôn là vị thầy độ người, cho nên từ xa con tìm đến quy y, xin Ngài ban cho phước lành.

Đức Phật dạy:

- Những gì ông thờ từ trước tới giờ chỉ là yêu tà, quỷ quái. Vì thế, bỏ công bỏ của cúng tế nhiều như núi thì tội lỗi cũng đầy ắp như sông biển. Sát sanh để cầu phước thì phước càng xa. Dẫu cho trải qua trăm kiếp khổ nhọc giết hại các loài heo, dê khắp trong thiên hạ để cúng tế, thì chỉ chuốc lấy tội lỗi như núi Tu-di, chút phước như hạt cải cũng không có. Như thế, chỉ tự hủy hoại mình, không phải là mê muội lắm sao! Hơn nữa, ông làm người mà bất hiếu với cha mẹ, khinh thường bậc hiền thiện, không kính bậc trưởng thượng, cống cao ngã mạn, tham sân si dầy dầy, tội lỗi ngày càng sâu dày thì làm sao được phước. Nếu ông có thể ăn năn sửa đổi tâm tánh, kính lễ bậc hiền thiện, giữ oai nghi lễ tiết, cung phụng bậc trưởng thượng, bỏ ác tin thiện, sửa mình tu nhân, thì bốn phước báo ngày càng tăng, đời đời không hoạn nạn. Bốn phước báo ấy là nhan sắc đoan chính, khí lực sung mãn, an ổn không bệnh, sống lâu mà không gặp chuyện oan uổng. Nếu siêng năng thực hành thì cũng có thể đắc đạo.

Thế rồi, đức Thế Tôn liền nói bài kệ:

*Cúng quỷ thần cầu phước
Xét quả báo mai sau
Bốn phần chưa được một
Không bằng lễ hiền giả.
Giữ phép tắc oai nghi
Thường kính bậc trưởng thượng
Bốn phước tự nhiên tăng
Sống lâu và an lành.*

Nghe đức Phật nói kệ xong, người ấy hoan hỷ tin hiểu, cúi đầu đánh lễ rồi thưa:

- Tội lỗi che lấp con suốt chín năm trời, may mắn nhờ Thế Tôn giáo hóa mà tâm ý con được tỏ ngộ. Cúi xin Thế Tôn cho phép con được xuất gia làm sa-môn.

Đức Phật bảo:

- Thiện lai! Tì-kheo!

Ngay lúc ấy, râu tóc của vị ấy tự rụng, liền thành sa-môn, nỗ lực thiền định, cuối cùng đắc quả A-la-hán.

Phẩm 18

ÁC HẠNH

1. NHÂN ĐÙA QUẢ THẬT

Thuở xưa, đang ở tại nước La-duyệt-kỳ, đức Phật bảo a-la-hán Tu-mạn mang tóc và móng tay của Ngài đến một ngôi chùa tọa lạc trong núi thuộc phía nam nước Kế-tân. Trong chùa này có năm trăm vị a-la-hán thường trú, sớm tối đốt hương, nhiễu tháp, lễ bái.

Khi ấy, trong núi đó có năm trăm con khi, thấy các đạo nhân cúng dường chùa tháp, chúng liền kéo nhau đến bờ suối sâu lấy bùn, khiêng đá bắt chước làm tháp thờ Phật, dựng trụ treo phan, sớm tối lễ bái như các đạo nhân.

Một hôm, mưa lũ nước suối dâng cao, năm trăm con khi đều bị dòng nước cuốn trôi chìm trong con lũ thịnh nộ. Ngay lúc ấy thần hồn chúng liền được sanh lên trời Đao-lợi, ở trong điện đài bảy báu, y phục thức ăn tự nhiên xuất hiện như ý muốn. Mỗi vị trời kia tự nghĩ: “*Không biết chúng ta từ nơi nào mà được sanh lên cõi trời này?*”. Thế là họ dùng thiên nhãn, và thấy mình vốn mang thân khi, nhờ bắt chước đạo nhân làm tháp Phật để chơi đùa nên dù chết trôi, nhưng thần hồn được sanh lên cõi trời. Bây giờ mình nên xuống báo đền

ân nghĩa của thân xác cũ. Sau đó, mỗi vị trời mang hương hoa, kỹ nhạc đến bên xác cũ rải hoa, đốt hương và nhiễu quanh bảy vòng.

Lúc đó, trong núi có năm trăm bà-la-môn, là bọn ngoại học tà kiến không tin tội phước. Chứng kiến cảnh các vị trời rải hoa, trỗi nhạc quanh xác khi, họ kinh ngạc hỏi rằng:

- Hào quang chư thiên rực rỡ như thế, có sao lại hạ mình cúng dường những xác khi này?

Các vị trời nói:

- Xác khi này chính là thân cũ của chúng tôi. Lúc xưa bắt chước các đạo nhân ở trong núi này làm chùa tháp để chơi, chẳng may nước trong núi dâng cao cuốn trôi chúng tôi, nhờ chút phước mỏng này mà sau khi chết được sanh lên trời. Nay đến đây rải hoa để báo đền ân nghĩa của thân cũ. Chỉ làm chùa tháp chơi mà được phước như thế, nếu dốc lòng thờ phụng đức Phật Thế Tôn thì công đức khó sánh. Các vị tà kiến không tin Phật thì dù có khổ nhọc suốt trăm kiếp cũng không chút lợi ích, chỉ bằng cùng nhau đến núi Kỳ-xà-quật lễ bái, phụng sự, cúng dường đức Phật để được phước vô hạn!

Nghe thế, mọi người đều vui vẻ dẫn nhau đến chỗ đức Phật, năm vóc gieo sát đất, đánh lễ rải hoa cúng dường. Chư thiên thừa đức Phật:

- Đồi trước chúng con làm thân khi, nhờ ân Thế Tôn mà được sanh lên cõi trời. Hận mình không được gặp Phật, nên hôm nay chúng con đến đây xin quy y Ngài. Bạch đức Thế Tôn! Đồi trước chúng con có tội gì mà phải mang thân khi, dù xây dựng chùa tháp mà vẫn bị nước cuốn trôi?

Đức Phật dạy:

- Mọi việc đều có nhân duyên của nó, không phải tự nhiên xảy ra. Như Lai sẽ nói rõ cho quý vị nghe. Thuở xưa có năm trăm thiếu niên bà-la-môn cùng nhau vào núi học đạo tiên. Lúc ấy trên núi có một vị sa-môn dự định xây một ngôi tinh xá bằng đất sét. Khi xuống núi lấy nước, vị ấy đi lại nhẹ nhàng như bay. Năm trăm thiếu niên bà-la-môn thấy vậy sanh tâm ghen ghét, đồng thanh cười nhạo: *"Gã sa-môn này lên xuống tất bật như khi, có lạ gì đâu! Ông ta làm như vậy có ngày sẽ bị nước nhận chết chìm thôi!"*.

Kể xong, đức Phật nói với các vị trời:

- Sa-môn trong núi thuở ấy nay chính là ta, năm trăm thiếu niên bà-la-môn chính là năm trăm con khi đó. Vì cười đùa chế nhạo mà phải mắc quả báo như thế.

Khi ấy, đức Thế Tôn liền nói bài kệ:

*Đùa cợt là điều ác
Thân đã tạo nghiệp rồi
Thọ báo có than khóc
Phải trả hết tội xưa.*

Đức Phật lại dạy:

- Tuy đời trước quý vị làm thân loài thú nhưng biết chơi đùa xây tháp miếu, nên nhờ phước lành ấy tội báo diệt trừ, được sanh lên cõi trời. Ngày nay quý vị biết đến đây phụng trì chánh pháp, nhờ phước báo này sẽ mãi mãi xa lìa khổ đau.

Nghe đức Phật dạy, năm trăm thiên nhân trực nhận được đạo giải thoát. Năm trăm bà-la-môn, nghe giảng về quả báo tội phước thì than thở: “Chúng ta học đạo tiên đã nhiều năm mà không được kết quả gì, không bằng năm trăm con khi kia đùa chơi làm phước mà được sanh lên cõi trời. Đạo của đức Phật thật là vi diệu”. Nghĩ thế rồi, họ đánh lễ đức Phật xin làm đệ tử.

Đức Phật dạy:

- Thiện lai! Tì-kheo!

Ngay lúc đó, năm trăm bà-la-môn ấy liền biến thành hình tướng sa-môn. Nhờ tinh tấn tu tập, chẳng bao lâu họ đều chứng quả A-la-hán.

2. THÀM HỌA DÒNG HỌ THÍCH

Thuở xưa, đức Phật trú ở tinh xá trong nước Xá-vệ thuyết pháp cho các hàng trời, người. Lúc ấy, người con thứ của quốc vương là Lưu-ly mới hai mươi tuổi, cầu kết với các quan lại bức ép vua cha thoái vị, giết thái tử anh mình rồi tự tiện lên làm vua.

Khi Luru-ly vừa lên ngôi, Da-lợi, một viên quan rất thâm độc, tâu vua:

- Muôn tâu đại vương! Khi còn làm hoàng tử, có lần đến nước Xá-di bên ngoại, ngài đứng nhìn vào tình xá của Phật thì bị những người dòng họ Thích chửi mắng hết sức thậm tệ. Lúc đó đại vương đã ra sắc lệnh: *"Nếu ta lên làm vua sẽ tính tội này trước!"*. Nay thời cơ đã đến, binh mã hùng mạnh, xin ngài hãy báo thù xưa.

Vua Luru-ly liền cho chuẩn bị binh mã, kéo sang chinh phạt nước Xá-di.

Đại Mục-kiền-liên, vị đại đệ tử thứ hai của đức Phật thấy vua Luru-ly thống lãnh binh mã tàn sát nước Xá-di để trả thù, ắt sẽ giết chết bốn chúng đệ tử, nên vô cùng thương xót. Tôn giả liền đến thưa đức Phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Nay vua Luru-ly tấn công nước Xá-di, con nghĩ dân chúng sẽ gặp bất hạnh, nên định dùng bốn phương tiện: đưa dân nước Xá-di lên hư không, để trong biển, giấu vào giữa hai ngọn núi Thiết-vi, hoặc đưa đến trung tâm nước lớn ở phương khác, khiến vua Luru-ly không biết chỗ của họ để cứu dân nước Xá-di thoát kiếp nạn này.

Đức Phật dạy:

- Nay Mục-kiền-liên! Ta biết thầy là người có trí đức, có khả năng che chở cho dân nước Xá-di. Nhưng chúng sanh có bảy việc sanh, già, bệnh, chết, tội, phước và nhân duyên không thể tránh được. Bảy điều này ngay bản thân Như Lai muốn tránh cũng không thể nào được. Uy thần của thầy có thể làm được điều đó, nhưng tội lỗi trước đây của họ không thể tránh được.

Mục-kiền-liên lễ Phật rồi lui ra, nhưng vẫn làm theo ý riêng của mình. Tôn giả đem bốn năm nghìn đàn việt quen biết của nước Xá-di vào bình bát rồi đặt trên các vì sao giữa hư không. Vua Luru-ly đánh nước Xá-di giết chết ba ức người rồi dẫn quân trở về nước.

Bấy giờ, Mục-liên liền đến đánh lễ đức Phật và tự tin thưa:

- Bạch đức Thế Tôn! Vua Luru-ly đánh nước Xá-di, đệ tử nương oai thần của Thế Tôn cứu được bốn năm nghìn người để trên hư không, giờ họ đều được thoát nạn.

- Thầy đã đến xem những người trong bát chưa?

- Dạ chưa.

- Thầy hãy đến xem đi!

Mục-liên vâng lời, dùng đạo lực đem bát xuống xem, không ngờ tất cả mọi người đều chết hết. Mục-liên vô cùng đau xót, không cầm được nước mắt, thương cho cảnh bất hạnh của họ. Tôn giả trở lại thưa đức Phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Tất cả mọi người trong bát đều chết hết. Oai đức thần thông của con không thể cứu họ thoát khỏi tội nghiệp đời trước.

Đức Phật dạy:

- Bây việc ta vừa nói, cho dù Phật, chúng thánh, thần tiên hay đạo sĩ ẩn thân, phân thân cũng không thể nào tránh khỏi.

Ngài lại nói bài kệ:

*Dù hư không, biển cả
Hay núi sâu, rừng thẳm
Không nơi nào tránh khỏi
Quả báo đã gây ra.
Chúng sanh mang đau khổ
Đâu thoát khỏi chết già
Chỉ có bậc bi trí
Không còn lỗi xấu xa.*

Đức Phật thuyết pháp xong, vô số người trong pháp hội nghe Ngài dạy về vô thường đều đau buồn, nghĩ rằng khó thoát khỏi tội báo, cho nên họ hân hoan mong cầu được đắc đạo và đã chứng quả Tu-đà-hoàn.

Phẩm 19

DAO GẬY

1. PHẬT CHĂM SÓC ĐỆ TỬ BỆNH

Thuở xưa, tại nước Hiền-đề có một ti-kheo trưởng lão bệnh nặng, nằm liệt giường, thân thể gầy yếu như nhóp. Vậy mà trong tinh xá Hiền-đề không có người nào chăm sóc cho thầy cả. Đức Phật biết được, dẫn năm trăm ti-kheo đến đó, dạy các ti-kheo thay nhau chăm sóc và lo cơm cháo mỗi ngày cho vị ấy. Nhưng thấy vị này dơ bẩn hôi hám, nên các ti-kheo đều tỏ vẻ ngần ngại, không muốn chăm sóc. Đức Phật dạy trời Đế Thích mang nước ấm đến, rồi Ngài dùng bàn tay kim cang tắm rửa cho ti-kheo bệnh. Khi ấy, mặt đất chấn động, không gian rực sáng, mọi người đều kinh sợ lặng yên. Quốc vương, thần dân, trời, rồng, quý thần, vô số người kéo nhau đến đánh lễ đức Thế Tôn và thưa:

- Bạch đức Thế Tôn! Ngài là đáng tôn quý nhất trong ba cõi, đầy đủ phước đức và trí tuệ không ai sánh bằng. Tại sao Ngài lại hạ mình tắm rửa cho một ti-kheo bệnh hoạn, thân thể như nhóp hôi hám này?

Đức Phật bảo quốc vương và chúng hội:

- Sở dĩ Như Lai xuất hiện ở đời là vì những người khổ đau, không ai giúp đỡ

này. Cúng dường cho sa-môn, đạo sĩ bệnh hoạn và người già cô độc, nghèo khó thì sẽ được phước vô lượng, sở nguyện như ý. Thí như nước năm sông chảy vào biển cả, phước này cũng nhiều như thế. Nhờ đó, công đức từ từ viên mãn và có thể đắc đạo.

Nhà vua thưa:

- Bạch đức Thế Tôn! Vị ti-kheo này do tội báo gì trong tiền kiếp mà nay bị bệnh nhiều năm chữa trị vẫn không khỏi?

Đức Phật dạy:

- Thuở xưa có vua Ác Hạnh cai trị nhân dân rất tàn bạo. Ông giao quyền cho một võ sĩ tên Ngũ Bách thống lãnh việc trị phạt những người có tội. Ngũ Bách dựa vào uy thế của vua, tự ý tra khảo mọi người. Trước khi chuẩn bị đánh người, Ngũ Bách đòi lo lót tiền của, nếu ai có tiền thì sẽ đánh nhẹ, còn không thì bị đánh đập rất tàn nhẫn, đến nỗi cả nước đều oán hận ông ta. Khi ấy có một hiền giả bị người vu khống, nên cũng bị đánh đập một cách dã man. Vị này nói với Ngũ Bách: *"Tôi là đệ tử của đức Phật, trong sạch không gây tội lỗi, bị người vu oan, xin rủ lòng thương mà tha thứ"*. Nghe nói là đệ tử của đức Phật, Ngũ Bách nhẹ tay phớt roi, không chạm vào người. Về sau, Ngũ Bách chết, bị đọa vào địa ngục chịu khổ đau cùng cực, khi tội hết, sanh vào loài súc sanh thường bị đánh đập hơn năm trăm đời, sau khi tội hết được sanh làm người, nhưng thường mắc bệnh nặng từ nhỏ, thân thể lúc nào cũng đau đớn.

Vị vua Ác Hạnh thuở xưa chính là Điều-đạt ngày nay, Ngũ Bách lúc trước chính là ti-kheo già bệnh hoạn này, còn hiền giả bị vu oan ngày xưa chính là ta. Do đời trước Như Lai bị đánh, nhưng roi không chạm vào người, nên bây giờ đích thân Như Lai tắm rửa cho thầy. Người gây nghiệp thiện ác, thì phước họa cũng theo thân, dù trải qua sanh tử nhiều kiếp cũng không thoát khỏi.

Khi ấy, đức Thế Tôn nói kệ:

*Đánh đập người lương thiện
Vu khống kẻ vô can
Trả báo gấp bội phần
Chết chẳng được yên thân.*

*Sống chịu nhiều đau khổ
 Thân thể thường yếu gầy
 Bệnh tật đến triền miên
 Lòng chán chường lo sợ.
 Hay bị người vu khống
 Kẻ quan quyền hãm hại
 Tài sản tiêu tán dần
 Người thân thích ly tan.
 Bao nhiêu nhà cao đẹp
 Lửa dữ biến thành tro
 Chết đọa vào địa ngục
 Đó là mười điều khổ.*

Sau khi nghe đức Phật nói kệ và kể lại chuyện đời trước, ti-kheo bị bệnh tự biết việc làm thưở xưa của mình, nên ghi nhớ tự trách. Ngay lúc đó, bệnh tật tiêu tan, thân an ý định, đắc quả A-la-hán. Quốc vương nước Hiền-đề hoan hỷ tin hiểu pháp của Phật, phát tâm trọn đời thọ trì năm giới làm cư sĩ, nên đã đắc quả Tu-đà-hoàn.

2. THẦN CÂY KHAI THỊ

Thưở xưa, đức Phật thuyết pháp cho trời, người, rồng, quỷ thần tại tinh xá Kỳ Thọ Cấp Cô Độc Viên, nước Xá-vệ.

Một hôm, nước Uất-đa-la-ba-đề nằm ở phía đông nước Xá-vệ, nơi này có năm trăm phạm chí dẫn nhau đến ba cái ao tể thần bên bờ sông để Hằng tắm gội, tẩy trừ những cấu uế trên thân. Sau đó, họ lửa hình tu hạnh tiên nhân như pháp của Ni-kiền từ⁷⁶.

Trên đường đi, khi băng qua khu đầm lầy rộng lớn, họ bị lạc đường không thể tìm được lối ra, lương thực cạn dần. Từ xa, họ nhìn thấy một cây to như có thần khí, tưởng có người ở nên vội vàng tiến thẳng đến, nhưng chẳng thấy bóng

76. Ni-kiền từ 尼乾子 (Gđ: Ni-kiền-đà-nhã-đề từ 尼乾陀若提子; S: Nirgranthajñātiputra): thi tổ của Kỳ-na giáo, một trong các ngoại đạo Ni-kiền từ, là lục sư ngoại đạo ở Ấn Độ, có 23 vị tổ sư. Theo triết lý của họ thì yếu tố vũ trụ cấu thành linh hồn.

dáng ai cả. Năm trăm vị phạm chí đói khát kiệt sức, khóc than chắc mình phải bỏ thân giữa đầm này.

Thần cây hiện thành người, đến hỏi các phạm chí:

- Các đạo sĩ từ đâu đến? Nay định đi đâu?

Mọi người đều lên tiếng đáp:

- Chúng tôi muốn đến ao thần tắm gội, cầu đạo tiên, không ngờ hôm nay bị lạc đường, đói khát khổ sở, xin ông hãy thương tình cứu giúp!

Thần cây liền duỗi tay, thức ăn nước uống ngon bỏ từ tay tuôn ra đầy ắp. Mọi người được ăn uống một bữa no nê. Số thức ăn còn dư lại đủ để mang theo dọc đường. Lúc sắp từ biệt lên đường, mọi người tới hỏi thần cây:

- Ông vốn tu tạo công đức gì mà được thần thông quảng đại như thế?

Thần cây đáp:

- Tôi vốn ở nước Xá-vệ. Một hôm, đại thần Tu-đạt muốn cúng dường thức ăn cho đức Phật và chúng tăng nên ra chợ mua sữa đặc. Mua xong không có người mang sữa về, ông nhìn quanh thấy tôi nên muốn tôi mang về dùm. Đến tinh xá, ông lại nhờ tôi phụ múc ra cúng dường Phật. Sau khi Phật và chúng tăng thọ trai xong, dâng nước rửa tay, tôi nghiễm nhiên được nghe pháp. Mọi người nghe pháp đều vui mừng, khen ngợi điều lành vô lượng. Hôm ấy tôi xin giữ trai giới, nên chiều về nhà không ăn cơm. Vợ tôi lấy làm lạ hỏi: “Ông giận gì mà không ăn cơm?”. Tôi đáp: “Không giận gì cả, hôm nay ra chợ gặp trưởng giả Tu-đạt cúng dường thức ăn cho đức Phật, tôi đến đó và trì trai giới, gọi là bát quan trai”. Nghe thế, vợ tôi nổi giận, quát rằng: “Ông Cù-đàm làm loạn lễ thường, phá phép tắc của cha ông để lại, đâu đáng để ông theo. Nếu ông không từ bỏ thì tai họa sẽ phát sinh từ đây”. Vợ tôi thúc ép mãi, nên tôi đành phải ăn cơm.

Không ngờ, đêm hôm ấy tuổi thọ đã hết, tôi trút hơi thở cuối cùng lúc nửa đêm, thần hồn sanh vào cội cây này. Vì người vợ ngu muội ấy phá hoại pháp trai giới khiến tôi chẳng trọn nghiệp lành, nên thần thức của tôi mới sanh làm thần cây trong đầm này. Nhờ phước báo mang sữa đặc cho đức Phật, nên từ tay có thể hiện ra các thức ăn uống. Nếu tôi trọn đời giữ pháp trai giới trọn vẹn thì chắc chắn sẽ được sanh lên trời hưởng phước báo như ý.

Khi ấy, thần cây nói kệ cho bà-la-môn nghe:

*Cúng tế gieo mầm họa
Ngày đêm mọc cành nhánh
Khổ đau, hại bản thân
Trai pháp độ trời, người.*

Các phạm chí nghe kệ xong liền hiểu rõ và tin nhận, liền quay về Xá-vệ. Trên đường đi ngang qua nước Câu-lam-ni, nên ở đây có trưởng giả Mỹ Âm, là một người nhân từ, được mọi người kính trọng. Các phạm chí đến xin tá túc qua đêm. Trưởng giả hỏi: “Đạo sĩ từ đâu đến? Nay định đi đâu?”. Các phạm chí trình bày hết mọi công đức của thần cây ở đầm kia, và nói muốn đến Xá-vệ theo Tu-đạt thọ trì trai giới, mong được phước báo. Mỹ Âm nghe vậy vui mừng hớn hờ, nhờ thiện căn đời trước chín muồi, nên tự khai ngộ. Mỹ Âm thông báo cho toàn gia tộc, ai có thể thọ pháp trai giới thì thọ. Bởi xưa kia họ có chung lời hẹn ước nên có đến năm trăm người xin theo. Với oai nghi tề chỉnh, họ cùng đi đến nước Xá-vệ. Trên đường đến tỉnh xá Kỳ-hoàn, họ gặp Tu-đạt, nhưng không nhận ra nên hỏi người đi theo ông:

- Đây là ai vậy?

Đáp:

- Đó chính là Tu-đạt.

Phạm chí và mọi người vui mừng đuổi theo và nói:

- Ước nguyện của chúng ta đã thành, tìm người được người nên đuổi theo để được diện kiến.

Họ cùng nhau ca ngợi:

- Thần cây hết lời khen ngợi đức hạnh của ngài, ngưỡng mộ quy kính, toàn nói những lời ca tụng, nên chúng tôi đến đây nương nhờ, mong được chỉ bày pháp bát quan trai.

Tu-đạt dừng xe đáp:

- Điều mong cầu của quý vị là rất tốt. Tôn sư của tôi là Như Lai, là đức Thế Tôn cứu độ nhân loại, Ngài đang ở tại tỉnh xá Kỳ-hoàn, chúng ta hãy cùng nhau đến đó.

Nghe xong, tất cả mọi người đều cung kính nghe theo, cùng Tu-đạt đi đến tinh xá Kỳ-hoàn. Vừa trông thấy đức Thế Tôn, tâm tình mọi người vui mừng khôn tả, vội đánh lễ sát đất rồi quỳ xuống thưa:

- Bạch đức Thế Tôn! Ban đầu chúng con rời nhà dự định đến ba ao thần tắm rửa cầu đạo tiên. Trên đường đi gặp thần cây kể lại chuyện được gặp Thế Tôn, nên chúng con đến đây nương nhờ. Cúi xin Ngài chỉ dạy pháp vô thượng vi diệu cho chúng con.

Đức Thế Tôn theo hạnh nghiệp của họ mà nói bài kệ:

*Dù lỏa hình, cắt tóc
Suốt đời mặc áo cỏ
Tắm gội, ngồi trên đá
Sao hết được nghỉ hoặc.
Không chém giết thiêu đốt
Cũng không cầu thắng ai
Từ ái khắp thiên hạ
Nơi nơi không tai họa.*

Nghe bài kệ, năm trăm phạm chí rất vui mừng, xin làm sa-môn, đặc quả A-la-hán. Mỹ Âm và thân tộc đều chứng pháp nhãn.

Các vị ti-kheo thưa đức Phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Năm trăm phạm chí và các trưởng giả này đời trước tu tạo công đức gì mà nay nhanh chóng đắc đạo như vậy?

Đức Phật dạy:

- Trong đời quá khứ lâu xa có đức Phật Ca-diếp ra đời, giảng về đời ngũ trước trong tương lai cho các vị đệ tử. Trong chúng hội này có một nghìn phạm chí và trưởng giả nghe dạy xong cùng phát nguyện: “Chúng con nguyện gặp đức Thích-ca Vãng”. Các phạm chí thuở ấy nay chính là các phạm chí này, còn các trưởng giả thuở ấy nay là nhóm trưởng giả Mỹ Âm. Do nhân duyên này mà vừa gặp Như Lai họ liền đắc đạo.

Nghe xong, các ti-kheo rất vui mừng, đánh lễ, tu tập theo lời Phật dạy.

QUYỂN 3

Phẩm 20

NGƯỜI GIÀ

1. XUẤT GIA CÒN VƯỞNG THẾ SỰ

Thuở xưa, đức Phật ở tinh xá Kỳ Thọ, nước Xá-vệ. Một hôm, thọ trai xong, đức Phật thuyết pháp cho các hàng trời, người, quốc vương, đại thần, nhân dân và bốn chúng đệ tử. Khi ấy, có bảy vị trưởng lão bà-la-môn từ phương xa đến đánh lễ đức Phật rồi chấp tay thưa:

- Thưa ngài, chúng tôi là những người ở phương xa, kính nghe danh đức giáo hóa của Ngài từ lâu, rất muốn đến nương tựa. Song, vì nhiều nhân duyên trở ngại, mãi đến hôm nay mới được diện kiến tôn nhan. Chúng tôi xin được làm đệ tử của Ngài, tu học hầu mong chấm dứt khổ đau trong kiếp sống này.

Đức Phật liền cho các vị ấy xuống tóc làm sa-môn và sắp xếp cho bảy người ở chung một phòng. Nhưng bảy vị này lại nghĩ, đã gặp được đức Phật thì chắc chắn sẽ đắc đạo, nên không chịu tư duy về vô thường, suốt ngày chỉ nghĩ đến thế sự, chuyện trò cười đùa với nhau, say đắm ba cõi, chẳng hề nghĩ đến chuyện được mất, không biết mạng sống của mình chẳng còn bao lâu nữa.

Đức Phật dùng trí tam đạt, biết mạng sống của bảy vị này không còn bao lâu. Ngài cảm thấy rất thương xót, nên đến phòng bảo họ:

- Quý vị học đạo phải cầu giải thoát, tại sao lại cười đùa lớn tiếng như thế? Tất cả chúng sanh đều ý lại vào năm điều: tuổi trẻ, sắc đẹp, sức khỏe, tài sản giàu có, dòng họ tôn quý. Quý vị nói chuyện cười đùa như thế là ý vào điều gì?

Khi ấy, đức Thế Tôn nói bài kệ:

*Có gì đáng vui cười
Lửa thường luôn rực cháy
Ngu si trong tắm tối
Chẳng bằng cầu thiên định.
Cây vào thân tướng đẹp
Cứ ngỡ an thường mãi
Vọng tưởng khổ đau nhiều
Đâu biết cảnh vô thường.
Già, nhan sắc héo hon
Bệnh tật, thân suy tàn
Da nhăn, thịt hao mòn
Sự chết cận kề bên.
Thân hết thần thức đi
Như tài xế bỏ xe
Thịt nát, xương tan rã
Thân đâu đáng cậy nương.*

Nghe đức Phật nói kệ xong, bảy vị ti-kheo ấy tỏ ngộ, không còn vọng tưởng, liền chứng quả A-la-hán.

2. CƠ HỘI TỐT NHẤT

Thuở xưa, đức Phật ở tại tinh xá trong nước Xá-vệ, thuyết pháp cho hàng trời người, quốc vương nghe.

Bấy giờ, có năm trăm thiếu niên phạm chí của hơn năm trăm gia đình sống trong thôn bà-la-môn học phép thuật bà-la-môn, tánh tình của họ rất kiêu ngạo, bất kính với các bậc trưởng lão.

Một hôm, năm trăm thiếu niên bàn luận với nhau:

- Sa-môn Cù-đàm tự xưng là Phật, có đủ tam đạt trí, không ai dám biện luận với ông ta. Chúng ta thử mời ông ấy nghị luận, chất vấn mọi việc, xem như thế nào?

Bàn bạc xong, họ đến mời đức Phật. Đức Phật nhận lời cùng các đệ tử đến thôn bà-la-môn. Sau khi Ngài đã an tọa, các bà-la-môn dâng nước rửa tay, rồi thiết trai cúng dường, thọ trai xong dâng nước rửa tay, tất cả mọi việc rất chu toàn. Lúc ấy trong thôn có hai vợ chồng trưởng lão bà-la-môn đi xin ăn. Đức Phật biết ông lão này vốn là một người rất giàu có, từng là mệnh quan của triều đình. Ngài liền hỏi các bà-la-môn này:

- Quý vị có biết trưởng lão bà-la-môn kia không?
- Biết.
- Trước đây ông ta là người như thế nào?
- Ông ta vốn làm quan rất lớn, tài sản nhiều vô số.
- Vậy sao hôm nay ông ta lại đi xin ăn?
- Vì ông ta tiêu xài phung phí, sống không có đạo đức, nên phải chịu cảnh đói khổ cơ cực như thế.

Đức Phật dạy:

- Nay các bà-la-môn! Ở đời có bốn việc mà con người ta không dễ gì làm được: 1. Lúc tuổi trẻ khoẻ mạnh, thận trọng không kiêu mạn; 2. Tuổi già siêng năng, không tham lam dâm dật; 3. Có nhiều tài sản châu báu, thường phát tâm bố thí; 4. Theo thầy học tập, ghi nhận những lời dạy chí thiện.

Như trưởng lão này không thực hành bốn điều trên, cho mọi việc là thường còn, không biết tính đến thành bại, nên một khi gia sản tiêu tan, giống như con cò già đứng chầu chực trong chiếc ao rỗng không, mãi mãi không kiếm được gì.

Bấy giờ, đức Thế Tôn nói bài kệ:

*Suốt ngày lười, kiêu căng
Già chưa hết ham sắc*

Có của không bỏ thí
 Lời Phật chẳng thềm nghe.
 Ai có bốn điều này
 Tai họa ập đến ngay
 Than ôi! Già tới rồi
 Thân tiểu tụy mà thôi.
 Tuổi trẻ theo ý mình
 Già đến bị người khinh
 Không tu tập phạm hạnh
 Gia sản chẳng còn gì.
 Già như con cò trắng
 Bám lấy ao đầm trống
 Không giữ gìn giới hạnh
 Tài sản tuột khỏi tay.
 Già suy tàn kiệt quệ
 Nghĩ lại sao kịp nữa
 Già như lá mùa thu
 Làm dơ uest hạnh tu.
 Mạng sống chóng qua mau
 Ăn năn sao kịp nữa.

Đức Phật bảo các bà-la-môn:

- Ở đời có bốn thời cơ tốt, nếu tu tập sẽ được phước, thoát khỏi những khổ đau: 1. Lúc tuổi trẻ có sức mạnh; 2. Lúc giàu sang có tài sản; 3. Lúc gặp được Tam bảo, ưa thích ruộng phước tốt lành; 4. Lúc quán xét được sự vô thường của vạn vật.

Trong bốn thời cơ tốt trên, nếu biết nắm bắt tu tập thì sẽ thành tựu mọi sở nguyện, chứng được đạo quả.

Đức Thế Tôn lại nói bài kệ:

Mạng sống ngày một giảm
 Phải mau nỗ lực tu
 Thế gian thật vô thường

*Đừng mê đạo tối tăm.
Học thấp sáng đèn tâm
Tu tập cầu trí huệ
Thanh tịnh không cầu uế
Cầm đuốc theo đường đạo.*

Lúc nói kệ, đức Phật phóng ánh sáng chiếu khắp đất trời, năm trăm thiếu niên phạm chí nhờ đó tâm ý được tỏ ngộ, rung động toàn thân, đứng dậy đánh lễ đức Phật và thưa:

- Bạch đức Thế Tôn, chúng con xin quy y, nguyện được làm đệ tử của Ngài.

Đức Phật gọi:

- Thiện Lai! Tì-kheo!

Những vị ấy liền trở thành sa-môn, đắc quả A-la-hán. Trong làng kẻ lớn người nhỏ đều thấm nhuần pháp nhũ, thấy được đạo, nên vô cùng hoan hỷ.

Phẩm 21

YÊU QUÝ THÂN THỂ

1. TAM TẠNG PHÁP SƯ VÀ TÌ-KHEO DÓT

Thuở xưa, có năm trăm sa-môn thường tụng kinh, tu tập trong một ngôi tinh xá cách thủ phủ nước Đa-ma-la khoảng bảy dặm. Trong chúng có trưởng lão tì-kheo Ma-ha-lư tâm tánh ngu muội, năm trăm tì-kheo thay nhau dạy dỗ suốt mấy năm mà ông không thuộc nổi một bài kệ. Mọi người đều xem thường và xa lánh, bắt ông canh giữ tinh xá và lo việc quét dọn.

Một hôm, quốc vương thỉnh các sa-môn vào cung cúng dường. Tì-kheo Ma-ha-lư thầm nghĩ: *“Sanh ra trong cuộc đời, ta ngu muội đến nỗi một bài kệ cũng không biết, bị mọi người khinh chê, vậy sống còn có ích gì”*. Thế là, tì-kheo mang dây đến một cây to sau vườn định thắt cổ tự vẫn.

Đức Phật dùng đạo nhãn thấy được, nên Ngài liền hóa ra vị thần cây, hiện nửa thân người, trách tì-kheo:

- Tì-kheo ơi, sao lại làm như vậy!

Ma-ha-lư trình bày nỗi đau khổ của mình.

Thần cây quờ trách:

- Ông không được làm như thế, hãy nghe ta nói. Thuở xưa đức Phật Ca-diếp còn tại thế, ông từng là một tam tạng pháp sư có năm trăm đệ tử. Nhưng ông tự cho mình là người tài cao học rộng, khinh thường mọi người, ích kỉ hẹp hòi, không dạy nghĩa kinh cho đệ tử. Do đó, trải qua nhiều kiếp sanh ra đời thường ngu si. Vì vậy, ông nên tự trách mình, có sao lại tự sát?

Thế rồi, đức Thế Tôn hiện thân tướng hào quang uy nghiêm rực rỡ, nói bài kệ:

*Phải yêu quý thân mình
Thận trọng thường giữ gìn
Mong cầu thoát ái dục
Học sửa mình chớ mê.
Thân này là quý nhất
Luôn cố gắng tu học
Làm lợi ích dạy người
Chuyên cần chính là trí.
Học, trước tự sửa mình
Sau mới giáo hóa người
Điều thân nhập trí huệ
Vượt hẳn kẻ phàm tình.
Bản thân không lợi ích
Sao lợi ích cho người
Tâm an, thân chân chính
Nguyện nào không thành tựu.
Những điều mình đã tạo
Về sau tự thọ quả
Làm ác mà hối cải
Như ngọc được rửa mài.*

Thấy đức Phật hiện thân hào quang rực rỡ, từ-kheo Ma-ha-lur trong lòng có cảm giác vui buồn lo sợ lẫn lộn, cúi đầu đánh lễ dưới chân Ngài, tư duy ý nghĩa bài kệ, liền nhập định, chứng quả A-la-hán ngay trước đức Phật, tự biết túc mạng của mình và những việc trong vô số đời, thông suốt ba tạng kinh điển.

Đức Phật dạy Ma-ha-lur:

- Thầy hãy đắp y, mang bát vào cung, ngồi phía trên năm trăm vị sa-môn thọ trai. Các sa-môn này chính là năm trăm đệ tử đời trước của thầy. Thầy nên thuyết pháp giúp họ được đắc đạo, đồng thời để nhà vua tin hiểu tội phước.

Vâng lời đức Phật dạy, Ma-ha-lur vào cung, ngồi trên tòa cao nhất. Tất cả mọi người đều tức giận, ngạc nhiên không hiểu lý do. Nhưng vì không muốn nhà vua mất tín tâm, nên không dám trách mắng, chỉ nghĩ ông ta ngu muội không biết thuyết pháp, nên họ lo lắng buồn phiền. Đến giờ cúng dường, nhà vua cho bày biện thức ăn, đích thân dâng cúng. Thọ trai xong, Ma-ha-lur liền thuyết pháp, âm thanh hùng hồn vang vọng như sấm, ngôn từ trong trẻo tuôn chảy như mưa. Các vị sa-môn đang có mặt kinh sợ hối hận vì sự sai trái của mình, rồi tinh tấn quán chiếu đạo, và ngay đó đều chứng quả A-la-hán.

Trưởng lão sa-môn Ma-ha-lur lại thuyết pháp cho nhà vua, quần thần và bá quan nghe, tất cả đều đắc quả Tu-đà-hoàn.

2. TÌM LỖI CỦA PHẬT

Thuở xưa, đức Phật ở tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có năm trăm bà-la-môn thường rình tìm điểm sơ hở của đức Phật để phi báng. Đức Phật là đấng Tam đạt trí, biết được ý nghĩ của họ, nên thương xót muốn hóa độ, nhưng xét thấy quả chưa chín, nhân duyên chưa đến.

Thật ra, tất cả tội phước xảy đến với mình là hệ quả của những việc do mình tạo ra từ đời trước. Những Phạm chí này nhờ có chút phước duyên đời trước nên đáng được hóa độ. Do phước đức dẫn dắt, chắc chắn họ tự tạo ra nhân duyên thích hợp. Khi ấy, năm trăm Phạm chí mới bàn bạc với nhau: *“Chúng ta nên sai đồ tể chuyên sát sanh thỉnh Phật và chúng tăng đến nhà cúng dường. Ông ấy chắc chắn sẽ nhận lời và khen ngợi tên đồ tể. Lúc đó chúng ta sẽ ra mặt chỉ trích chuyện này”*.

Thế là, một tên đồ tể được sai đến thỉnh Phật, Ngài nhận lời và bảo:

- Quả chín sẽ tự rụng, phước đủ sẽ tự độ.

Tên đồ tể trở về chuẩn bị phẩm vật cúng dường. Đức Phật dẫn chúng đệ tử

đến nhà chủ nhân cúng dường trong thôn đồ tể. Hay tin, cả bọn phạm chí vui mừng như mở cờ trong bụng, cho rằng hôm nay họ đã tìm được điều dở của đức Phật. Nếu Phật ca ngợi phước đức của đàn-việt, thì họ sẽ đem những việc giết hại gây tội từ trước tới nay của những người đó để chê bai. Nếu như Phật nói về nguyên nhân gây tội lỗi, thì họ sẽ đem việc phước hôm nay để gạn hỏi. Trong hai vấn nạn trên, nhất định hôm nay họ sẽ chiến thắng Phật!

Phật đến nơi, an tọa, rửa tay rồi thọ trai. Sau đó Phật quán xét tâm tư của mọi người trong chúng hội, có người đáng độ, nên Ngài liền hiện tướng lưỡi rộng dài che khắp khuôn mặt, phóng ánh sáng chiếu khắp thành và dùng phạm âm nói bài kệ chú nguyện:

*Bậc chân nhân chỉ dạy
Người sống bằng chánh pháp
Kẻ ngu ghen tị họ
Thấy vậy khởi ác tâm.
Làm xấu ắt gặp dữ
Gieo đắng gặp quả cay
Tạo ác tội khổ nhiều
Hành thiện hưởng phước lành.
Thiện ác kết quả riêng
Không thể thay nhau được
Sống tốt được an vui
Cũng như trồng cây ngọt.*

Đức Phật nói kệ xong, năm trăm bà-la-môn tâm ý khai ngộ, liền đến trước Ngài phủ phục đánh lễ, chấp tay thưa:

- Bạch đức Thế Tôn! Chúng con là những kẻ ngu si ương ngạnh, trước giờ không hiểu lời chỉ dạy của bậc thánh, cúi xin Ngài thương tưởng nhận chúng con làm sa-môn.

Đức Phật nhận lời, cho phép họ đều được làm sa-môn. Tất cả dân trong làng thấy thần biến của đức Phật đều rất vui mừng phát khởi niềm tin vững chắc trong chánh pháp. Từ đó, thôn này đổi tên là thôn Hiền thánh, không còn nghe ai gọi là đồ tể nữa. Thọ trai xong, đức Phật trở về tịnh xá.

Phẩm 22

THẾ TỤC

1. PHẠM CHÍ TRẢ CHÂU BÁU

Thuở xưa, quốc vương bà-la-môn Đa-vị-tà tin thờ chín mươi sáu phái ngoại đạo. Một hôm, vua bỗng nhiên phát khởi thiện tâm muốn mở hội bố thí lớn. Đúng theo pháp bà-la-môn, vua cho người chặt bảy loại châu báu cao như núi để bố thí. Hễ có ai đến xin thì cho phép lấy một nắm châu báu mang đi. Cứ như thế qua nhiều ngày mà đồng châu báu vẫn không giảm bớt. Biết vị vua này có phước lành đời trước đáng được hóa độ, đức Phật liền hóa làm phạm chí đi đến nước kia. Nhà vua đón tiếp, đánh lễ thăm hỏi mọi chuyện rồi thưa:

- Ngài cần gì xin cứ nói ra, đừng ngại ngần.

Phạm chí nói:

- Tôi từ xa đến, muốn xin ngài một ít châu báu về làm nhà.

- Được! Ngài tự nhiên lấy một nắm đi.

Phạm chí lấy một nắm thật lớn, đi được bảy bước rồi quay lại trả vào chỗ cũ.

Nhà vua hỏi:

- Tại sao ngài không lấy?

- Số vàng này chỉ đủ làm cái nhà tranh, đâu đủ để vợ con sinh sống, nên tôi không lấy.

- Vậy thì, ngài hãy lấy thêm ba năm nữa.

Phạm chí liền lấy ba năm, đi được bảy bước rồi mang trả lại chỗ cũ.

Nhà vua ngạc nhiên hỏi:

- Vì sao thế?

- Chừng này chỉ đủ nuôi vợ con, có đâu để mua ruộng đất, nô tì và trâu ngựa. Tôi tính đi tính lại thấy không đủ nên không lấy.

- Vậy thì ngài lấy thêm bảy năm.

Phạm chí bèn lấy bảy năm, đi được bảy bước rồi mang trả lại chỗ cũ.

- Lại chuyện gì nữa?

- Nếu như con cái dựng vợ gả chồng, gặp chuyện lành dữ thì số vàng ấy tiêu dùng không đủ, vì thế tôi không lấy.

- Thế thì, ông cứ lấy hết đồng châu báu kia đi.

Phạm chí lấy xong liền trả lại rồi ra đi.

Nhà vua rất đỗi ngạc nhiên, bèn hỏi:

- Vậy là sao?

- Tôi vốn sống bằng nghề ăn xin. Song xét kỹ, con người sống ở thế gian chẳng được bao lâu, vạn vật vô thường, sớm còn tối mất, nhân duyên chóng chất, khổ đau ngày càng nhiều, cho dù châu báu chất đầy như núi cũng đâu có lợi ích gì cho bản thân. Tham lam mong cầu chỉ tự chuốc lấy khổ đau, chỉ bằng chấm dứt tâm tham, cầu đạo giải thoát. Vì nghĩ như vậy nên tôi không lấy nữa.

Khi ấy, tâm ý nhà vua sáng tỏ, xin phụng thờ chánh pháp. Phạm chí hiện lại thân Phật với ánh sáng rực rỡ, đứng giữa hư không nói bài kệ:

*Dù có nhiều trần bảo
 Chết đồng tận trời cao
 Đầy khắp cả thế gian
 Cũng không bằng thấy đạo.
 Bất thiện tương là thiện
 Ái cử ngõ không ái
 Lấy khổ làm niềm vui
 Kẻ ngu bị tổn hại.*

Khi thấy ánh sáng trên thân đức Phật chiếu khắp đất trời, lại nghe được bài kệ, nhà vua rất đỗi vui mừng, cùng với quần thần xin thọ năm giới, và sau đó liền đắc quả Tu-đà-hoàn.

Phẩm 23

PHẬT

1. CHẾT TRÊN ĐƯỜNG TÌM THẦY HỌC ĐẠO

Thuở xưa, đức Phật ngồi bên cội cây bồ đề trong đạo tràng Thiện Thắng, nội thuộc kinh thành Ma-kiệt-đề⁷⁷, Ngài dùng đức để hàng phục chúng ma, chứng thành đạo quả, rồi thâm nghĩ: “*Trống pháp cam lộ đã vang dội khắp ba nghìn đại thiên thế giới. Trước đây khi ta còn tu khổ hạnh, phụ hoàng sai năm người theo ta cúng dường cơm cháo, phục dịch hầu hạ, công ơn đó đáng được đền đáp. Năm người này hiện đang ở nước Ba-la-nại*”. Nghĩ thế, đức Như Lai rời khỏi cội bồ đề từ từ tiến về kinh thành Ba-la-nại với tướng hảo trang nghiêm, ánh sáng rực rỡ chiếu khắp trời đất, uy thần chấn động, ai thấy cũng đều hoan hỷ. Trên đường đi, Ngài gặp phạm chí Ưu-hô đã từ bỏ gia đình tâm sư học đạo. Nhìn thấy nghi dung của đức Thế Tôn, ông ta vừa mừng vừa sợ, dừng lại bên đường cất tiếng khen:

- Uy thần của ngài cảm động lòng người, nghi dung nghiêm tịnh. Ngài theo học với vị thầy nào mà được tư dung như thế?

77. **Ma-kiệt-đề** 摩竭提 (S : Magadha; Cg: Ma-kiệt-dà): một trong mười sáu nước lớn của Ấn Độ thời đức Phật, tức vùng Bihar ngày nay.

Nghe vậy, đức Phật đọc một bài kệ trả lời:

*Tự đắc bát chánh đạo
Không lìa, không nhiễm ô
Ái dứt, phá lưới dục
Tự chứng không thấy dạy
Ta đi không nhờ thầy
Một mình không bè bạn
Tu tập sau thành Phật
Từ đó đạt đạo thánh.*

Nghe bài kệ, Ưu-hô hoang mang, không hiểu gì cả, liền hỏi đức Thế Tôn định đi về đâu.

Đức Phật đáp:

- Ta định đến nước Ba-la-nại đánh trống pháp cam lộ, vận chuyển bánh xe pháp vô thượng. Trong ba cõi chưa có vị thánh nào chuyển vận bánh xe chánh pháp đưa chúng sanh nhập niết-bàn như ta hiện nay.

Nghe vậy, Ưu-hô vui mừng, nói:

- Thật quý hóa thay! Nếu đúng như vậy, tôi xin nguyện sau này được nghe pháp cam lộ của Ngài.

Nói xong, phạm chí chấp tay vái chào rồi ra đi. Đêm xuống, vẫn chưa đến chỗ thầy học đạo, Ưu-hô tìm chỗ nghỉ qua đêm, và nửa đêm hôm đó, ông đột ngột qua đời. Đức Phật dùng đạo nhãn thấy ông ta đã chết, thương xót thốt lên: “Người thế gian ngu muội cứ cho mạng sống còn mãi, gặp Thánh nhân lại bỏ đi, rồi chết trong cô độc. Trống pháp vang rền khắp, riêng mình ông không nghe; nước cam lộ diệt khổ, ông cũng không được uống, trôi lăn mãi trong năm đường, sanh tử muôn trùng, trải qua bao kiếp số, khi nào mới được giải thoát”.

Với lòng buồn thương, Ngài nói bài kệ:

Ngộ chân lý thanh tịnh

*Thoát khỏi vòng tử sinh
Phật hiện soi trần thế
Trừ khổ độ hữu tình.
Khó thay, được làm người
Khó thay, được trường thọ
Khó thay, Phật ra đời
Khó thay, được nghe pháp*

Khi đức Phật nói bài kệ này, năm trăm vị trời trên hư không rất vui mừng đều đắc quả Tu-dà-hoàn.

Phẩm 24

AN NINH

1. ƯỚC NGUYỆN THUỞ XƯA

Thuở xưa, đức Phật ở tại nước La-duyet-kỳ.

Cách vương thành khoảng ba trăm dặm về hướng đông nam có một thôn làng hơn năm trăm gia đình sống quây quần ven dưới triền núi. Dân trong làng tính tình ương ngạnh, khó thuần hóa, nhưng nhờ họ có phước duyên đời trước nên đời này đáng được hóa độ.

Một hôm, đức Thế Tôn hóa làm một vị sa-môn đến thôn kia tuần tự khát thực. Khát thực xong, Ngài ra khỏi thôn, đến ngồi bên một cội cây tọa thiền, nhập tam-muội nê-hoàn, không hít thở, không cử động suốt bảy ngày. Dân làng thấy vậy, nghĩ rằng Ngài đã qua đời, nên bảo nhau: “*Sa-môn này đã chết rồi, chúng ta hãy giúp mỗi người một tay hỏa táng ngài*”.

Thế là, họ mang củi và củi đến hỏa thiêu Ngài. Khi củi lửa cháy hết, đức Phật đứng dậy, hóa hiện thần thông, ánh sáng rực rỡ chiếu khắp mười phương. Hiện thần biến xong, Ngài trở lại ngồi điềm nhiên bên cội cây, dung nghi an tĩnh thư thái như không có chuyện gì xảy ra. Mọi người trong làng đều kinh sợ, cúi đầu tạ tội:

- Chúng tôi là những sơn dân ngu muội không biết thần nhân, đại đột nhóm lửa thiêu Ngài, may mà chưa sao. Tự nghĩ, chúng tôi phạm phải tội nặng như Thái sơn, cúi xin Ngài rủ lòng thương xót đừng trách tội. Lẽ nào thần nhân đã đạt đến chỗ không bị tổn thương bệnh tật sao? Lẽ nào không có buồn lo sao? Lẽ nào không bị đói khát hay phiền muộn sao?

Đức Thế Tôn điềm nhiên mỉm cười, nói bài kệ:

*Ta sống đời an nhàn
Không hận kẻ ghét mình
Giữa những người oán hận
Ta sống không hận thù.
Ta sống đời an ổn
Không ghét kẻ oán mình
Giữa những người ganh tị
Ta sống không ganh tị.
Ta sống đời an lạc
Gặp chuyện buồn không lo
Giữa những người âu sầu
Ta sống không sầu lo.
Ta sống trong an lạc
Thanh tịnh và vô vi
Ăn bằng chánh pháp lạc
Như cõi trời Quang Âm.
Ta sống đời an nhàn
Thành thoi không vướng bận
Dù gom củi cả nước
Không thiêu cháy được ta.*

Nghe xong bài kệ, năm trăm người trong làng đều tha thiết xin được xuất gia làm sa-môn và tất cả họ đều đặc quả A-la-hán. Những người còn lại đều kính tin Tam bảo.

Đức Phật cùng năm trăm vị này bay về vườn Trúc. Hiền giả A-nan thấy vậy liền thưa:

- Bạch đức Thế Tôn! Các ti-kheo này có phước đức đặc biệt gì mà khiến Thế Tôn đích thân đến nơi giáo hóa họ?

Đức Phật dạy:

- Lúc ta chưa hạ sanh làm Phật, ở thế gian có một vị Bích-chi-phật sống trong núi này. Một hôm, vị ấy đến ngồi nơi cội cây bên ngoài thôn ấy, hóa hiện thần đức rồi nhập diệt. Người trong thôn mang củi lửa đến thiêu vị ấy, rồi thu nhặt xá-lợi đựng trong bình báu đem chôn trên đỉnh núi này. Tất cả mọi người cùng cầu nguyện đời sau sẽ được đắc đạo, có thể ra đi an lạc như vị sa-môn này. Nhờ phước báo đó, nên nay họ được đắc đạo. Vì thế, Như Lai đích thân đến hóa độ họ.

Nghe đức Phật dạy, vô số trời người đều có niềm tin vững chắc trong chánh pháp.

2. ĐAU KHỔ LỚN NHẤT

Thuở xưa, đức Phật ở trong tinh xá tại thành Xá-vệ. Khi ấy, có bốn vị ti-kheo ngồi bên cạnh cội cây hỏi nhau: *“Đau khổ lớn nhất trong thế gian này là gì?”*

Người thì nói là tình dục, người thì nói là sân giận, người thì nói là đói khát, người thì nói là sợ hãi. Vì bất đồng ý kiến, họ cứ tranh luận mãi không thôi.

Biết được điều này, đức Phật liền đi đến. Ngài hỏi các ti-kheo đang tranh luận với nhau việc gì.

Tất cả đứng lên đánh lễ Thế Tôn, rồi trình bày điều mình đang tranh luận.

Đức Phật dạy:

- Nay các ti-kheo! Các thầy bàn luận chưa đến chỗ cùng tột ý nghĩa của khổ đau. Khổ đau trong cuộc đời không gì hơn sự hiện hữu của thân này. Tất cả những nỗi đau khổ đói khát, nóng lạnh, sân giận, sợ hãi, sắc dục, tai họa đều bắt nguồn từ thân này. Thân là cội nguồn của các khổ đau, là manh mối của tai họa, lao tâm, khổ trí, sợ hãi muôn vàn. Vì thân này mà chúng sanh trong ba cõi tàn hại lẫn nhau. Chúng ta bị trói buộc trong sanh tử triền miên đều do thân này. Muốn lìa khỏi đau khổ ở thế gian, nên cầu tịch tĩnh, nhiếp tâm chánh định, không khởi vọng tưởng mê lầm thì đạt được niết-bàn. Đây là niềm vui tối thượng nhất.

Rồi đức Thế Tôn nói bài kệ:

*Thiếu đốt nào hơn dâm
Độc hại nào hơn giận
Khổ đau nào hơn thân
Vui nào hơn niết-bàn.
Không ham điều vui nhỏ
Chút tài trí khôn lanh
Xét tìm điều lớn hơn
Mới được an lạc lớn.
Ta là bậc Thế Tôn
Giải thoát không ưu sầu
Vượt qua khỏi ba cõi
Hàng phục các chúng ma.*

Nói kệ xong, đức Phật dạy các tì-kheo:

- Vô số kiếp trong quá khứ xa xưa, có tì-kheo Tinh Tấn Lực đã đắc ngũ thông, thường ngồi dưới cội cây trong núi thiên định cầu đạo. Bấy giờ, có những loài vật như bò câu, quạ, rắn độc và nai cứ lần la bên cạnh tì-kheo, nên chúng cũng thường được an ổn. Bốn con thú này ban ngày đi kiếm ăn, tối trở về cùng một chỗ. Một đêm nọ, chúng hỏi nhau:

- Trong thế gian này điều gì khổ nhất?

Quạ nói:

- Đói khát là khổ nhất, vì khi đói khát thân gầy yếu, mắt mờ, tinh thần bồn loạn, nên lao mình vào lưới mà không ngại guơm đao. Chúng ta mất mạng, đều do như vậy, cho nên đói khát là khổ nhất.

Chim bồ câu nói:

- Tình dục là khổ đau lớn nhất. Vì khi tình dục hứng khởi thì không còn nghĩ đến gì cả, thân tàn mạng hết cũng đều do nó.

Rắn độc nói:

- Sân giận là khổ đau lớn nhất. Vì một khi nổi giận thì không kể thân sơ, có thể giết người mà cũng tự giết mình.

Nai nói:

- Sợ hãi là khổ đau lớn nhất. Chúng tôi sống trong rừng hoang, tâm luôn bất an, sợ gặp thợ săn hay lũ lang sói. Hễ nghe tiếng động là chúng tôi chạy chí mạng, bất kể hầm hố sườn đồi, mẹ con lạc nhau, sợ đến nỗi kinh hồn vỡ mật, cho nên với chúng tôi sợ hãi là nỗi khổ lớn nhất.

Nghe thế, vị ti-kheo bảo bọn chúng:

- Điều các ngươi bàn luận chỉ là ngọn ngành, chưa phải nguồn gốc của khổ đau. Khổ đau trong cuộc đời không gì hơn thân này. Thân này chất chứa vô số khổ đau và sợ hãi. Vì lẽ đó, ta từ bỏ trần thế, xuất gia học đạo, chế ngự vọng tưởng, không tham chấp thân này. Muốn chấm dứt nguồn gốc khổ đau phải cầu niết-bàn. Đạo niết-bàn vắng lặng không hình tướng, vĩnh viễn không còn khổ đau và sợ hãi, là nơi an ổn nhất.

Bốn con thú kia nghe xong, tâm được tỏ ngộ.

Đức Phật dạy các ti-kheo:

- Vị ti-kheo ngũ thông chính là ta, bốn con thú thọ đó nay chính là các thầy. Đời trước các thầy đã từng nghe ý nghĩa của gốc khổ, sao hôm nay lại còn tranh cãi như thế!

Nghe xong, các ti-kheo cảm thấy hổ thẹn, tự trách, liền đắc quả A-la-hán ngay trước đức Phật.

Phẩm 25

ƯA THÍCH

1. HẠNH PHÚC LỚN NHẤT

Thuở xưa, đức Phật ở trong một tinh xá tại nước Xá-vệ. Lúc ấy có bốn tỉ-kheo tân học cùng nhau đến tu tập, tọa thiền bên cội cây nài. Nhắm vào thời điểm cây nài đang mùa nở hoa. Những đóa hoa xinh đẹp rộ nở, tỏa hương thơm ngào ngạt. Nhìn khung cảnh tươi đẹp nên thơ ấy, bốn vị luận bàn: “*Vạn vật trong thế gian này, cái gì đáng yêu nhất, làm say đắm lòng người nhất?*”.

Người thứ nhất nói:

- Vào tháng hai mùa xuân, cỏ cây xanh tốt, các loài hoa đua nhau khoe sắc, nếu được dạo chơi ngoài đồng nội thì vui thú biết bao nhiêu.

Người thứ hai nói:

- Người thân sum họp, chén tạc chén thù, nhảy múa, hát ca là vui sướng nhất.

Người thứ ba nói:

- Cửa cái châu báu thật nhiều, cần gì có đó, xe ngựa, trang phục hơn hẳn mọi người, ra vào lộng lẫy, làm cho mọi người phải trở mắt nhìn, là điều vui sướng nhất.

Người thứ tư nói:

- Thê thiếp xinh đẹp, trang phục rực rỡ, phần hương thơm ngát, mặc tình hưởng thụ, là thú vui lớn nhất.

Đức Phật biết bốn vị ti-kheo này đáng được giáo hóa, chỉ có điều tâm ý họ đang chạy theo sáu trần, không nghĩ đến cảnh vô thường, nên Ngài gọi bốn vị ấy lại hỏi:

- Các thầy ngồi bên cội cây luận bàn chuyện gì vậy?

Bốn vị ti-kheo trình bày sự thật cuộc bàn luận cho đức Thế Tôn nghe. Nghe xong, Thế Tôn dạy:

- Những điều các thầy bàn luận thật ra chỉ là những điều đưa đến lo âu, sợ hãi, nguy hại, không phải là hạnh phúc tối thượng vĩnh hằng. Các thầy phải thấy được rằng, theo quy luật của vạn vật, mùa xuân thì tươi tốt, đến mùa thu, mùa đông thì úa tàn, rơi rụng. Bà con sum vầy vui vẻ rồi một mai cũng phải chia ly. Tài sản, châu báu, xe ngựa cũng chẳng bền lâu. Vợ đẹp thiếp xinh chỉ là cái họa của yêu ghét. Kẻ phạm phu sống trong cuộc đời luôn gây tai họa, tự thân chuốc lấy hiểm nguy, dòng tộc bại hoại, lo âu sợ hãi vô cùng. Đời sau rơi vào ba đường, tám nạn thống khổ muôn trùng. Vì vậy, ti-kheo đã từ bỏ đời sống thế tục xuất gia cầu đạo, thì tâm phải đặt ở chốn vô vi, không cầu danh lợi, đạt đến niết-bàn, mới là hạnh phúc tối thượng.

Đức Thế Tôn liền nói bài kệ:

*Ham vui sanh ưu sầu
Ham vui sanh sợ hãi
Nếu lòng chẳng ham vui
Làm sao buồn và sợ.
Hoan lạc sanh lo âu
Hoan lạc sanh sợ hãi
Nếu không còn hoan lạc
Nào đâu có sợ lo.
Tham dục sanh lo âu
Tham dục sanh sợ hãi*

Thoát ngoài vòng tham dục
 Nào có sợ có lo.
 Ngăn được pháp tham dục
 Chỉ thành biết hổ thẹn
 Thân hành gần chánh đạo
 Được mọi người kính yêu.
 Tham dục không sanh khởi
 Nghĩ đúng và nói đúng
 Tâm không còn tham ái
 Cắt đứt dòng tử sanh.

Đức Phật dạy:

- Thuở xưa, có vua Phổ An kết bạn với bốn vị vua nước lân cận. Một hôm, nhà vua mời bốn vị vua kia đến dự yến tiệc trong vòng một tháng, tha hồ ăn uống, vui chơi thỏa thích. Đến ngày mãn tiệc, vua Phổ An hỏi bốn vị vua kia:

- Người sống trong thế gian thì điều gì vui sướng nhất?

Người thứ nhất nói:

- Du ngoạn khắp nơi là vui thú nhất.

Người thứ hai nói:

- Bà con sum họp, đàn ca xướng hát là vui thú nhất.

Người thứ ba nói:

- Có thật nhiều của cải, châu báu, muốn gì có đó là vui sướng nhất.

Người cuối cùng nói:

- Thỏa mãn ái dục là vui sướng nhất.

Vua Phổ An nói:

- Những điều các ông vừa nói là cội nguồn của khổ đau, sợ hãi; vui trước khổ theo sau, sầu khổ muôn bề đều bắt nguồn từ đây; không bằng giữ tâm tĩnh lặng không tham cầu, đạm bạc tu đạo là an ổn nhất.

Nghe xong, bốn vị vua tỏ ngộ nên rất vui mừng và tin tưởng lời bạn mình nói.

Đức Phật dạy bốn vị tì-kheo:

- Vua Phổ An thuở ấy nay chính là ta, bốn vị vua bạn nay chính là các thầy. Thuở xưa ta đã chỉ dạy và nay cũng thế, vậy mà các thầy vẫn không hiểu. Sinh tử mênh mang, biết chừng nào mới chấm dứt!

Bốn vị tì-kheo một lần nữa được nghe ý nghĩa này, hổ thẹn hối lỗi, tâm chợt bừng ngộ, chấm dứt vọng tưởng, đoạn tận tham dục, đắc quả A-la-hán.

Phẩm 26

PHẦN NỘ

1. MƯU HẠI THẾ TÔN

Thuở xưa, đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, tại thành La-duyet-kỳ.

Bấy giờ, Điều-đạt⁷⁸ và vua A-xà-thế bàn bạc với nhau tìm cách hại đức Phật và chúng tăng. Nhà vua ra lệnh nhân dân trong nước không phụng thờ Phật, không cúng dường chúng tăng đi khát thực. Các vị trưởng lão Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, Ca-diếp, Tu-bồ-đề và các trưởng lão ni như Ba-hòa-đề đều dẫn đệ tử đi đến các nước khác, chỉ còn đức Phật và năm trăm vị a-la-hán ở lại núi Kỳ-xà-quật.

Điều-đạt đến bàn với vua A-xà-thế:

- Hôm nay các đệ tử Phật đi nơi khác hết rồi, chỉ còn năm trăm người ở bên cạnh ông ấy thôi. Xin bệ hạ ngày mai thỉnh Phật vào thành cúng dường, tôi sẽ cho năm trăm thớt voi uống rượu say, đợi khi ông ta vào thành sẽ thả chúng ra giày xéo, diệt sạch tất cả. Lúc đó, tôi sẽ lên làm Phật giáo hóa thế gian.

78. **Điều-đạt** 調達 (S: Devadatta; Cg: Đề-bà-đạt-đa): em con chú của đức Phật, chính là vị ti-kheo phạm tội ngũ nghịch, phá hoại tăng đoàn, đối nghịch với Phật khi Người còn tại thế.

Nghe nói thế, vua A-xà-thế rất vui mừng nên đồng ý, bèn đến chỗ đức Phật cúi đầu đánh lễ thưa:

- Kính thưa Ngài! Ngày mai trăm sắm sanh phẩm vật đạm bạc cúng dường, cúi xin Thế Tôn và chúng đệ tử quang lâm đến nội cung thọ trai.

Đức Phật biết rõ âm mưu của họ, nhưng vẫn đáp:

- Tốt lắm! Sáng mai ta sẽ đến.

Vua chào rồi ra về. Ông đến nói với Điều-đạt là đức Phật đã nhận lời, hãy chuẩn bị cho voi uống rượu say, đợi thời gian đến.

Hôm sau, đến giờ thọ trai, đức Phật cùng năm trăm vị a-la-hán vào thành. Đột nhiên năm trăm con voi say xuất hiện, gầm rống, giương vòi tiến đến, tường vách bị húc đổ, cây cối ngã rạp, cả thành kinh hoàng hỗn loạn. Năm trăm vị a-la-hán bay lên hư không, chỉ có A-nan đứng bên cạnh đức Phật. Khi ấy, voi say giương vòi xông về phía đức Phật. Ngài liền đưa bàn tay lên, từ năm ngón tay tức thời hóa thành năm trăm con sư tử chúa, cùng gầm lên chấn động khắp trời đất. Đàn voi say chột khụy chân, quỳ xuống không dám ngẩng đầu lên. Khi tỉnh rượu, những giọt lệ hối hận lăn dài trên khuôn mặt các con vật kia, thật đáng thương!

Nhà vua và quan dân vô cùng kính sợ. Đức Thế Tôn cùng các vị a-la-hán chậm rãi tiến vào cung điện thọ trai, chú nguyện.

Nhà vua thưa đức Phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Bởi tâm tính ngu tối, con tin theo lời sàm tấu của kẻ ác, gây tội ngũ nghịch, mưu đồ bất chánh. Xin Ngài rủ lòng từ bi tha thứ cho sự ngu muội của con.

Đức Thế Tôn dạy vua A-xà-thế và cả đại chúng:

- Trong thế gian có tám việc làm tăng trưởng sự phi báng đều do danh tiếng và lợi dưỡng, đến nỗi phạm tội lớn muôn kiếp khó thoát. Tám việc đó là: lợi, suy, vinh, nhục, khen, chê, vui, khổ. Từ xưa tới nay hiếm có người thoát sự mê hoặc của tám điều này.

Đức Thế Tôn lại nói bài kệ:

Chuyện người phi bóng nhau
 Xưa nay đều luôn có
 Cười chê kẻ lắm lời
 Chê luôn người ít nói
 Kẻ trung chánh nhu hòa
 Có người nào tránh khỏi?
 Rấp tâm hủy bậc thánh
 Không thể nào thành công
 Hết chê rồi lại khen
 Chỉ vì danh và lợi.
 Người được bậc trí khen
 Mới hiển tài chân chính.
 Người trí thường giữ giới
 Không có điều phi bóng
 Như la-hán thanh tịnh
 Không ai dám vu khống
 Được chư thiên tán thán
 Phạm, Thích đều kính thờ!

Nói kệ xong, đức Phật kể câu chuyện:

- Thuở xưa, có một quốc vương nọ thích ăn thịt chim nhạn. Ông thường ra lệnh cho thợ săn hằng ngày giăng lưới bắt chim nhạn. Một hôm, chim nhạn chúa dẫn năm trăm con bay xuống kiếm ăn. Không ngờ nhạn chúa sa lưới bị thợ săn bắt được. Cả bầy nhạn hốt hoảng bay lên, cứ lượn mãi không chịu bỏ đi. Nhưng có một con bám sát theo nhạn chúa, không sợ cung tên, suốt ngày đêm kêu gào bị thảm, miệng chảy ra máu. Cảm động tình nghĩa của chim nhạn, người thợ săn thả chim chúa trở về với đàn. Thấy chim chúa được thả, cả đàn nhạn vô cùng mừng rỡ bay lượn chung quanh.

Người thợ săn trở về cung tâu việc này lên nhà vua. Nhà vua rất cảm động, từ đó bỏ sở thích ăn thịt chim nhạn.

Kết thúc câu chuyện, đức Phật bảo nhà vua:

- Đại vương biết không! Chim nhạn chúa thuở ấy nay chính là ta. Con chim

nhạn bay theo là A-nan. Đàn nhạn năm trăm con nay là năm trăm vị A-la-hán. Ông vua thích ăn thịt chim nhạn nay chính là đại vương. Người thợ săn là Điều-đạt. Từ nhiều đời đến nay, ông ấy luôn tìm cách hại ta. Nhờ năng lực từ tâm, nên ta luôn được an ổn, không có lòng oán thù kẻ ác, tinh tấn tu tập cho đến khi thành Phật.

Nghe đức Phật dạy xong, vua và quần thần đều tỏ ngộ.

Phẩm 27

TRẦN CẦU

1. ANH CHÀNG HƯ ĐÓN NGỘ ĐẠO

Thuở xưa có chàng thanh niên con của một gia đình nọ. Từ thuở nhỏ anh ta được cha mẹ rất mực thương yêu, hết lòng mong mỏi sau này khôn lớn được nên người. Cha mẹ đưa anh ta đến những thầy giỏi, bạn hay để khuyên bảo anh học hành. Nhưng anh ta lại có thái độ kiêu ngạo, không chịu để tâm học tập, sáng học chiều bỏ, không màng đến sách vở, nên trải qua bao năm rồi mà vẫn không hiểu biết gì. Thấy vậy, cha mẹ gọi anh ta về nhà quản lý gia nghiệp. Nhưng anh ta vẫn chứng nào tật nấy, lười biếng không chịu lập chí làm ăn, bỏ bê công việc, khiến gia nghiệp ngày càng sa sút, mọi việc trì trệ. Dù vậy, anh ta vẫn quen thói chơi bời, không cần quan tâm gì đến sự nghiệp. Đồ đạc trong nhà cứ đội nón ra đi để thỏa mãn thói tiêu xài của anh ta. Rồi đến một ngày, anh ta trở thành một kẻ thân tàn ma dại, đói rách vất vưởng, tóc tai bù xù, áo quần dơ bẩn. Đã thế, anh ta còn có tính tham lam, keo kiệt, thô lỗ, ngu si, tự cao, không biết liêm sỉ, là kẻ xấu xa nên ai cũng khinh ghét, chẳng ai đi chung hay nói chuyện với anh ta cả. Vậy mà, anh ta không biết tánh xấu của mình, còn căm ghét người khác, oán trách cha mẹ, mắng chửi thầy bạn, tổ tiên, thần linh

không phù hộ, khiến cho anh ta lâm vào cảnh khốn đốn như thế. Trong cảnh khốn cùng, anh ta chợt nghĩ: “*Chi bằng mình đến phụng thờ đức Phật để được Ngài ban phước*”.

Nghĩ xong, anh ta bèn đến đánh lễ đức Phật và thưa:

- Bạch đức Thế Tôn! Đạo của Ngài bao dung, đón nhận tất cả. Nay xin Ngài nhận con làm đệ tử.

Đức Phật dạy:

- Phàm người cầu đạo phải tu hạnh thanh tịnh. Nay cậu mang những tư tưởng xấu xa tràn tục vào đạo, chỉ nhọc công đến đây, đâu có ích lợi gì! Thôi thì cậu trở về nhà hiếu dưỡng cha mẹ, học tập theo lời thầy dạy, đến chết cũng không quên, cố gắng gầy dựng lại cơ nghiệp, thì sẽ giàu có an vui. Lấy lễ nghĩa để sửa mình, không làm những điều bất chính. Dù tắm rửa hay mặc y phục đều cẩn thận lời nói và hành động, chuyên tâm nhất ý thì mọi chuyện sẽ thành, siêng năng tu tâm dưỡng tính sẽ được mọi người yêu mến. Được như vậy, cậu mới có thể học đạo được.

Đức Phật nói bài kệ:

*Không học thì lời thô
Không siêng thì nhà bẩn
Không trang điểm, thân xấu
Buông lung, việc sẽ hư
Keo kiệt, bản huệ thì
Bất thiện, hạnh không tốt
Đời này và đời sau
Pháp ác thường vấy bẩn
Cái xấu trong cái xấu
Không gì hơn ngu si
Tu học bỏ ngu si
Thành từ-kheo vô cầu.*

Nghe bài kệ, anh ta biết mình trước đây kiêu ngạo, ngu si nên vâng lời Phật dạy, vui vẻ trở về nhà. Từ đó, anh ta luôn suy nghĩ về ý nghĩa bài kệ để sửa đổi

sai lầm, hiếu thờ cha mẹ, tôn kính sư trưởng, siêng đọc tụng kinh điển, cố gắng xây dựng cơ nghiệp, khép mình giữ giới không làm điều trái đạo. Nhờ vậy, bà con, làng xóm đều khen ngợi anh có lòng hiếu đễ. Nhân dân cả nước đều tôn anh là bậc hiền.

Ba năm sau, anh ta trở lại tỉnh xá, cúi đầu đánh lễ đức Phật và thành kính thưa:

- Kính bạch đức Thế Tôn! Bậc chí chân tôn kính đã dạy dỗ con nên người, bỏ ác làm thiện, tất cả đều được tốt đẹp. Cúi xin Ngài rủ lòng thương xót cho con xuất gia học đạo.

Đức Phật bảo:

- Thiện Lai! Tì-kheo!

Ngay lúc ấy, râu tóc anh ta tự rụng, liền thành sa-môn. Nhờ tư duy quán chiếu lý tứ đế, ngày càng tinh tấn, chẳng bao lâu vị tân tì-kheo này chứng quả A-la-hán.

Phẩm 28

PHỤNG TRÌ

1. CHẤT VẤN ĐẮC ĐẠO

Thuở xưa, trưởng lão bà-la-môn Tát-già Ni-kiền là một người thông minh tài trí vào bậc nhất trong nước. Ông có năm trăm đệ tử, nhưng tính tình tự cao tự đại, xem thiên hạ chẳng ra gì, lại thường dùng lá sắt mỏng quấn quanh bụng. Mọi người lấy làm lạ hỏi. Ông trả lời: “Sợ trí huệ tràn ra ngoài nên làm vậy”.

Một hôm, nghe tin đức Phật xuất hiện ở thế gian, giáo hóa chúng sanh rất thành công, nên ông sanh lòng đố kỵ, ngày đêm lo lắng, mới bàn bạc với các đệ tử: “*Nghe tin sa-môn Cù-đàm tự xưng là Phật. Hôm nay, ta đến đó chất vấn những việc sâu xa mẫu nhiệm làm cho ông ta bí lối không thể trả lời*”.

Thế là, ông ta dẫn các đệ tử đến đứng ngoài cổng tinh xá Kỳ-hoàn. Từ xa, trông thấy uy quang của Thế Tôn rực rỡ trang nghiêm như vàng mặt trời mới mọc, toàn thân ông ta chấn động, vừa vui mừng vừa kinh sợ. Thế là, ông ta liền đi thẳng đến đánh lễ đức Phật. Đức Phật bảo ông ta ngồi. Ngồi xuống rồi, ông ta hỏi:

- Thưa Ngài! Thế nào là đạo? Thế nào là trí? Thế nào là trưởng lão? Thế nào

là đoan chính, là sa-môn, là ti-kheo, là bậc thông thái hiền triết, là người tu đạo, là người giữ giới? Nếu Ngài trả lời được những vấn đề trên, tôi xin làm đệ tử.

Khi ấy, đức Thế Tôn quán chiếu căn cơ của ông, rồi trả lời bằng bài kệ:

*Luôn học hành chăm chỉ
 Tâm chân chính tu hành
 Chỉ mong cầu huệ báu
 Đó được gọi là đạo.
 Được tôn là bậc trí
 Chưa hẳn biết biện luận
 Chỉ không lo, không sợ
 Giữ thiện mới là trí.
 Gọi là bậc trưởng lão
 Không phải do tuổi cao
 Thân già, tóc bạc trắng
 Có khác gì kẻ ngu.
 Ai noi theo chánh pháp
 Luôn giữ lòng nhân từ
 Sáng suốt và thanh tịnh
 Đó chính là trưởng lão.
 Người được cho đoan chánh
 Không hẳn đẹp như hoa
 Tham, ganh uổng trang sức
 Nói làm thường sai trái.
 Ai bỏ được điều ác
 Dứt sạch tận nguồn gốc
 Sáng suốt không giận hờn
 Đó mới là đoan chánh.
 Bậc sa-môn nghĩa là
 Không phải chỉ cạo tóc
 Nếu tham lam, nói dối
 Khác chi kẻ trần tục.
 Ai dứt được điều ác*

Mở rộng đạo nhiệm mầu
 Đoạn trừ tâm vọng tưởng
 Đó mới là sa-môn.
 Tì-kheo có nghĩa là
 Không phải chỉ khát thực
 Tà hạnh mong người thí
 Chỉ cầu danh mà thôi.
 Ai dứt bỏ nghiệp xấu
 Siêng tịnh tu phạm hạnh
 Dùng trí huệ phá ác
 Đó chính là tì-kheo.
 Gọi là bậc hiền minh
 Chẳng phải im không nói
 Dụng tâm không chuyên nhất
 Chỉ bề ngoài mà thôi.
 Ai giữ tâm vô vi
 Hạnh thanh tịnh vắng lặng
 Đẹp sạch tâm bi thử
 Đó mới là hiền minh.
 Gọi là bậc có đạo
 Không chỉ cứu một loài
 Giáo hóa khắp quần sanh
 Không hại kẻ vô đạo.
 Người phụng trì chánh pháp
 Không phải chỉ nói nhiều
 Dù học tập chút ít
 Thân hành trì đúng pháp
 Một lòng giữ gìn đạo
 Là người phụng trì pháp.

Nghe kệ xong, Tát-già Ni-kiền và năm trăm đệ tử vui mừng, tỏ ngộ, bỏ tâm
 kiêu mạn, xuất gia làm sa-môn. Tát-già Ni-kiền phát tâm bồ-tát. Năm trăm đệ
 tử đều chứng A-la-hán.

Phẩm 29

ĐẠO HẠNH

1. ĐẾN ĐIÊM-LA ĐÒI CON

Thuở xưa, có một vị bà-la-môn xuất gia từ nhỏ, đến năm sáu mươi tuổi vẫn chưa đắc đạo. Theo quy định của bà-la-môn, đến tuổi này chưa đắc đạo thì phải trở về nhà lấy vợ, xây dựng sự nghiệp. Thế là, ông hoàn tục, lập gia đình, sanh được một đứa con trai xinh đẹp tuấn tú. Mới bảy tuổi, cậu bé đã tỏ ra thông minh, học hành rất giỏi, biện luận lưu loát hơn người. Thế nhưng, đột nhiên cậu bé phát bệnh nặng rồi qua đời, bà-la-môn đau buồn khôn xiết, cứ ôm xác con than khóc đến chết đi sống lại. Thân tộc tìm đủ lời khuyên bảo an ủi, giành lấy xác đứa bé tẩm liệm, rồi đem chôn ngoài thành.

Bà-la-môn tự nghĩ: *“Ta than khóc mãi đâu có ích lợi gì, chi bằng hãy đến vua Diêm-la đòi mạng con mình”*. Sau đó, bà-la-môn tắm gội sạch sẽ, trai giới rồi chuẩn bị hành lý và hoa hương, rời nhà ra đi. Đi đến đâu ông cũng hỏi: *“Vua Diêm-la đang ở đâu?”*. Cứ như thế, lần hỏi ông đi suốt mấy nghìn dặm. Một hôm, ông đến một hang núi sâu, gặp và hỏi các bà-la-môn đắc đạo. Họ hỏi ông:

- Ông hỏi chỗ vua Diêm-la để làm gì?

Ông trả lời:

- Tôi có một đứa con trai thông minh, tài giỏi hơn người. Nhưng nó vừa qua đời cách đây mấy ngày. Tôi đau đớn buồn khổ tột cùng, nên định tìm gặp vua Diêm-la xin lại mạng sống của đứa con để cày nhờ lúc tuổi già sức yếu.

Các vị bà-la-môn thương ông lão ngu si, liền bảo:

- Chỗ ở của vua Diêm-la, người còn sống đâu thể đến được. Chúng tôi sẽ chỉ cho ông một cách. Từ đây đi về hướng tây hơn bốn trăm dặm có một dòng sông lớn. Trong đó có một tòa thành, là nơi dừng chân của các vị thần khi đi tuần sát thế gian. Vào ngày mùng tám mỗi tháng, vua Diêm-la đi tuần sát, chắc chắn sẽ đi qua thành này. Đúng vào ngày ấy, ông trì trai giới đến đó sẽ gặp.

Bà-la-môn rất vui mừng vâng theo lời chỉ dẫn. Khi đến con sông ấy, ông ta gặp một tòa thành rất lớn. Cung điện, nhà cửa nguy nga tráng lệ như cõi trời Đao-lợi. Ông ta bèn đến trước cổng đốt hương, quỳ xuống khấn nguyện được gặp vua Diêm-la. Vua Diêm-la ra lệnh người giữ cổng hỏi ông lão đến đây có chuyện gì.

Bà-la-môn thưa:

- Tôi tuổi đã già mới sanh được đứa con trai, ước mong sau này được cày nhờ, không ngờ mới lên bảy tuổi lại mang bệnh nặng và qua đời mới mấy ngày nay. Xin đại vương ban ân trả lại đứa con cho tôi.

Vua Diêm-la nói:

- Tốt lắm! Con của ông hiện đang chơi ở khu vườn phía đông. Ông hãy đến đó dẫn nó về.

Bà-la-môn liền đến nơi đó, nhìn thấy con mình đang chơi đùa cùng các đứa trẻ khác. Ông vội chạy đến ôm con, khóc lóc nói:

- Suốt ngày đêm cha thương nhớ con, quên ăn bỏ ngủ. Con có nhớ nghĩ đến cha mẹ đang đau khổ không?

Đứa trẻ kinh sợ la lớn, mắng ông:

- Ông già si mê này không hiểu lý lẽ. Tôi chỉ ở nhờ nhà ông trong chốc lát đâu thể gọi là con! Chớ nói những lời vớ vẩn, chỉ bằng hãy đi nhanh đi. Tôi ở đây đã có cha mẹ. Chúng ta chỉ tình cờ gặp nhau, lưu luyến làm gì cho khổ!

Nghe vậy, bà-la-môn càng thêm đau khổ, khóc lóc rồi từ giả. Lúc ấy, ông liền nghĩ: *"Ta nghe nói sa-môn Cù-đàm hiểu rõ lẽ biến hóa của người và quỷ thần, ta nên đến đó hỏi ông xem sao"*. Thế là ông ta liền tìm đến đức Phật. Khi ấy, đức Phật đang ở tinh xá Kỳ-hoàn, nước Xá-vệ thuyết pháp cho đại chúng. Bà-la-môn cúi đầu đánh lễ rồi thưa mọi chuyện lên đức Phật:

- Thưa Ngài! Con tôi không chịu nhận tôi, còn bảo tôi là ông già si mê, nó chỉ ở tạm không bao lâu mà lại nhận làm con. Nó đối xử chẳng có chút tình phụ tử, không biết vì sao lại như thế?

Đức Phật bảo:

- Ông thật ngu si! Khi người chết rồi, thần thức đi thọ thân khác. Cha mẹ, vợ con chỉ là nhân duyên gặp gỡ, như khách trọ qua đêm, sáng thức dậy thì phải chia tay. Thế nhưng, chúng sanh ngu muội chấp thân giả tạm này là thật, rồi sanh lo buồn đau khổ, không biết đâu là cội nguồn, đắm chìm mãi trong sanh tử, không biết khi nào ra khỏi. Chỉ có bậc trí huệ không tham ân ái, thấy rõ khổ đau, đoạn tận nguồn nhân, siêng năng tu tập giới luật, diệt trừ vọng tưởng chấm dứt sanh tử.

Đức Thế Tôn liền nói bài kệ:

*Sống vui bên vợ con
Không nghĩ đến bệnh đau
Đột nhiên thân chết đến
Như nước lũ dâng tràn.
Cha con không cứu nổi
Cầu mong gì người khác
Chết mong nhờ người thân
Như anh mù cầm đuốc.
Người trí hiểu điều này
Gắng tu tập giới luật.
Siêng tu độ thế gian*

*Dứt trừ tất cả khổ.
 Xa lìa những vực sâu
 Như gió thổi mây tan
 Diệt sạch hết vọng tưởng
 Đó chính là tri kiến.
 Trí huệ hơn thế gian
 Vui trong đạo vô vi
 Nếu thọ trì chánh pháp
 Sanh tử chẳng còn chi.*

Nghe xong bài kệ, bà-la-môn hoát nhiên khai ngộ, biết rõ mạng sống là vô thường, vợ con chỉ là khách tạm, liền phủ phục đánh lễ Phật, xin làm sa-môn tu đạo giải thoát.

Đức Phật bảo:

- Thiện lai!

Bà-la-môn râu tóc tự rụng, pháp phục đắp thân, liền thành ti-kheo. Ông tư duy ý nghĩa bài kệ, chấm dứt ân ái, không còn vọng tưởng, liền chứng quả A-la-hán.

Phẩm 30

QUẢNG DIỄN

1. PHƯƠNG THUỐC GIẢM CÂN

Thuở xưa, đức Phật thuyết pháp giáo hóa tại nước Xá-vệ. Trời, rồng, quý thần, vua chúa và dân chúng mỗi ngày ba buổi đến đó nghe pháp.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc là một người có tánh kiêu mạn, say mê tình dục, mắt đắm theo sắc, tai mê tiếng hay, mũi khuyển luyến hương thơm, miệng thích vị ngon, thân ưa chạm trơn láng; ăn uống cao lương mỹ vị, không hề biết nhàm chán. Tuy ăn nhiều, nhưng nhà vua luôn cảm thấy đói, nên nhà bếp phải phục vụ liên tục. Do vậy, thân thể vua ngày càng béo phì, lên xe xuống kiệu vô cùng khó khăn, nằm ngồi cử động đều thờ hờn hển; có khi hơi thở yếu dần, rồi lịm ngắt một hồi mới tỉnh lại. Nằm ngồi đều than vãn, đau khổ vì tấm thân nặng nề, di chuyển khó khăn, nên vua coi thân như là tai họa.

Một hôm, nhà vua cho hầu cận chuẩn bị xa giá để đến tinh xá thăm đức Thế Tôn. Đến nơi, người hầu đỡ vua xuống, thăm hỏi đức Thế Tôn xong, vua ngồi xuống chấp tay thưa:

- Bạch đức Thế Tôn! Đã lâu lắm không được diện kiến, không được nghe

lời chỉ dạy của Ngài. Không biết do tội gì, mà thân thể trầm tự nhiên phát phì. Trầm không thể hiểu được, nên thường lo lắng chuyện này. Vì thế mà trẻ nài, không thường đến hầu thăm Thế Tôn.

Đức Phật dạy:

- Này đại vương! Có năm việc khiến thân thể phát phì: ăn nhiều, ham ngủ, vui chơi thoải mái, không buồn lo và nhàn rỗi. Nếu muốn bớt mập, bề hạ phải giảm ăn, sống đạm bạc, thì tự nhiên thân thể sẽ ốm trở lại.

Đức Phật nói bài kệ:

*Sống phải nên tỉnh giác
Ăn uống có điều độ
Từ đây đau khổ giảm
Khỏe đẹp và sống lâu.*

Nghe xong bài kệ, nhà vua vô cùng vui mừng, liền gọi đầu bếp đến bảo: “*Ông hãy ghi nhớ bài kệ này, trước khi dọn cơm hãy đọc cho ta nghe rồi mới dọn*”.

Vua từ giả đức Phật trở về cung. Từ đó, trước khi dâng cơm, người đầu bếp đọc bài kệ này để nhắc nhở vua. Nhà vua nghe bài kệ cảm thấy rất vui, mỗi ngày giảm một muống cơm. Do ăn giảm dần nên thân thể vua cũng từ từ nhẹ nhàng, gầy đẹp trở lại như xưa. Nhà vua rất vui mừng, nhớ ơn chỉ dạy của đức Phật, liền đi bộ đến tinh xá đánh lễ.

Đức Phật mời vua ngồi, rồi hỏi:

- Xe ngựa và tùy tùng đâu, sao đại vương lại đi bộ đến một mình?

Nhà vua vui vẻ thưa:

- Bạch đức Thế Tôn! Trước đây được Thế Tôn chỉ dạy cách ăn uống điều độ, con trở về thực hành đúng như pháp. Nay thân thể được nhẹ nhàng là nhờ ân đức của Thế Tôn. Vì thế, hôm nay con đi bộ đến tinh xá xem thử thế nào.

Đức Phật dạy:

- Người đời không biết lẽ vô thường, đắm mình trong tình dục, không biết tu tạo phước đức. Đến khi chết thần thức ra đi, gởi thân nằm mồ hoang. Vì thế, người trí nuôi dưỡng tinh thần, kềm giữ ôm ấp thân thể. Nếu ai hiểu được chân lý này sẽ tu tập theo chánh pháp.

Khi ấy, đức Thế Tôn nói bài kệ:

*Người không chịu học hỏi
Già khác chi bò đực
Chỉ mập lớn xương thịt
Đâu có trí huệ gì.
Dòng sanh tử vô nghĩa
Qua lại lắm gian nan
O bế tấm thân này
Đau khổ thật vô vàn.
Người trí thấy khổ này
Không nuông chiều tấm thân
Dứt ý, đoạn tham dục
Ái hết, không tái sanh.*

Nghe xong bài kệ, vua vui mừng tỏ ngộ, liền phát tâm Vô thượng bồ-đề. Vô số người nghe pháp đều đắc pháp nhãn.

Phẩm 31

ĐỊA NGỤC

1. LỜI XUỐNG ĐỊA NGỤC

Thuở xưa, tại nước Xá-vệ có bà-la-môn Phú-lan Ca-diếp. Ông ta đi đâu cũng có năm trăm đệ tử theo cùng, vua quan và dân chúng rất mực tôn kính.

Lúc ấy, đức Phật mới thành đạo, Ngài cùng các đệ tử từ thành La-duyet-kỳ đến nước Xá-vệ. Thân tướng uy nghi của đức Phật cùng tăng đoàn trang nghiêm rực rỡ, đi đến đâu giáo pháp nhiệm màu lan truyền đến đó. Vì thế, vua, quan và nhân dân đều kính ngưỡng.

Thấy vậy, Phú-lan Ca-diếp sanh lòng đố kỵ, muốn phi báng đức Thế Tôn, để một mình hưởng sự cung kính của mọi người. Ông ta bèn dẫn các đệ tử đến diện kiến vua Ba-tư-nặc, rồi thưa:

- Thưa đại vương! Hàng trưởng lão chúng tôi đã tu học với những bậc thầy tiền bối ở nước này. Còn sa-môn Cù-đàm là kẻ hậu sanh xuất gia cầu đạo, thật sự chẳng phải thần thánh gì lại tự xưng mình là Phật. Vậy mà, đại vương bỏ chúng tôi để kính thờ ông ta. Nay tôi muốn so tài đức với ông ta xem ai thắng. Nếu người nào thắng, bệ hạ hãy kính thờ người đó trọn đời.

Nhà vua chấp nhận yêu cầu của bà-la-môn. Sau đó, nhà vua xa giá đến đánh lễ đức Phật rồi thưa:

- Bạch Thế Tôn! Phú-lan Ca-diếp muốn tỷ thí đạo lực và thần thông với đức Thế Tôn, không biết ý Ngài thế nào?

Đức Phật đáp:

- Được! Xin đại vương hẹn với ông ta bảy ngày sau sẽ tỷ thí.

Thế là, nhà vua chọn chỗ đất bằng phẳng ở phía đông kinh thành, cho thiết lập hai tòa cao bốn mươi trượng, trang hoàng bảy báu, treo tràng phan và xếp đặt chỗ ngồi tươm tất. Khoảng giữa hai tòa cách nhau chừng hai dặm là nơi dành cho chúng đệ tử của hai bên ngồi.

Ngày hẹn đã đến, quốc vương, đại thần và quần chúng đều tập hợp đến đây để xem cuộc tỷ thí thần thông của hai bậc thầy nổi tiếng. Phú-lan Ca-diếp dẫn các đệ tử đến trước, theo bậc thềm lên tòa cao. Khi ấy, quý thần vương Bà-sur thấy Phú-lan Ca-diếp không thật lòng, chỉ với tâm ganh tỵ, bèn nổi gió thổi vào tòa cao, làm tọa cụ rơi xuống, tràng phan cuốn bay, cát đá mù mịt, không thấy gì cả. Còn tòa của đức Thế Tôn vẫn lặng yên không hề gì. Đức Phật điềm nhiên dẫn chúng tuân tự đi đến. Vừa định lên tòa cao thì hốt nhiên đã lên đến nơi, chúng tăng cũng im lặng ngồi theo thứ tự.

Thấy vậy, vua và quần thần càng thêm kính ngưỡng, đành lễ thưa:

- Bạch đức Thế Tôn! Cúi xin Ngài hãy hiện thần thông khuất phục kẻ tà kiến kia, để dân trong nước tin kính chánh đạo.

Thế là đức Phật liền biến mất khỏi tòa, xuất hiện trên hư không, phóng ánh sáng lớn, ấn phương đông hiện phương tây, bốn phương cũng đều như vậy; nửa thân trên phun nước, nửa thân dưới phun lửa, rồi ngược lại; nằm ngồi giữa không trung. Thế Tôn hiện mười hai phép biến hóa rồi biến mất, trở lại ngồi trên tòa. Lúc ấy, trời, rồng, quý thần rải hoa cúng dường, tiếng khen ngợi chấn động cả đất trời.

Biết mình không có đạo hạnh, Phú-lan Ca-diếp cảm thấy hổ thẹn, cúi đầu không dám nhìn ai.

Khi ấy, lực sĩ Kim Cang giáng chày kim cang phát ra lửa để nhắc nhở Phú-lan Ca-diếp sao không hiện thân thông. Phú-lan Ca-diếp hoảng sợ bỏ tòa chạy trốn. Năm trăm đệ tử cũng chạy tứ tán. Đức Thế Tôn vẫn an nhiên bình thản trở về tịnh xá Kỳ Thọ Cấp Cô Độc. Vua, đại thần và dân chúng đều vui mừng từ giả ra về.

Phú-lan Ca-diếp và các đệ tử mang nỗi nhục ra về. Trên đường, họ bị ưu-bà-di Ma-ni mắng cho một trận:

- Các ông là bọn ngu si, không tự xét lại mình, dám tỷ thí đạo hạnh với đức Phật. Thật là một bọn giả dối, không biết hổ thẹn, còn mặt mũi đâu mà sống trên đời nữa!

Vì thẹn với các đệ tử nên khi đến bên bờ sông, Phú-lan Ca-diếp gạt họ:

- Hôm nay ta nhảy xuống sông này, chắc chắn được sanh lên cõi Phạm thiên. Nếu không trở lại thì biết ta đang hưởng hạnh phúc ở nơi đó.

Nói xong, ông ta gieo mình xuống sông. Các đệ tử đợi mãi không thấy thầy lên, nên bàn với nhau:

- Thầy chắc chắn đã sanh lên trời rồi, chúng ta ở đây làm gì nữa!

Thế là họ lần lượt nhảy xuống sông để mong được theo thầy. Nào ai biết được, do tội nghiệp dẫn dắt, thầy trò họ đều rơi vào địa ngục.

Hôm sau, nhà vua nghe được tin này vô cùng kinh ngạc, liền đến đến lễ đức Phật và thưa:

- Bạch đức Thế Tôn! Thầy trò Phú-lan Ca-diếp si mê, do nhân duyên gì mà như vậy?

Đức Phật dạy:

- Thầy trò Phú-lan Ca-diếp mang hai tội nặng: một là, tham sân si còn đầy dẫy mà tự xưng là đắc đạo; hai là, phi báng Như Lai để mong được cung kính. Do hai tội này nên họ bị đọa vào địa ngục. Do tội nghiệp thúc đẩy khiến họ nhảy xuống sông. Sau khi chết, thần thức chịu khổ vô cùng. Vì vậy, người trí thường làm chủ tâm mình, trong không khởi ác, ngoài không tạo tội. Như thành ngoài biên ải sát bên kẻ thù, nếu canh giữ chắc chắn thì không lo sợ, giúp dân

trong thành sống an ổn, giặc bên ngoài không vào. Người trí giữ mình cũng như thế.

Đức Thế Tôn nói bài kệ:

*Dối chúng thánh, cầu lợi
Hành động đã bất chánh
Oán ghét người lương thiện
Gạt gẫm cả đế vương.
Tội dẫn người ấy đến
Tự lao xuống hầm sâu
Như giữ thành biên ải
Kiên cố trong lũy ngoài.
Giữ tâm mình kiên định
Phi pháp chẳng thể sanh
Giới hạnh kém, lo buồn
Sau đọa vào địa ngục.*

Nói bài kệ xong, đức Phật lại dạy:

- Thuở quá khứ có hai con khi chúa cai quản hai đàn khi. Mỗi đàn có năm trăm con. Một con khi chúa vì ganh ghét muốn giết khi chúa kia để mưu đồ độc tôn cai trị, nên nó đến bên kia gây sự. Nhưng đánh nhau nhiều lần mà vẫn không thắng nổi, nó hồ thẹn bỏ đi. Khi đến eo biển nọ, có khối bọt nước bị gió thổi tụ thành đồng cao mấy trăm trượng, khi chúa ngu si cho là núi tuyết, mới nói với đàn của nó: “*Từ lâu ta nghe nói trong biển có núi tuyết. Trong đó rất sung sướng, quả ngọt trái ngon ăn thoải mái, hôm nay mới được gặp. Vậy để ta đến đó xem trước, nếu thấy sung sướng thì ta ở đó luôn, còn không ta sẽ trở lại báo với các ngươi*”.

Nói xong, nó leo lên một cây cao, dùng hết sức lực nhảy vào đồng bọt nước. Không ngờ rơi luôn xuống biển chết chìm. Những con còn lại không thấy khi chúa quay về, tưởng ở đó chắc sung sướng lắm, nên lần lượt nhảy xuống. Kết quả tất cả đều chết.

Kể xong, đức Phật bảo nhà vua:

- Con khi chúa có tâm ganh ghét và đàn của nó thuở ấy nay chính là Phú-lan

Ca-diếp và năm trăm đệ tử. Con khi chúa còn lại chính là ta. Đời trước, Phú-lan Ca-diếp đã có lòng ganh ghét, bị tội nghiệp dẫn dắt nhảy vào đồng bọt nước chết đuối. Ngày nay ông ấy phi báng Như Lai, tất cả đều nhảy xuống sông chết chìm. Tội nghiệp dẫn dắt, trải qua nhiều kiếp mà vẫn không hết.

Nhà vua nghe xong tin hiểu, đành lễ đức Phật ra về.

2. THOẠI CHỈ ĐƯỜNG TU

Thuở xưa, có bảy vị ti-kheo vào núi học đạo. Suốt mười hai năm mà vẫn chưa đắc đạo. Một hôm họ bàn luận với nhau: *“Học đạo thật khó, phải hủy hình hài giữ khí tiết, đối diện gian khổ, trọn đời khát thực, chịu biết bao nhục nhã. Vậy mà, rốt cuộc vẫn chưa đạt đạo, tội chướng khó dứt trừ, uổng công lao nhọc, phí phạm tuổi xuân ở chốn núi rừng. Chi bằng chúng ta trở về nhà xây dựng gia đình, lấy vợ nuôi con, tạo dựng sự nghiệp giàu có để an hưởng sung sướng, đâu cần phải biết ngày sau”*.

Nghĩ xong, bảy vị liền rời núi rừng. Từ xa, đức Phật biết họ có thể hóa độ. Nếu không nhẫn được điều khổ nhỏ, thì họ sẽ bịọa vào địa ngục rất đáng thương. Đức Phật liền hóa làm một vị sa-môn đến hang núi. Gặp bảy vị ti-kheo, Ngài hỏi:

- Các vị ở đây học đạo đã lâu, sao nay lại bỏ đi?

Họ đáp:

- Học đạo vất vả mà tội chướng vẫn chưa trừ được, khát thực chịu nhục vô vàn. Hơn nữa, chúng tôi ở trong núi không có ai cúng dường, giam mình nhiều năm để gìn giữ đạo tâm, uổng công cực khổ mà đạo vẫn chưa thành. Do vậy, chúng tôi muốn trở về xây dựng gia nghiệp, gắng làm ra của cải, về già rồi tu tập.

Sa-môn liền nói:

- Quý vị hãy đợi một lát nghe tôi nói điều này:

Đời người vô thường, sớm còn tối mất. Việc học đạo tuy rất khó, nhưng trước chịu khổ tu tập thì sau sẽ được an vui, còn đời sống gia đình vất vả gian nan, muôn kiếp khó dứt. Muốn sống cùng vợ con mà mong sung sướng mãi

mãi, không có hoạn nạn thì khác nào uống thuốc độc để trị bệnh, bệnh chỉ tăng thêm mà thôi. Sống trong ba cõi, hễ có thân thì phải chịu đau khổ. Chỉ có tin vào thánh giới, tâm không buông lung, siêng năng tu tập đắc đạo thì sẽ chấm dứt mọi khổ đau.

Nói thế rồi, hóa sa-môn liền hiện thân Phật, hào quang rực rỡ và nói bài kệ:

*Tu khó, trừ tội khó
 Ở nhà càng khó hơn
 Sống chung, lợi lạc khó
 Khổ nào hơn ba cõi.
 Ti-kheo khát thực khó
 Sao không cố gắng lên
 Tinh tấn được tự nhiên
 Không mong cầu nơi người.
 Có tín thì giới thành
 Từ giới đạt của báu
 Từ giới hòa hợp sanh
 Nơi nơi được cúng dường.
 Đi đứng hay nằm ngồi
 Luôn luôn được buông lung
 Giữ tâm luôn chánh niệm
 An lạc sống trong rừng.*

Nhìn thấy hào quang của đức Phật, lại được nghe bài kệ, bảy vị ti-kheo cảm thấy hổ thẹn, run sợ, năm vóc phủ phục xuống đất đánh lễ đức Phật, thành tâm sám hối. Sau đó, họ từ giả đức Phật, trở về núi rừng cũ, dốc lòng tinh tấn, tư duy ý nghĩa bài kệ Phật dạy, giữ chánh niệm, sống an nhàn tĩnh lặng, không bao lâu đều đắc quả A-la-hán.

Phẩm 32

ĐỰ VỀ VOI

1. CHIẾC CHẬU RỬA CHÂN

Thuở xưa, khi chưa đắc đạo, tâm tánh La-vân⁷⁹ còn mãi mê ham chơi, lời nói thiếu chân thật. Một hôm đức Phật gọi La-vân đến và bảo:

- Con hãy đến tinh xá Hiền-đề ở một thời gian, sửa đổi tâm tánh và lời nói của mình, siêng năng tu tập giới luật.

La-vân vâng lời, đánh lễ đức Phật ra đi.

Suốt chín mươi ngày, La-vân hổ thẹn tự trách, ngày đêm miệt mài tu tập. Đức Phật đến thăm, La-vân vui mừng đánh lễ, thiết trí giường dây, trải tọa cụ thỉnh đức Phật nghỉ ngơi. Ngồi trên giường dây, đức Phật bảo:

- La-vân, con hãy lấy chậu múc nước rửa chân cho Như Lai.

La-vân vâng lời lấy nước rửa chân cho đức Phật. Rửa xong, đức Phật hỏi La-vân:

79. **La-vân** 羅雲 (Cg: 羅睺羅, S: Rāhula): một trong mười đại đệ tử của đức Phật, cũng chính là con của thái tử Tất-đạt-đa.

- La-vân, con có thấy nước rửa chân trong chậu không?

- Bạch đức Thế Tôn! Con thấy.

- Con nghĩ xem, nước này có thể uống, hay súc miệng được không?

- Bạch đức Thế Tôn! Nước này không thể uống được. Vì nước này vốn trong sạch, nhưng giờ rửa chân đã dơ nên không thể dùng được.

- La-vân, con cũng như vậy. Tuy con là con của Như Lai, là cháu nội của quốc vương, từ bỏ danh lợi thế gian xuất gia làm sa-môn, nhưng lại không siêng năng sửa đổi tâm tánh và lời nói, trong lòng đầy ấp tham sân si và những điều xấu xa, thì cũng như chậu nước này không thể dùng được nữa.

Đức Phật lại bảo La-vân đổ chậu nước đi, rồi hỏi:

- La-vân, nước rửa chân đã đổ rồi, vậy chiếc chậu này có thể đựng thức ăn được không?

- Bạch đức Thế Tôn! Không được. Vì nó đã được dùng rửa chân thì không còn sạch nữa.

- La-vân, con cũng vậy. Tuy con đã làm sa-môn nhưng lời nói không thành thật, tâm tánh ngang ngược, không siêng năng, mang đủ tiếng xấu, như chiếc chậu rửa chân không thể đựng đồ ăn được nữa.

Khi ấy, đức Phật đưa ngón chân hất chiếc chậu làm nó lăn ra xa, rồi hỏi:

- La-vân, con có thấy tiếc chiếc chậu rửa chân này và sợ nó bị bể không?

- Bạch đức Thế Tôn! Nó là vật rửa chân không mấy giá trị, chỉ hơi tiếc thôi.

- La-vân, con cũng vậy. Tuy con đã xuất gia làm sa-môn, nhưng không sửa đổi hành động của thân và lời nói, thường thốt ra những lời thô lỗ khó nghe, làm tổn thương người khác, khiến cho đại chúng không yêu mến, người trí không tiếc thương. Khi chết thân thức luân chuyển trong ba đường, tự sanh tự diệt, khổ đau vô cùng. Chư Phật, hiền thánh không thương tiếc, cũng như con nói không tiếc chiếc chậu rửa chân!

Nghe những lời dạy tha thiết của đức Phật, La-vân vừa hổ thẹn vừa sợ hãi.

Đức Phật lại bảo:

- La-vân, con hãy nghe Như Lai kể câu chuyện này.

Thuở xưa, vị quốc vương nọ có một con voi lớn dũng mãnh thiện chiến, có thể đánh bại năm trăm con voi nhỏ. Bấy giờ, vị vua kia xuất quân chinh phạt nước đối nghịch, nên trang bị giáp sắt cho voi, trên lưng có tượng sĩ cưỡi, hai ngọn giáo buộc trên hai ngà, hai thanh kiếm buộc vào hai lỗ tai, bốn lưỡi dao cong buộc dưới bốn chân, và một cây mác sắt buộc vào đuôi của nó. Tổng cộng gồm chín loại binh khí đều sắc bén. Khi ra trận, voi giấu kín vòi không dùng đánh giặc, quân tượng rất vui mừng vì voi biết bảo vệ bản thân. Vì vòi voi là phần thịt mềm, bị tên bắn trúng sẽ chết ngay, cho nên nó không dùng để chiến đấu. Nhưng voi ra trận chiến đấu một hồi lâu lại đưa vòi ra đòi kiếm, người quân tượng không vui. Vì nghĩ con voi hùng mạnh này không tiếc thân mạng, đưa vòi ra đòi gấn kiếm để chiến đấu, vua và quân thần yêu tiếc nó, nên không cho chiến đấu nữa.

Này La-vân, người phạm chín điều ác, cũng nên giữ gìn lời ăn tiếng nói như con voi kia giữ gìn chiếc vòi không chiến đấu. Voi giữ vòi vì sợ trúng tên chết, con người giữ gìn sửa đổi lời nói vì sợ đau khổ trong ba đường địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh. Người không cẩn thận trong lời nói sẽ phạm mười điều ác, như con voi kia sẽ phơi thân ngoài chiến trận vì đưa vòi ra chiến đấu, không nghĩ đến chuyện bị trúng tên. Con người cũng vậy, phạm hết mười điều ác đâu nghĩ đến khổ đau thống thiết trong ba đường. Nếu thực hành mười điều thiện, tu sửa thân, miệng, ý, không phạm bất cứ điều ác nào, thì sẽ mau đắc đạo, xa hẳn ba đường ác, thoát khỏi khổ sanh tử.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền nói bài kệ:

*Ta như voi thiện chiến
Không sợ trúng tên độc
Bằng niềm tin chí thành
Hóa độ người phá giới.
Như voi đã điều phục
Thật xứng cho vua cưỡi
Người điều phục cao quý
Nhờ lòng tin chí thành.*

Nghe những lời chỉ dạy đầy yêu thương của đức Phật, La-vân vô cùng cảm động, tự dặn lòng khắc cốt ghi tâm. Từ đó, La-vân siêng năng tu tập, tâm ý nhu hòa, kham nhẫn như đất, vọng tưởng vắng lặng, chứng quả A-la-hán.

2. ĐIỀU PHỤC CHÍNH MÌNH

Thuở xưa, đức Phật ở tại tinh xá Kỳ Thọ, thuộc nước Xá-vệ, thuyết pháp cho bốn chúng đệ tử và trời, rồng, quỷ thần, vua chúa, quan dân. Một hôm, trưởng giả cư sĩ Ha-đề-đàm đến tinh xá dâng lễ đức Phật, rồi quỳ xuống một bên, chấp tay thưa:

- Bạch đức Thế Tôn! Từ lâu con nhờ hồng ân giáo hóa của Ngài, mong được chiêm ngưỡng tôn dung, nhưng vì công việc bận rộn không cho phép, cúi xin đức Thế Tôn từ bi lượng thứ.

Đức Phật bảo ông ta ngồi xuống và hỏi:

- Trưởng giả từ đâu đến, tên là gì?

- Bạch Thế Tôn! Con là hàng cư sĩ, tên Ha-đề-đàm, là người huấn luyện voi cho tiền vương.

- Nay cư sĩ! Huấn luyện voi có bao nhiêu cách?

- Bạch Thế Tôn, thường có ba cách điều phục voi lớn: 1. Dùng móc sắt cứng móc vào miệng, rồi buộc dây dầm vào; 2. Cho ăn ít để nó thường gầy đói; 3. Dùng gậy đánh thật đau. Dùng ba cách này thì có thể điều phục được voi.

- Tại sao ba cách trên có thể điều phục được voi?

- Bạch Thế Tôn! Móc sắt móc vào miệng để chế ngự sự ngang bướng của nó, cho ăn uống ít để điều chỉnh thân thể thô kệch, đánh đập để chế phục tâm. Nhờ vậy mà điều phục được voi.

- Điều phục voi để làm gì?

- Bạch Thế Tôn! Điều phục như vậy để vua cười được vừa ý, cũng có thể ra trận chiến đấu, tùy ý tiến lùi một cách tự do.

- Ngoài cách này ra còn có cách điều phục nào khác không?

- Dạ, cách điều phục voi chỉ có vậy thôi.

- Ông biết điều phục voi, sao không tự điều phục chính mình?

- Bạch Thế Tôn! Con không hiểu ý nghĩa tự điều phục chính mình như thế nào, xin Ngài giảng giải rõ ràng cho con được hiểu.

- Nay cư sĩ! Ta cũng có ba cách có thể điều phục được tất cả mọi người và cũng dùng điều phục bản thân, đạt đến niết-bàn: 1. Dùng chí thành điều phục khẩu nghiệp; 2. Dùng từ bi điều phục tâm ngang bướng; 3. Dùng trí tuệ diệt trừ ngu si. Thực hành ba điều này sẽ vượt thoát tất cả, xa lìa ba đường ác, tự đến niết-bàn, không còn luân hồi sanh tử, lo buồn đau khổ.

Bấy giờ, đức Thế Tôn nói bài kệ:

*Như voi tên Hộ Tài
Hung dữ khó điều phục
Khớp miệng không cho ăn
Vẫn hung hăng nết cũ.
Tâm ý vốn thuần thực
Thường sống trong an ổn
Hàng phục hết kết sử
Như móc điều phục voi.
Vui đạo không phóng dật
Thường phòng hộ tự tâm
Thân mới mong hết khổ
Như voi thoát đầm lầy.
Tuy thường hay điều phục
Như voi mới cuối kia
Cũng thành voi giỏi nhất
Không bằng điều phục mình.
Người kia không thể đạt
Tất cả chẳng đến được
Chỉ người điều phục mình
Mới đến chỗ an vui.*

Nghe xong bài kệ, cư sĩ vô cùng hoan hỷ, tâm tình giải tỏa, đạt được pháp nhãn. Vô số người nghe pháp đều hiểu được đạo.

Phẩm 33

ÁI DỤC

1. BÊN ĐẠO BÊN ĐỜI

Thuở xưa, đức Phật trú tại tinh xá trong núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành La-duyet-kỳ, giảng chánh pháp cho hàng trời, người, rồng và quỷ thần.

Một hôm, có người từ bỏ gia đình vợ con đến tinh xá đánh lễ đức Phật xin làm sa-môn. Đức Phật nhận lời. Sau khi xuất gia, Ngài dạy tân ti-kheo này ngồi bên gốc cây tư duy về đạo. Vâng lời chỉ dạy, thầy ti-kheo này vào trong núi sâu, cách tinh xá hơn trăm dặm, ngồi bên một gốc cây tu tập thiền định suốt ba năm. Song, tâm của thầy vẫn chưa an định, nên khởi lên tư tưởng muốn trở về nhà. Thầy nghĩ rằng: “*Từ bỏ gia đình cầu đạo chịu biết bao khổ cực, chi bằng trở về nhà sống với vợ con*”. Thế là thầy liền xuống núi.

Đức Phật quán sát, thấy vị ti-kheo này đáng lý sẽ đắc đạo, nhưng do ngu si nên muốn về lại gia đình. Ngài liền hóa thành một vị sa-môn đi ngược chiều với ti-kheo, giữa đường gặp nhau, Ngài giả vờ hỏi:

- Thầy từ đâu đến? Chỗ này đất cũng bằng phẳng, chúng ta có thể cùng nghỉ ngơi trò chuyện.

Thế là hai người cùng nghỉ ngơi, chuyện trò. Vị ti-kheo tâm sự:

- Tôi từ bỏ nhà cửa, vợ con xuất gia tu học trong núi sâu này, nhưng vẫn chưa đắc đạo. Xa cách vợ con mà không đạt chí nguyện, chôn vùi cuộc đời, chịu bao khổ cực, rốt cuộc không có ích lợi gì. Giờ tôi hối hận muốn trở về với vợ con, sống hạnh phúc bên nhau rồi sau này sẽ tính.

Đang nói chuyện, bỗng nhiên họ thấy một con khi bò rừng núi, sống nơi vùng đất trống, không một bóng cây.

Hóa sa-môn liền hỏi ti-kheo:

- Vì sao con khi này chọn cuộc sống giữa đồng bằng, nó thích gì giữa chốn không có một bóng cây này?

Ti-kheo đáp:

- Đã từ lâu tôi để ý thấy con khi này vì hai lý do mà phải sống ở đây. Một là vì vợ con bày đàn đông đúc, không được ăn uống tự do thoải mái. Hai là ngày đêm nó phải leo lên tụt xuống trên cây, không được nghỉ ngơi, gót chân thường bị thương rất khó chịu. Do hai việc này nên nó từ bỏ rừng cây, ra sống vùng đất trống này.

Hai người đang nói chuyện, bỗng nhiên con khi quay lưng bỏ chạy leo lên cây.

Hóa nhân hỏi:

- Thầy có thấy con khi này trở lại rừng cây không?

- Dạ thầy! Con khi này ngu si, bị bày đàn quấy nhiễu nên đã rời bỏ rừng cây. Vậy mà nó không biết chán, còn trở lại đó nữa.

Hóa nhân nói:

- Thầy cũng vậy thôi, có khác gì nó đâu. Vì hai lý do mà thầy vào núi tu học. Một là thấy vợ con nhà cửa như tù ngục. Hai là thấy bà con thân thuộc là sự trói buộc. Chính hai lý do ấy mà thầy đi cầu đạo, để mong chấm dứt khổ sanh tử. Vậy mà nay thầy lại muốn về nhà chịu gông cùm ràng buộc, vào ngục tù quyền uyền ân ái.

Khi ấy, hóa nhân liền hiện lại thân Phật, tướng hảo cao lớn, sắc vàng rực rỡ chiếu khắp kinh động cả núi rừng. Các loài chim bay, thú chạy theo hướng ánh sáng đi đến. Tất cả đều biết được túc mạng của mình, nên sanh tâm hối lỗi.

Khi ấy, đức Phật nói bài kệ:

*Như cây, rễ sâu chắc
Dù chặt vẫn đâm chồi
Tâm ái chưa dứt tuyệt
Sẽ còn chịu khổ đau.
Như khi xa rừng cây
Rồi quay lại chốn ấy
Người ngu cũng vậy thôi
Ra ngục rồi trở lại.
Tâm tham tuôn chảy mãi
Đầy tập nhiễm kiêu căng
Luôn nghĩ đến tình dục
Che lấp mình không thấy.
Mọi vọng tưởng trào dâng
Dây ái bò lan tràn
Trí tuệ mới thấy rõ
Dứt sạch tự nguồn tâm.
Do ái dục tưới tắm
Ý tưởng càng nảy sanh
Ái dục sâu không đáy
Sanh tử mãi vẫn xoay.*

Thấy thân tướng rực rỡ của đức Phật, lại nghe bài kệ, vị ti-kheo hoảng sợ, nơm nớp phù phục sát đất, sám hối lỗi lầm, trong tâm tự trách, liền quán chiếu hơi thở, chứng quả A-la-hán ngay trước đức Phật. Các vị trời đến nghe đều rất vui mừng, rải hoa cúng dường và hết lời ca ngợi.

2. ĐỘ NGƯỜI TRÊN GIÀN HÒA

Thuở xưa, cách thành La-duyet-kỳ về phía nam khoảng bốn ngàn dặm, có một nước nhỏ phụng thờ mấy nghìn vị bà-la-môn. Lúc ấy, đất nước nhỏ bé này

gặp một trận đại hạn suốt ba năm không có một giọt mưa. Nhà vua đã khẩn cầu các vị thần nhưng không có kết quả gì, nên đến hỏi các vị bà-la-môn về nguyên nhân thiên tai này.

Họ trả lời vua rất tự tin:

- Xin đại vương yên tâm, chúng tôi sẽ trì trai giới thanh tịnh, rồi cử người đến gặp Phạm thiên hỏi nguyên nhân.

Vua vui mừng bảo:

- Thế thì tốt lắm! Các vị trì trai giữ giới có cần gì, xin hãy cho ta biết.

- Thưa đại vương, chúng tôi cần hai mươi xe củi, tô, mật, dầu, mỡ, hương, hoa, phan, lọng, vàng, bạc, vật cúng tế và những đồ cần dùng khác.

Thế là nhà vua liền cung cấp đầy đủ mọi thứ cho họ. Các bà-la-môn ra ngoài thành, chọn chỗ đất trống cách kinh thành khoảng bảy dặm, chất củi cao như núi. Sau đó, họ thay nhau khen ngợi người nào không tiếc thân mạng hiến thân để tế thần, thì sau khi chết sẽ được sanh lên Phạm thiên. Nhờ vậy họ tuyển được bảy người. Bảy người này sẽ được hỏa thiêu để sai đi gặp Phạm thiên. Sau khi các bà-la-môn chú nguyện xong, bảy người này được nhanh chóng đưa lên giàn hỏa. Bên dưới bắt đầu châm lửa để hỏa thiêu họ. Khi ngọn lửa bùng cháy, hơi nóng bốc thẳng lên phía trên, bảy người này hoảng sợ cầu cứu, nhưng không có ai ra tay cứu họ cả. Họ gào thét: *“Trong Tam giới này nếu có bậc đại bi nào thương xót cứu chúng tôi thoát nạn, chúng tôi xin quy y vị đó”*.

Từ xa biết được việc này, đức Phật theo hướng tiếng kêu đến cứu họ. Đến nơi, đức Phật ở trên hư không hiện tướng hào rực rỡ. Bảy nạn nhân nhìn thấy đức Phật thì vừa buồn tủi, vừa vui mừng khôn xiết, chấp tay thưa: *“Chúng con nguyện quy y Ngài, xin hãy cứu chúng con thoát khỏi tai nạn này”*.

Đức Phật liền nói kệ:

*Quy y nhiều thần thánh
Thần núi sông, cây cối
Xây dựng nhiều tháp tượng
Mong cầu được phước đức.
Cách quy y như vậy*

Chẳng tốt cũng chẳng hay
 Họ không thể đến đây
 Cứu các người thoát khổ.
 Nếu ai biết quy y
 Phật, pháp và chúng tăng
 Tu tập pháp tứ đế
 Ất có được chánh huệ.
 Sanh từ khổ cùng cực
 Nương tứ đế thoát ra
 Vượt tám nạn thế gian
 Mới chấm dứt khổ đau.
 Tự quy y Tam bảo
 Nơi tốt lành tối thượng
 Là con đường duy nhất
 Vượt thoát mọi khổ đau.

Đức Phật nói bài kệ xong lửa liền tắt. Bảy người được bình an, vui mừng khôn xiết.

Các bà-la-môn và dân chúng đều kinh ngạc và vô cùng kính ngưỡng. Khi ấy, từ thân tướng trang nghiêm sáng ngời, đức Thế Tôn bèn hiển thị thần thông, phân thân biến hóa, ẩn phía đông hiện phía tây một cách tự tại; trên thân phun ra nước lửa, phát ra ánh sáng năm màu rực rỡ. Mọi người chứng kiến, năm vóc đều gieo sát đất đánh lễ. Bảy nạn nhân leo xuống khỏi đồng cũi, buồn vui lẫn lộn và nói kệ:

Được gặp thánh nhân vui
 Được nương tựa là vui
 Được rời xa người ngu
 Một mình sống an vui.
 Giữ chánh kiến là vui
 Cùng thuyết pháp là vui
 Không tranh với cuộc đời
 Giữ trọn giới là vui.
 Sống với bậc hiền vui

*Như được gần người thân
Sống gần bậc hiền trí
Hiểu biết thật cao thâm.*

Nói kệ xong, bảy người này cùng với các vị bà-la-môn đều xin được làm đệ tử Phật. Đức Phật liền nhận lời cho họ làm sa-môn. Họ tu tập đều đắc quả A-la-hán. Quốc vương, đại thần đều phát tâm tu tập. Từ đó, mưa hòa gió thuận, đất nước giàu có nhân dân an lạc. Chánh pháp ngày càng hưng thịnh, ai cũng thích nghe.

QUYỂN 4

Phẩm 34

ÁI DỤC

1. TRƯỞNG GIÀ KEO KIỆT

Thuở xưa, đức Phật ở tại nước Xá-vệ thuyết pháp cho hàng trời người.

Khi ấy, trong thành có một trưởng già bà-la-môn giàu có tột bậc, nhưng lại rất bòn xén tham lam, không thích bố thí, khi ăn thường đóng cửa không thích khách đến. Vì vậy, mỗi lần ăn cơm, ông liền bảo người giữ cửa đóng chặt cửa lại, không để người khác bữa bãi đi vào. Kẻ ăn xin, sa-môn, phạm chí đều không được gặp mặt ông.

Một hôm, trưởng già thích ăn ngon, bèn bảo vợ làm một bữa thịnh soạn. Bà vợ cho người giết một con gà béo, ướp gừng, tiêu và gia vị rồi đem quay vàng. Khi các món thức ăn và bánh trái đã được dọn đầy đủ lên bàn, trưởng già bảo người đóng cửa lại. Hai vợ chồng và đứa con nhỏ quây quần ăn uống bên nhau. Cha mẹ thay nhau xé thịt gà đút cho con ăn.

Cứ như vậy trong thời gian dài mà ông trưởng già kia không hề thay đổi tâm tánh của mình. Đức Phật biết ông có phước đời trước, có thể hóa độ được, nên Ngài hóa làm một vị sa-môn hiện ra ngồi cạnh bàn ăn của họ, chúc phúc rồi nói:

- Trưởng giả, xin bố thí cho tôi chút ít, ông sẽ được phước báo lớn.

Trưởng giả ngẩng đầu lên thấy sa-môn liền mắng:

- Ông là đạo sĩ mà không biết hổ thẹn, nhà người ta đang ăn uống, tại sao đường đột xông vào?

- Ông mới là ngu si không biết hổ thẹn. Tôi là người ăn xin có gì phải hổ thẹn?

- Tôi và vợ con ăn uống vui vẻ bên nhau có gì mà hổ thẹn?

- Ông giết cha, lấy mẹ làm vợ, nuôi dưỡng oan gia mà không biết hổ thẹn, ngược lại cho rằng tôi ăn xin là hổ thẹn sao?

Khi ấy, hóa sa-môn nói bài kệ:

*Cành nhánh sanh bất tận
Chỉ tham dục uống ăn
Nuôi oán, thêm mỡ mà
Kẻ ngu thường bận rộn.
Địa ngục có gông cùm
Người trí không bị nhốt
Kẻ ngu mê vợ con
Bị ngục ái nhốt chặt.
Người trí nói ngục ái
Kiên cố khó thoát ra
Nên đoạn lìa ái dục
Tránh tham dục được an.*

Nghe xong bài kệ, trưởng giả ngạc nhiên hỏi:

- Vì sao đạo nhân nói những lời như vậy?

Sa-môn đáp:

- Con gà trên bàn ăn kia là cha đời trước của ông. Vì cha ông đời trước tham lam keo kiệt nên sau khi chết thường làm thân gà và bị ông ăn thịt. Còn đứa bé này thuở xưa là la-sát, ông là một người khách buôn đi thuyền ra biển, gặp dòng nước cuốn trôi dạt vào nước la-sát, bị chúng ăn thịt. Trải qua năm trăm đời đều như vậy, sau khi hết thọ thân la-sát thì sanh làm con của ông. Vì tội của ông

chưa hết nên nó đến để hại ông. Vợ ông hôm nay chính là mẹ ông đời trước, do tình thương yêu sâu nặng nên nay trở lại làm vợ ông. Ông ngu si không biết nhân duyên đời trước, giết cha mình để nuôi dưỡng oan gia, lấy mẹ làm vợ, năm đường sanh tử luân chuyển mãi không cùng, quanh quẩn trong đó mấy ai biết được. Chỉ có bậc chân nhân đắc đạo mới biết được người chết ở nơi này, sanh ở nơi kia. Còn kẻ ngu không biết, thế không hổ thẹn sao?

Nghe vậy, trưởng giả giật mình hoảng hốt, sợ hãi vô cùng. Đức Phật dùng thần thông khiến cho ông thấy được chuyện đời trước. Trưởng giả liền sám hối lỗi lầm, tri ân đức Phật rồi xin thọ năm giới. Sau khi, nghe đức Phật thuyết pháp, ông chứng quả Tu-đà-hoàn.

2. TÌ-KHEO VƯƠNG LUY

Thuở xưa, đức Phật thuyết pháp tại tinh xá Kỳ-hoàn trong nước Xá-vệ. Khi ấy, có một vị tì-kheo trẻ tuổi vào thành khát thực, trên đường đi, tình cờ gặp một thiếu nữ vô cùng xinh đẹp, khiến tâm thầy rung động. Từ đó, vị tì-kheo nhớ mãi hình bóng thiếu nữ ấy, không sao quên được, đến nỗi lâm bệnh không ăn uống gì cả, thân thể tiêu tụy, nằm liệt trên giường. Các bạn đồng tu đến thăm hỏi nguyên nhân bệnh tình. Tì-kheo trẻ tuổi tâm sự nỗi lòng và nói muốn hoàn tục trở về kết hôn với cô gái ấy, song không được như ý nguyện, nên sầu khổ lâu ngày thành bệnh. Các bạn đồng tu hết lời khuyên can, nhưng không có tác dụng gì. Họ đành dìu vị ấy đến gặp đức Phật, kể hết mọi chuyện. Nghe xong, đức Phật bảo tì-kheo trẻ tuổi:

- Ước nguyện của thầy dễ thành thôi, đáng gì phải đau khổ như vậy! Như Lai sẽ tìm cách giúp thầy mãn nguyện, hãy lấy lại tinh thần, ăn uống vào cho có sức khỏe!

Nghe vậy, tì-kheo trẻ tuổi rất vui mừng, mọi u uất ở trong lòng được giải tỏa. Khi ấy, đức Phật dẫn tì-kheo này và đại chúng vào thành Xá-vệ, tìm đến nhà cô gái kiều diễm kia. Đến nơi mới hay cô gái đã chết ba ngày rồi, gia đình thương xót quá không nỡ chôn cất vội. Thân thể cô gái sinh tương, nước dơ chảy lan tràn. Đức Phật bảo tì-kheo:

- Người con gái kiều diễm mà thầy mê đắm, nay trở thành như vậy đó. Vạn

vật đều vô thường, biến hoại trong từng hơi thở. Người ngu chỉ nhìn bên ngoài mà không thấy được chỗ dơ xấu bên trong, mãi bị vây bủa trong lưới tội lỗi mà cho là hạnh phúc.

Khi ấy, đức Thế Tôn liền nói bài kệ:

*Thấy sắc, tâm mê mờ
 Chẳng xét lẽ vô thường
 Kẻ ngu cho tốt đẹp
 Đâu biết không chân thật.
 Trói mình trong dục lạc
 Khác chi tầm làm kén
 Bạc trí đoạn sạch rồi
 Không lưu luyến các khổ.
 Người tâm ý buông lung
 Cho tình dục là sạch
 Ân ái càng tăng thêm
 Là đường vào địa ngục.
 Tỉnh giác trừ tình dục
 Thường nghĩ dục bất tịnh
 Nhờ đó thoát khỏi ngục
 Dứt trừ khổ tử sinh.*

Vị ti-kheo trẻ tuổi nhìn thấy người đẹp đã chết ba ngày, thân thể thối rữa, mùi hôi bốc lên không thể đến gần; lại nghe bài kệ đức Thế Tôn dạy, tự nhiên tỉnh ngộ, biết lỗi lầm của mình, liền đánh lễ sám hối, cùng đức Phật và đại chúng trở về tinh xá. Từ đó, thầy tỉnh tấn tu tập quên mình, đắc quả A-la-hán. Tất cả đại chúng đi theo hôm đó thấy sắc dục dơ uế, càng tin sâu lẽ vô thường, dứt sạch tham ái và cũng chứng đạo quả.

3. TAI HỌA LƯỚI BIẾNG

Thuở xưa, đức Phật ở tại nước Xá-vệ thuyết pháp cho hàng trời, người, rồng và quỷ thần.

Khi ấy, trong nước có một vị trưởng giả rất giàu có, ông có một đứa con trai độ chừng mười hai mười ba tuổi. Không may, hai vợ chồng lần lượt qua đời, đứa bé còn quá nhỏ chưa biết làm ăn và quản lý gia nghiệp, cho nên chỉ trong vòng vài năm đã tán gia bại sản, khiến cậu ấm kia phải đi xin ăn bữa có bữa không.

Cha cậu có một người bạn thân cũng là một trưởng giả rất giàu có. Một hôm, tình cờ gặp cậu bé, ông mới hỏi sự tình. Biết hoàn cảnh, trưởng giả thương xót đem cậu ta về nuôi, rồi gả con gái, cấp cho nô tỳ, xe ngựa cùng vô số tài sản, để xây nhà cửa, tạo dựng sự nghiệp. Nhưng tánh tình cậu ta lười biếng, không chịu tính toán làm ăn, cứ ngồi không ăn xài, chẳng bao lâu lại lâm vào cảnh nghèo đói. Vì thương con gái mình, trưởng giả lại cho của cải làm vốn. Nhưng cậu ta vẫn tánh nào tật nấy, rốt cuộc cũng nghèo khổ như trước.

Qua mấy lần giúp đỡ mà vẫn không thay đổi được gì, trưởng giả nghĩ chắc cậu ta không thể có tiền đồ, nên định dẫn con gái về gả cho người khác. Ông bàn bạc chuyện này với thân tộc. Không ngờ, cô con gái lén nghe được về nói lại với chồng: *“Cả nhà thiếp muốn ép chàng trả thiếp lại cho họ, vì chàng không biết làm ăn. Chàng tính làm thế nào đây?”*.

Nghe vợ nói vậy, anh chồng cảm thấy xấu hổ, thầm nghĩ: *“Kết quả này là do mình bạc phước, sanh ra không có cha mẹ che chở đùm bọc, không học được cách làm ăn sinh sống, nay sắp mất vợ, sẽ đi ăn xin như trước. Tình vợ chồng ân ái sâu nặng, nay phải xa nhau làm sao chịu nổi”*. Suy tính một hồi lâu, cuối cùng anh ta nghĩ ra một cách ngu si tàn nhẫn là dẫn vợ vào phòng giết vợ rồi tự sát. Nô tỳ phát hiện thảm kịch này, kinh hoàng chạy đến báo với trưởng giả. Cả nhà trưởng giả kinh hãi chạy đến, thấy sự việc đã thế, chỉ còn biết an táng chôn cất hai vợ chồng trẻ theo đúng nghi thức truyền thống. Cả nhà trưởng giả đau buồn thương nhớ con gái không nguôi. Lúc đó, bỗng nhiên họ nghe tin có đức Phật xuất hiện ở đời đang thuyết pháp giáo hóa, nếu ai gặp được Ngài thì sẽ vui bớt sầu lo, được an vui. Thế là, trưởng giả dẫn cả nhà tìm đến tinh xá đánh lễ đức Phật, rồi ngồi qua một bên.

Đức Phật hỏi:

- Ông từ đâu đến, có chuyện gì không vui mà sắc mặt đau buồn như thế?

Trưởng giả thưa:

- Nhà tôi kém đức, gả đứa con gái cho một kẻ ngu muội, không biết làm ăn sinh sống. Vì vậy tôi định đem con gái về. Nào ngờ, nó giết vợ rồi tự sát. Tôi lo chôn cất chúng xong, trên đường về, ghé thăm đức Thế Tôn!

Đức Phật dạy:

- Tham dục và sân hận là căn bệnh thường tình ở thế gian, ngu si vô trí là cửa ngõ của tai họa. Do đây con người bị đọa vào năm đường, ba cõi, sanh từ triền miên vô số kiếp, chịu biết bao thống khổ mà không hề biết ăn năn hối cải, huống gì kẻ ngu làm sao biết được. Độc hại tham dục sẽ giết mình, hại thân tộc, hại chúng sanh, đâu chỉ có vợ chồng!

Đức Thế Tôn nói bài kệ:

*Ngu vì tham trời buộc
Không cầu qua bờ giác
Do tham tài ái sắc
Hại mình hại luôn người.
Tâm ái dục như ruộng
Dâm, nộ, si là giống
Ai xả bỏ, giải thoát
Được phước nhiều vô lượng.
Bạn ít, hàng hóa nhiều
Người thương buồn lo sợ
Giặc tham dục hại mạng
Nên người trí chẳng tham.*

Nghe đức Phật nói bài kệ, trưởng giả cảm thấy lòng hân hoan vui mừng, quên mất ưu sầu đau khổ. Ông phá trừ được hai mươi ức tội ác, đắc quả Tu-đà hoàn ngay trước gia tộc và thánh chúng.

4. SẮC ĐẸP CỦA NỮ NHI

Thuở xưa, đức Phật ở trong một tinh xá tại nước Xá-vệ thuyết pháp cho hàng trời, rồng, quỷ thần, vua chúa và quan dân.

Khi ấy, có hai kẻ lãnh du kết bạn với nhau, lúc nào cũng theo nhau như bóng với hình. Một hôm hai người bàn với nhau muốn làm sa-môn. Thế là cả hai liền dẫn nhau đến tinh xá, đánh lễ đức Phật rồi quỳ xuống chấp tay thưa:

- Bạch đức Thế Tôn! Chúng con muốn xuất gia làm sa-môn, xin Ngài chấp nhận cho chúng con.

Đức Phật nhận lời, liền cho hai người làm sa-môn, rồi bố trí cho họ ở chung một phòng. Hai người ở chung, suốt ngày chỉ nhớ nghĩ đến chuyện vui chơi ân ái của thế gian, khen ngợi dục tình nam nữ, bình phẩm đáng diệu mướt mà, tư thái của người nữ, lòng lúc nào cũng nhớ nghĩ tưởng tượng không thể nào dứt bỏ được. Họ không hề nghĩ đến cảnh vô thường, ô uế xấu xa. Do dè nén dục vọng lâu ngày, nên thân thể họ sanh bệnh. Với tuệ nhãn, đức Phật biết tâm ý họ vọng tưởng tán loạn, dễ tâm theo dục tình, không tu tập được. Vì vậy, Ngài bảo một người đi ra ngoài, rồi Ngài hóa làm người ấy đi vào phòng, nói với vị kia:

- Chúng ta cứ ở đây nhớ nghĩ đến chuyện ân ái, chỉ bằng hôm nay đi ngắm dung nhan người đẹp xem thế nào, chứ ở nhà nhớ tưởng suông chỉ nhọc mệt thêm chứ đâu có ích gì.

Thế là hai người cùng đến thôn kỹ nữ. Đức Phật lại hóa ra một kỹ nữ ở trong thôn ấy. Hai người kia đến thôn, tìm đến phòng kỹ nữ kia và nói:

- Chúng tôi là những người tu hành, thọ giới của đức Phật, không phạm những giới về thân thể, chỉ muốn xem thân hình người nữ thôi, nhưng vẫn trả tiền đầy đủ.

Nghe nói vậy, kỹ nữ ấy liền cởi đồ trang sức, y phục, khóa thân đứng trước hai vị ấy. Mùi hôi từ thân người nữ bốc ra không thể đến gần. Hình ảnh mà hai người nhìn thấy chỉ là một khối dơ uế chứ không phải kiều diễm như trong trí tưởng tượng.

Hóa sa-môn nói với vị kia:

- Sắc đẹp của người phụ nữ chẳng qua do son phấn, dầu thơm, tắm gội nước hoa và thoa hương. Họ mặc y phục màu sắc xinh đẹp là để che đậy sự dơ uế của mình, ướp hoa xông hương là để người khác nhìn ngắm. Chứ thật ra nó giống như chiếc túi da chứa đầy phân, có gì đáng ham muốn?

Phẩm 35

LỢI DƯỠNG

1. CÁI NÉT ĐÁNH CHẾT CÁI ĐẸP

Thuở xưa, đức Phật cùng các đệ tử đến tinh xá Mỹ Âm, thuộc nước Cù-dàm-di, thuyết pháp cho hàng trời, người, rồng và quỷ thần.

Vua Ưu-diên cai trị nước này có vị hoàng hậu rất nhân từ, nổi tiếng thanh cao, thuần khiết. Nhà vua rất mực yêu quý, kính trọng đức tánh của bà. Nghe tin đức Phật đến giáo hóa, vua và phu nhân xa giá đến chỗ Ngài. Sau khi đánh lễ đức Phật xong, họ ngồi qua một bên. Đức Phật thuyết cho quốc vương, phu nhân và thế nữ nghe các bài pháp về vô thường, khổ, không, con người sanh ra từ đâu, hội họp rồi phải biệt ly, khổ vì gặp gỡ kẻ oán ghét, có phước đức sẽ sanh lên cõi trời, làm ác bị đọa địa ngục. Vua và phu nhân nghe pháp vui mừng, niềm tin kính Tam bảo càng thêm vững chắc, nên đều thọ năm giới làm Phật tử tịnh tín. Sau đó, họ đánh lễ từ giả đức Phật trở về hoàng cung.

Khi ấy, trong nước có bà-la-môn Kiết Tinh sanh được một người con gái vô cùng xinh đẹp. Năm lên mười sáu tuổi, cô thừa hưởng một nhan sắc thật hoàn hảo. Bà-la-môn treo giải thưởng nghìn lượng vàng trong thời hạn chín mươi

ngày để chiêu mộ những bậc cao minh nào có thể phê bình được một điểm xấu của con gái mình. Thế nhưng không có ai đủ bản lĩnh làm chuyện đó. Thấy con gái đã đến tuổi lấy chồng, bà-la-môn suy nghĩ: *“Không biết nên gả con gái mình cho ai. Nếu có người khôi ngô tuấn tú, xứng đôi thì mới gả. Nghe nói có sa-môn Cù-đàm thuộc dòng họ Thích-ca, nghi dung phi phạm, da màu vàng ròng hiếm có ở đời, ta nên đem con gái đến gả cho ông ấy”*.

Thế là, ông ta liền dẫn con gái đến tinh xá dành lễ Phật, rồi thưa:

- Thưa ngài, con gái tôi rất đáng yêu, trên đời không ai sánh bằng, nay đã đến tuổi trưởng thành phải gả chồng, nhưng trên đời không có ai xứng đôi, chỉ có sa-môn Cù-đàm đoan chánh vô song, nên tôi không quản đường xa dẫn nó đến đây để diện kiến Ngài.

Đức Phật bảo:

- Vẻ đẹp của con gái ông là vẻ đẹp của gia đình ông, còn vẻ đẹp của ta là vẻ đẹp của chư Phật. Quan niệm về cái đẹp của chúng ta hoàn toàn khác nhau. Ông tự khen con gái mình xinh đẹp tuyệt trần, nhưng xét kỹ khác nào chiếc bình bên ngoài họa vẽ thật đẹp mà bên trong chứa đầy phân và nước tiểu, có gì đáng quý? Sắc đẹp chỉ là nơi ẩn trú của năm tên giặc nguy hiểm mắt, tai, mũi, miệng và thân mà thôi. Đó chỉ là tai họa lớn của thân; nó có thể làm tan nhà nát cửa, hủy hoại dòng tộc, giết cha mẹ hại con cái. Ta là sa-môn một thân một mình còn sợ tai họa, sao lại nhận thêm kẻ chứa đầy tai họa hiểm độc kia! Ông hãy dẫn con gái đi, ta không nhận đâu!

Nghe vậy, bà-la-môn nổi giận liền bỏ đi. Ông đưa con gái đến ra mắt vua Ưu-điền, hết lời khen ngợi vẻ đẹp của con mình rồi thưa:

- Tâu đại vương! Con gái tôi xứng đáng làm vương phi, đã đến tuổi trưởng thành, nay xin dâng cho ngài.

Vừa nhìn thấy, nhà vua bằng lòng thuận nhận, cho làm đệ nhị tả phu nhân, đồng thời ban cho Kiết Tinh đai ấn, vàng bạc châu báu, phong làm phụ tướng. Sau khi được sủng ái, cô gái này sanh tâm ganh ghét, thường mê hoặc nhà vua. Nhiều lần cô gièm pha đại phu nhân ngay trước mặt vua. Nhà vua nổi giận mắg:

- Nàng giống như yêu ma quỷ quái, nói năng bừa bãi không biết tôn ti. Hoàng hậu là người có tiết hạnh đáng quý, sao nàng lại còn gièm pha với trẫm?

Cô gái sanh tâm đồ kỵ, còn muốn hãm hại hoàng hậu. Vì vậy, cô ta vẫn tiếp tục thù ghét nói xấu để mê hoặc vua. Cô rắp tâm theo dõi, biết được ngày hoàng hậu trai giới, cô ta đến tâu với nhà vua:

- Tâu đại vương! Hôm nay là ngày vui, xin bệ hạ cho gọi hữu phu nhân đến tham dự.

Nhà vua liền cho người triệu hoàng hậu đến vui chơi, nhưng là ngày trai giới, nên hoàng hậu không tuân mệnh. Sau ba lần triệu đến, bà vẫn một mực giữ trai giới không chịu đi. Nhà vua dùng dằng nổi giận, cho người lôi phu nhân đến, trói trước điện muốn bắn chết. Song, hoàng hậu vẫn không sợ hãi, thành kính nghĩ về đức Phật. Nhà vua tự tay lấp tên bắn phu nhân, nhưng tên bắn ra liền bay ngược trở lại phía vua. Vua bắn tiếp bao nhiêu lần thì bấy nhiêu mũi tên đều bay ngược lại như vậy. Nhà vua kinh hãi, đích thân đến cõi trời cho hoàng hậu và hỏi:

- Nàng dùng phép thuật gì mà lợi hại như thế?

Hoàng hậu tâu:

- Muôn tâu đại vương! Thần thiếp chỉ kính thờ Như Lai, quy y Tam bảo, trì trai giữ giới của Phật, không ăn quá ngũ, thực hành tám việc, không trang điểm. Có lẽ nhờ vậy mà được đức Thế Tôn thương xót che chở.

Nhà vua vui mừng thốt lên:

- Kỳ diệu quá! Thật không lời lẽ nào để nói! Ta quá đường đột!

Thế là, nhà vua liền đuổi con gái của Kiết Tinh về nhà. Giao việc quản lý nội cung cho hoàng hậu. Sau đó, nhà vua, hoàng hậu, hậu cung, thái tử cùng các quần thần chuẩn bị xa giá đến tịnh xá gặp đức Phật. Đánh lễ Phật xong, mọi người ngồi qua một bên chấp tay đợi nghe pháp. Nhà vua thưa những việc đã xảy ra lên đức Phật. Đức Phật liền dạy:

- Này đại vương! Người phụ nữ gian ác có tám mươi bốn tật xấu, trong đó có tám tật xấu mà người trí rất ghét, đó là: ganh ghét, nóng giận, mắng chửi, trù rủa, uy hiếp, tham lam, keo kiệt, thích trang điểm và thâm độc.

Khi ấy, đức Thế Tôn nói bài kệ:

*Trời mưa xuống bảy báu
 Chẳng lấp đầy lòng tham
 Sống vui ít khổ nhiều
 Tỉnh giác làm hiền nhân.
 Dầu dục lạc cõi trời
 Bạc trí chẳng bận tâm
 Vui đời lìa ân ái
 Làm đệ tử Phật thôi.*

Đức Phật lại nói:

- Này đại vương! Người tạo tội hay làm phước đều có đặc tính riêng, cho nên thọ quả báo cũng hoàn toàn khác nhau. Nếu thực hành sáu đức tri trai giới thì phước báo rất nhiều, được chư Phật khen ngợi, sau khi chết sẽ sanh lên cõi trời hưởng phước an vui.

Đức Phật dạy xong, vua, hoàng hậu, cung nữ và các đại thần tâm ý khai ngộ, đều sanh lòng kính tin chánh pháp.

Phẩm 36

SA MÔN

1. SỨC QUYỀN RŨ CỦA ÂM THANH

Thuở xưa, đức Phật ở trong một tinh xá tại nước Xá-vệ, thuyết pháp cho hàng trời, rồng, quỷ thần, vua, quan và nhân dân.

Một sáng sớm hôm nọ, vị ti-kheo trẻ tuổi đắp y, mang bát và cầm gậy vào khất thực trong một thôn rộng lớn. Bên cạnh con đường lớn dẫn vào thôn có khu ruộng vườn của quan, phần ruộng bên trong trồng rau, bên ngoài trồng lúa mạch. Bờ cỏ chung quanh ruộng có đặt bẫy tên, nếu có chim thú, hay kẻ trộm bước đến đây, vừa đụng vào lưới thì sẽ bị tên bắn chết ngay. Đặc biệt khu vườn này do một thiếu nữ xinh đẹp trông coi. Ai muốn vào thì phải đứng từ xa lên tiếng, cô ta chỉ đường thì mới vào được. Nếu người nào không biết đường thì chắc chắn sẽ bị tên bắn chết.

Cô gái giữ vườn một mình cô độc với tâm trạng buồn bã, nên thường hay cất lên những điệu hát. Tiếng hát của cô thánh thót du dương, ẩn chút bi ai, thật quyến rũ, khiến bao người đi đường phải dừng xe, xuống ngựa, ngừng bước vọng về tiếng hát. Lòng dạ họ bồi hồi không thể nào bỏ đi được nên cùng nhau ngồi lại bên đường nghe cô hát.

Hôm ấy, vị tì-kheo trẻ tuổi trên đường khát thực về thì nghe tiếng cô gái hát. Vừa nghe tiếng hát du dương của cô gái, tì-kheo thấy toàn thân thoải mái, một niềm xúc cảm lâng lâng tuôn trào, tâm thần rung động, mê mẩn chùn chân. Tì-kheo cứ tưởng tượng cô gái này chắc chắn là một đại mỹ nhân nhan sắc tuyệt trần, nên muốn gặp cô gái để được thân mật chuyện trò. Thế là, tì-kheo cất bước hướng về phía tiếng hát, chân chưa đến nơi mà tâm trí đã bán loạn đến nỗi gậy rơi, y tuột khỏi vai mà không hề hay biết.

Với trí tuệ, đức Phật thấy tì-kheo trẻ kia chỉ bước thêm một bước nữa thì sẽ bị tên bán chết. Tì-kheo này vốn có phước báo sẽ đắc đạo, nhưng vì ngu si mê mờ, bị dục tình che lấp. Đức Phật thương xót nên muốn hóa độ thầy ấy. Ngài liền hóa làm một cư sĩ đến bên cạnh cản đường tì-kheo và đọc bài kệ chê trách:

*Vì sao bậc sa-môn
Đi không giữ chánh niệm
Sa chân trong cõi mộng
Theo tiếng gọi ái tình.
Ca-sa khoác trên mình
Tư tưởng xấu vẫn sinh
Hành giả làm điều xấu
Đường ác không nể tình.
Dừng bước, nghĩ đến mình
Tình tâm bỏ sắc dục
Người không đoạn ái dục
Tâm vẫn cứ ruồi rong.
Tất cả mọi hành động
Phải khắc chế bản thân
Xuất gia cầu giải thoát
Tâm còn nhiễm ô hoại
Hành động không kiên định
Ham muốn chưa bỏ được
Chẳng phải bậc phạm hạnh
Sao đến được bờ kia.
Kẻ bước bình khó dạy*

*Như gió thổi khô cây
Chính vì bản thân mình
Sao lại không tỉnh tấn.*

Nói kệ xong, đức Phật hiện lại bản thân tướng hảo sáng ngời, chiếu khắp trời đất. Ai thấy ánh sáng này đều hết mê lầm, tâm không loạn động, đều được như ý. Tì-kheo nhìn thấy đức Phật, tâm liền tỉnh ngộ, như trong đêm tối gặp được ánh sáng. Thầy liền nắm vốc đất thành kính đánh lễ Thế Tôn, khẩn thiết cầu xin sám hối. Ngay khi ấy tì-kheo tập trung thiền quán, liền chứng quả A-la-hán, rồi theo đức Phật trở về tịnh xá. Vô số người nghe đức Phật dạy đều đắc Pháp nhãn.

Phẩm 37

PHẠM CHÍ

1. NIẾT-BÀN CHÂN THẬT

Thuở xưa, tại nước Tư-ha-diệp có một ngọn núi lớn tên Tư-hưu-già-tha. Trong núi có hơn năm trăm phạm chí đạt thần thông đang ẩn tu, họ tự bảo nhau: “Điều chúng ta đã đạt đến chính là niết-bàn”.

Bấy giờ, đức Phật Thích-ca mới thành đạo chánh giác, đem giáo pháp cam lồ giáo hóa khắp nơi. Các phạm chí nghe tin này nhưng chưa được gặp ngài. Nhận thấy họ có phước đời trước đáng được hóa độ, nên đức Phật một mình đi vào núi, ngồi bên một gốc cây gần đoạn đường ra vào núi, rồi nhập tam-muội⁸⁰; thân phát ánh sáng làm cả khu núi rừng hừng sáng như bị lửa cháy. Các phạm chí thấy vậy sợ hãi, vội vận thần thông phun nước dập lửa, nhưng dùng hết năng lực mà vẫn không dập tắt được. Họ vô cùng kinh ngạc chạy ra khỏi núi. Từ xa nhìn thấy đức Thế Tôn đang điềm nhiên tọa thiền bên cội cây, như mặt trời mọc bên núi vàng, tướng hảo rực rỡ, như vàng trắng sáng giữa vùng sao

80. Tam-muội 三昧 (S: samāhi): an trụ tâm vào một chỗ, một cảnh; tức chỉ cho trạng thái thiền định.

đêm. Họ ngạc nhiên không biết là vị thần nào nên vội đến xem. Đức Phật bảo ngồi, rồi hỏi họ từ đâu đến.

Họ đáp:

- Chúng tôi ở trong núi này tu đạo đã lâu, sáng nay bỗng nhiên lửa dữ nổi lên đốt cháy hết cây cối trong núi, nên sợ quá vội chạy ra đây.

Đức Phật dạy:

- Đây là lửa phước đức, không làm tổn thương người, nó chỉ đốt cháy bụi trần phiền não si mê của các ông mà thôi.

Nghe vậy, thầy trò phạm chí bàn tán với nhau: “*Đây là đạo sĩ gì? Trong chín mươi sáu phái ngoại đạo không có vị đạo sư như thế này*”. Có người nói: “*Tôi từng nghe, vương tử của vua Tịnh Phạn tên Tất-đạt, không thích ngai vàng, xuất gia học đạo. Phải chăng đây là vị ấy?*”. Các đệ tử thưa với thầy: “*Chúng ta hãy thử hỏi Ngài những phương pháp tu tập của phạm chí có đúng pháp không?*”.

Thế là thầy trò phạm chí đứng lên thưa đức Phật:

- Thưa Ngài, kinh pháp phạm chí là tứ vô ngại⁸¹, luận về thiên văn, địa lý, các pháp vua chúa trị nước, quản lý nhân dân là pháp thức tu hành của chín mươi sáu đạo. Xin hỏi Ngài kinh này có phải là pháp niết-bàn không? Cúi xin Ngài giảng giải cho chúng tôi hiểu.

Đức Phật dạy:

- Các ông hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ. Từ vô số kiếp, ta thường tu tập kinh này đã đắc được ngũ thông, có thể dời non lấp biển. Song vẫn bị trôi lăn mãi trong sanh tử triền miên, không đắc niết-bàn và cũng không nghe ai tu pháp này mà đắc đạo cả. Điều các ông tu tập chẳng phải pháp phạm chí.

Khi ấy, đức Thế Tôn nói bài kệ:

81. **Tứ vô ngại** 四無礙 (Cg: 四無礙解, S: catasrah pratisamvīdāḥ): bốn thứ năng lực lý giải và năng lực diễn đạt bằng ngôn ngữ một cách tự do tự tại không trở ngại. Pháp vô ngại giải, nghĩa vô ngại giải, từ vô ngại giải, biện vô ngại giải. Bốn pháp này đều lấy trí tuệ làm bản chất.

Vượt qua dòng tham dục
Thanh tịnh như Phạm thiên
Biết rõ dứt hành nghiệp
Đó chính là phạm chí.
Không có pháp nào khác
Thanh tịnh vượt vực sâu
Tháo bỏ dây tham dục
Đó chính là phạm chí.
Đâu phải xoắn búi tóc
Thì gọi là phạm chí
Sống theo đúng chánh pháp
Thanh tịnh là hiền nhân.
Búi tóc không trí tuệ
Mặc áo cỏ ích gì
Trong không từ chấp trước
Ngoài xả bỏ ích gì?
Từ bỏ các pháp ác
Dâm, nộ, si, kiêu mạn
Như rắn lột bỏ da
Đó gọi là phạm chí.
Từ bỏ hết chuyện đời
Không nói lời thô tục
Tu tập bát chánh đạo
Đó gọi là phạm chí.
Đã đoạn trừ ân ái
Sống vô dục không nhà
Chấm dứt tâm ái nhiễm
Đó gọi là phạm chí.
Lìa xa chốn nhân gian
Không đọa vào cõi trời
Không vương trong các nẻo
Đó chính là phạm chí.
Tự biết chuyện đời trước

*Vốn từ đâu đến đây
Đường sanh tử đã hết
Thông tỏ đạo nhiệm màu
Sáng suốt và vắng lặng
Đó chính là phạm chí.*

Nói kệ xong, đức Phật bảo các phạm chí:

- Điều các ông tu tập đạt được và cho đó là niết-bàn, cũng giống như vũng nước nhỏ, cá không thể sống an vui mãi trong đó được? Thân mạng vốn vô thường.

Nghe đức Phật dạy, các phạm chí thấy thân tâm vui vẻ thư thái, liền quỳ xuống cầu xin đức Phật cho làm đệ tử. Đức Phật đồng ý, râu tóc họ tự rụng, thành bậc sa-môn, nhờ tu hạnh thanh tịnh nên đều đắc quả A-la-hán. Tất cả trời, rồng, quỷ thần có mặt lúc ấy đều thấy được đạo.

Phẩm 38

NÊ HOÀN

1. HÃY CHIẾN THẮNG CHÍNH MÌNH

Thuở xưa, đức Phật cùng với một nghìn hai trăm năm mươi vị ti-kheo ở trong núi Linh Thứu, thuộc thành Vương Xá.

Bấy giờ, vua A-xà-thế nước Ma-kiệt-đà, cai quản cả trăm nước nhỏ. Trong đó, nước Việt-kỳ gần bên không tuân mệnh lệnh, nên vua A-xà-thế định xuất quân trừng trị. Nhà vua triệu tập quần thần bàn bạc:

- Nước Việt-kỳ giàu có phồn thịnh, có nhiều châu báu mà không quy phục ta. Theo ý các khanh, ta có nên khởi binh chinh phạt không?

Thừa tướng Vũ-xá, một vị tài đức tâu:

- Tâu bệ hạ! Nên đánh.

Nhà vua bảo Vũ-xá:

- Đức Phật đang ở gần đây, Ngài là bậc thánh thấu rõ mọi việc. Khanh đến gặp đức Phật, thay lời ta khéo hỏi Ngài, như ý của khanh đã nói, nếu xuất quân sang đánh nước kia thì có thể thắng được không?

Vâng lệnh, thừa tướng cho thắng xe ngựa đến tỉnh xá. Ông vào diện kiến Phật, đánh lễ thăm hỏi. Đức Phật bảo ông ngồi sang một bên rồi hỏi:

- Thừa tướng từ đâu đến đây?

- Bạch Thế Tôn, quốc vương sai tôi đến đánh lễ vấn an sức khỏe đức Thế Tôn, mọi sinh hoạt của Ngài vẫn an lành chứ?

Đức Phật hỏi:

- Đại vương, đất nước, nhân dân và quần thần đều bình an cả chứ?

- Dạ, nhờ ân đức của Thế Tôn, đại vương và nhân dân đều bình an. Nhưng gần đây đại vương và nước Việt-kỳ có sự bất hòa, nên người dự định xuất quân chinh phạt. Theo đức Thế Tôn thì trận này đại vương có chiến thắng không?

Đức Phật bảo:

- Nhân dân nước Việt-kỳ thực hành bảy pháp, nên không thể chiến thắng được họ. Mong rằng nhà vua hãy suy xét thật kĩ, chớ vội vã xuất binh.

Thừa tướng bèn hỏi:

- Bạch Thế Tôn! Bảy pháp ấy là gì?

- Đó là:

1. Nhân dân nước Việt-kỳ thường ngồi lại với nhau luận bàn chánh pháp, tu phước giữ giới.
2. Vua tôi và thần dân nước Việt-kỳ trên dưới một lòng, tin dùng những bậc trung lương, vua luôn luôn ghi nhận lời khuyên can của tôi thần, không làm điều bạo ác.
3. Nhân dân nước Việt-kỳ giữ gìn chánh pháp, không lấy của rơi, không dám phạm pháp, trên dưới đều thực hành theo phép tắc.
4. Nhân dân nước Việt-kỳ tuân thủ lễ nghĩa, kính cần, nam nữ phân biệt rõ ràng, trên dưới thứ bậc, không mất phép tắc.
5. Nhân dân nước Việt-kỳ hiếu dưỡng cha mẹ, kính thờ sư trưởng, nghe lời dạy bảo và xem đó như là phép tắc quốc gia.

6. Nhân dân nước Việt-kỳ theo nguyên lý đất trời, kính thờ xã tắc, tùy thuận bốn mùa, nông dân siêng năng cấy cấy.

7. Nhân dân nước Việt-kỳ tôn kính đạo đức, trong nước có những vị sa-môn đắc đạo, hoặc có những vị A-la-hán từ xa trở về đều được cúng dường mọi thứ y phục, giường chiếu và thuốc men.

Làm vua mà thực hành được bảy pháp này thì không gặp tai nạn nguy hiểm. Dù cho đem binh cả thiên hạ đến đánh cũng không thể thắng được họ. Thừa tướng! Nhân dân nước Việt-kỳ chỉ thực hành một pháp trên đây thôi cũng không thể thắng được họ, huống gì thực hành cả bảy pháp.

Đức Thế Tôn nói bài kệ:

*Thắng người nào có vui chi
Ngày đêm cứ mãi sầu bi rập rình
Sao bằng chiến thắng chính mình
Vui đời giải thoát tử sinh tạ từ.*

Nghe xong bài kệ, Vũ-xá liền hiểu được đạo, mọi người trong chúng hội đều chứng quả Tu-đà-hoàn. Thừa tướng đứng lên thưa đức Phật:

- Bạch Thế Tôn! Việc nước bận rộn, con xin trở về.

Đức Phật dạy:

- Nên biết việc gì cũng phải đúng thời!

Thừa tướng đánh lễ đức Phật từ giả ra về. Về đến hoàng cung, ông tâu mọi chuyện lên nhà vua. Nhà vua liền từ bỏ ý định đánh nước Việt-kỳ, vâng theo lời Phật dạy giáo hóa nhân dân. Sau đó nước Việt-kỳ đều quy thuận, trên dưới kính nhường nhau, nước nhà đều thịnh vượng.

Phẩm 39

SINH TỬ

1. KHÓC THƯƠNG AI

Thuở xưa, đức Phật trú tại tinh xá Kỳ-hoàn, nước Xá-vệ, thuyết pháp vi diệu cho hàng trời, người, vua, quan.

Hôm nọ, trên đoạn đường đi hành hóa, có một gia đình trưởng giả bà-la-môn giàu có vô cùng, nhưng chỉ có một cậu con trai độc nhất. Năm ấy cậu ấm vừa tròn hai mươi tuổi, và mới cưới vợ được bảy ngày. Hai vợ chồng trẻ lúc nào cũng tương kính, nói năng hòa thuận với nhau, đúng là một cặp đôi hoàn hảo. Một hôm, cô vợ nói với chồng muốn ra hậu viên ngắm cảnh thưởng hoa. Chồng chiều ý vợ, hai người đưa nhau ra hậu viên. Gặp lúc đang vào tiết xuân, trong vườn có một cây nài cao lớn trổ hoa rất đẹp. Cô vợ muốn hái hoa, nhưng không có người nhờ hái. Biết được ý muốn của vợ, anh chồng bèn leo lên cây nài hái hoa. Hái được một bông lại muốn hái thêm bông nữa, nên anh ta cứ trèo dần lên cành cây nhỏ trên cao. Không ngờ cành cây gãy, anh chồng rơi xuống đất chết ngay tại chỗ. Hay tin, cả nhà lớn nhỏ vội vã chạy đến, kêu trời than đất, khóc lóc thảm thiết đến chết đi sống lại. Thân tộc nội ngoại đến thăm rất đông, ai nấy đều thương tâm, người nghe xót xa, kẻ thấy không cầm được nước mắt. Cha mẹ

và cô vợ trẻ cứ oán trách trời đất sao không che chở hạnh phúc của mình. Sau đó, mọi người cùng nhau tẩm liệm rồi đưa người mất đi an táng theo nghi thức truyền thống. Xong việc về nhà, họ lại ti tê than khóc không thôi.

Đức Thế Tôn thương họ ngu muội nên đến thăm hỏi. Trông thấy đức Thế Tôn, cả nhà trưởng giả vô cùng cảm động, đau lòng, đành lễ Phật trình bày nỗi thống khổ trong lòng mình.

Đức Phật an ủi trưởng giả:

- Ông hãy nén đau buồn, nghe ta nói đôi lời. Tất cả vạn vật trên cõi đời đều vô thường biến đổi, không có gì tồn tại mãi, có sanh ra thì phải có ngày chết đi, tội phước luân lưu bất tận. Hiện có bậc cha mẹ đang thương khóc đứa con này, đau đớn tuyệt vọng khó thể kiềm chế nổi. Rồi cuộc nó là con ai? Ai là người thân của nó?

Khi ấy, đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Mạng sống như trái chín
Thấp thóm sợ rụng rơi
Đã sanh ắt có khổ
Ai thoát được thân chết.
Xưa kia mê ái dục
Khởi tình tưởng nhập thai
Thọ thân như tia chớp
Ngày đêm toan hoại dần
Thân này là vật chết
Tinh thần thì vô hình
Thân già chết rồi sinh
Tội phước không mất được
Trước sau chẳng một đời
Sống mãi với ái si
Khổ vui do mình tạo
Thân chết, thân không hoại.*

Nghe bài kệ xong, trưởng giả chợt bừng tỉnh, không còn đau buồn nữa, quý xuống thưa đức Phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Con của con đời trước tạo nghiệp gì mà nay đang sống cuộc đời tươi đẹp lại chết yểu như thế? Xin Ngài hãy giảng giải chuyện đời trước.

Đức Phật dạy:

- Vào đời quá khứ, có một đứa bé mang cung tên đến chơi đùa dưới một cây thân, bên cạnh đó có ba người đang trò chuyện. Thấy trên cây có một con chim sẻ, đứa trẻ định bắn. Ba người kia thấy vậy khích thêm: "*Nếu cậu bắn trúng con chim sẻ ấy thì đáng được gọi là tiểu anh hùng!*".

Nghe vậy, đứa bé thích quá liền giương cung bắn. Chim sẻ trúng tên rơi xuống đất chết ngay. Ba người kia cùng cười khen ngợi rồi bỏ đi. Vì nhân duyên này, trải qua vô số kiếp trong sanh tử, họ thường gặp nhau và cùng chịu tội. Trong số ba người này, một người có phước nay sống ở trên trời, một người hóa sanh làm long vương ở trong biển, người còn lại là trưởng giả đây. Đứa bé cầm cung tên ngày xưa nay là con của trưởng giả. Đời trước nó sanh làm con của vị trên trời, hết kiếp trời sanh làm con của trưởng giả. Giờ đây sau khi té chết đã sanh vào biển làm con của long vương. Khi nó vừa sanh ra đã bị kim sí điều chúa bắt ăn thịt.

Hôm nay cả ba nơi đều đau khổ khóc than, không nói nên lời. Vì đời trước ba người này khích lệ, vui theo việc giết chim của đứa bé nên phải chịu báo ứng khổ đau than khóc.

Khi ấy, đức Thế Tôn nói bài kệ:

*Ba cõi do tâm tạo
Năm đường thiện, bất thiện
Âm thầm nhân chuyển quả
Sanh như tiếng vọng lại
Dục, Sắc, Vô sắc giới
Tất cả do nghiệp xưa
Hạt nào thì quả ấy
Báo ứng như bóng hình.*

Khi nói kệ xong, muốn trưởng giả giác ngộ, đức Phật dùng đạo lực chỉ cho ông ta thấy đời trước của mình, từ những việc trên cõi trời, cho đến trong loài rồng. Trưởng giả hiểu rõ, vui mừng quỳ xuống thưa:

- Bạch đức Thế Tôn! Cúi xin đức Thế Tôn thu nhận tất cả gia đình con làm đệ tử, chúng con xin thọ trì năm giới làm ưu-bà-tắc.

Đức Phật liền truyền giới và nhắc lại ý nghĩa pháp vô thường. Mọi người vui mừng đều chứng quả Tu-đà-hoàn.

Phẩm 40

LỢI ÍCH CỦA ĐẠO

1. VỘI QUÊN QUÁ KHỨ

Thuở xưa có một vị quốc vương dùng chánh pháp cai trị đất nước, nhân dân rất yêu kính. Thế nhưng, nhà vua rất lo buồn vì chưa có thái tử nối ngôi. Khi đức Phật đến nước này giáo hóa, nhà vua đích thân đến diện kiến. Được đức Phật giảng kinh, nhà vua nghe xong vui mừng xin thọ năm giới, nhất tâm cung kính phụng trì. Vì ước nguyện duy nhất là có thái tử để kế thừa ngai vàng, nên nhà vua ngày đêm ba thời siêng năng tu tập không hề biếng trễ.

Trong cung có một cậu bé người hầu mới mười một tuổi thường hầu cận nhà vua. Cậu bé rất mực trung tín, tu tập theo chánh pháp, không mất oai nghi, có tính khiêm nhường, nhẫn nại, siêng năng chuyên tâm học tập kinh kệ, lại biết đúng lúc chuẩn bị hương hoa dâng cúng. Trải qua nhiều năm siêng năng không mệt nhọc như thế, bỗng nhiên một hôm, bé trai này lâm trọng bệnh rồi qua đời, thần thức liền trở lại đầu thai làm con nhà vua. Sau khi chào đời, hoàng tử được dưỡng nuôi khôn lớn, đến năm mười lăm tuổi được lập làm thái tử. Sau đó nhà vua thăng hà, thái tử liền kế vị. Nhưng vừa lên làm vua, thái tử liền tỏ ra kiêu mạn, mặc sức ăn chơi, thọ hưởng dục lạc, ngày đêm đắm say mê muội, không

màng xử lý quốc sự, không quan tâm quần thần, phớt bỏ việc triều chính, đẩy nhân dân vào cảnh lầm than, khốn khổ, đất nước nguy vong.

Biết rõ đời sống của vị vua này không đúng như nhân duyên đời trước, đức Phật dẫn các đệ tử đến nước kia. Nghe tin đức Phật đến, nhà vua làm lễ nghênh đón như tiên vương đã làm. Tất cả đại chúng cung kính cúi đầu đánh lễ rồi ngồi qua một bên.

Đức Phật hỏi nhà vua:

- Nay đại vương, đất nước, nhân dân, quần thần đều an ổn cả chứ?
- Bạch Thế Tôn, con còn trẻ chưa đủ khả năng cai trị tốt, nhưng nhờ từ ân của Ngài nên đất nước vẫn yên ổn.
- Nay đại vương có biết mình vốn từ đâu đến, và nhờ tu tạo công đức gì mà được ở vương vị ngày nay không?
- Bạch Thế Tôn, quả thật con rất ngu muội, không biết đời trước từ đâu đến.
- Nay đại vương, có năm nguyên nhân được làm quốc vương: một là, bố thí, nên khi được làm quốc vương, được vạn dân hiến dâng đèn đài cung điện, của cải vô số; hai là, xây dựng chùa miếu, cúng dường Tam bảo mãn lòng, giường chiếu, nên khi làm vua được ngồi trên ngai vàng xử lý quốc sự; ba là, đích thân kính lễ Tam bảo và những bậc trưởng thượng có đức độ, nên khi được làm vua tất cả muôn dân đều kính lễ; bốn là, tu hạnh nhẫn nhục, thân miệng ý không làm điều ác, nên khi làm vua ai thấy cũng đều rất vui mừng; năm là, siêng năng học hỏi, thường cầu trí tuệ, nên khi làm vua quyết định quốc sự, mọi người đều tuân theo thực hành. Nếu ai thực hiện năm việc này thì mãi mãi là vị vua anh minh.

Đức Thế Tôn nói bài kệ:

*Người biết kính bậc trên
Vua, cha, thầy, đạo sĩ
Thực hành trọn năm pháp
Tín, giới, thí, xả, huệ
Chết an, đời sau an
Đời trước tu hạnh lành
Nay làm người cao quý*

*Dùng đạo trị thiên hạ
 Kính pháp, mọi người theo
 Vua là chủ thần dân
 Ban ân huệ khắp chốn
 Thân giữ gìn giới pháp
 Nhờ đó dứt lỗi lầm.
 Khi an, không quên nguy
 Thấu rõ quả lành tăng
 Phước đức và tai họa
 Đâu chọn kẻ sang hèn.*

- Đòi trước vua là người hầu cận của tiên vương. Do nhờ tín tâm thờ Phật, thanh tịnh trì giới, cung kính chúng tăng, hiếu thảo với cha mẹ, trung thành với vua, luôn một lòng siêng năng bố thí, chịu bao cực nhọc không hề biếng trễ nên được phước đời này làm thái tử, thừa hưởng ngôi vị vinh hoa phú quý. Vậy mà hôm nay vừa đạt đến chỗ giàu sang tốt bậc, đại vương liền bê tha biếng nhác. Phàm làm vua, xin đại vương hãy thực hành năm việc: 1. Lãnh đạo nhân dân bằng chánh pháp, không tự ý sửa đổi và phá hoại phép tắc; 2. Nuôi dưỡng binh sĩ, cung cấp vật dụng đúng thời; 3. Nhớ tu thiện nghiệp để phước đức còn mãi không dứt; 4. Biết nghe theo lời chính trực của trung thần, không nghe theo lời sàm tấu làm hại bề tôi ngay thẳng; 5. Biết tiết chế dục lạc, tâm không buông thả.

Nếu một vị vua thực hiện được năm việc này thì danh tiếng vang khắp bốn biển, phước báo tự đến, bằng không sẽ đánh mất hết mọi phép tắc. Nhân dân khốn khổ, họ sẽ nghĩ đến việc nổi loạn. Binh lính mệt mỏi thì thế lực không mạnh. Vô phước thì quỷ thần không giúp đỡ. Tự tung tự tác đánh mất đạo lý, thì trung thần không dám can ngăn. Thế nên, vua buông lung, bỏ bê việc nước, quan lại phản nghịch, nhân dân oán hận. Nếu như vậy thì hiện tại thân bại danh liệt, đời sau sẽ không còn phước.

Đức Thế Tôn nói tiếp bài kệ:

*Người lãnh đạo thế gian
 Ngay thẳng không tà vạy*

*Điều tâm thắng mọi ác
Đó là bậc pháp vương.
Chánh kiến và bố thí
Nhân ái thích giúp người
Bình đẳng với tất cả
Mọi người sẽ quy phục.*

Nghe đức Phật nói kệ xong, nhà vua vô cùng hoan hỷ, đánh lễ sám hối và xin thọ năm giới. Đức Phật lại thuyết pháp, nhà vua chứng quả Tu-đà-hoàn.

2. CHẾ PHỤC VOI THẦN

Thuở xưa, đức Phật ở tại tinh xá Kỳ Thọ, nước Xá-vệ, thuyết pháp vô thượng cho hàng trời, người, vua quan và bốn chúng đệ tử.

Khi ấy ở vùng núi sâu, phía nam thành Xá-vệ thường xuất hiện một loại voi hoang, thân có ba màu trắng, xanh và đen. Nhà vua muốn có loại voi lớn hiệu chiến này, nên sai người vào rừng bắt về giao cho quan điều voi huấn luyện, chỉ trong ba năm, voi có thể cưỡi được hoặc đưa đi chiến đấu.

Trong đàn voi đó có một con voi thần do rồng hóa sanh, thân trắng như tuyết, đuôi đỏ như son, hai ngà màu vàng ròng. Thọ săn thấy con voi đẹp phi thường này liền trở về tâu với vua có con voi như thế, lớn đẹp như thế rất xứng để vua cưỡi. Nhà vua lập tức ra lệnh tuyển mộ hơn ba mươi người thọ săn voi đi bắt con voi này. Những thọ săn đến chỗ voi ở giăng lưới để bắt. Voi thần biết được ý người, nên giả vờ sập lưới. Mọi người vây lại định bắt thì voi nổi giận vùng lên dẫm đạp những người đứng gần chết ngay tại chỗ, những người ở xa bỏ chạy kịp, nhưng voi vẫn đuổi theo chẳng buông tha.

Lúc ấy, bên sườn núi gần đó có các ti-kheo tuổi trẻ khoẻ mạnh hơn người, đã tu học ở đây rất lâu nhưng chưa được định tâm. Từ xa, họ thấy voi thần đuổi theo giết người nên khởi lòng thương và cũng ý mình có sức mạnh nên chạy đến cứu. Đức Phật cũng đã thấy việc này, sợ các ti-kheo bị voi thần dẫm chết, nên Ngài liền hiện đến bên cạnh voi, phóng hào quang sáng rực. Voi trông thấy hào quang của đức Phật thì con giận tiêu tan, không đuổi theo giết người. Các ti-kheo thấy đức Phật vội đánh lễ nghênh đón.

Đức Phật nói bài kệ cho các tì-kheo:

*Chớ liêu trên voi thần
Để chuốc khổ vào thân
Ác tâm là tự sát
Không được sanh cõi lành.*

Nghe xong bài kệ, các tì-kheo cúi đầu đánh lễ đức Phật cầu xin sám hối, quán chiếu kỹ lỗi lầm của mình, liền chứng quả A-la-hán ngay trước đức Phật. Lúc này, những người thợ bắt voi đều được sống lại, những người bỏ chạy cũng đều quay về chỗ Phật nghe pháp. Tất cả đều thấy được đạo.

3. TRẢ THÙ

Thuở xưa, đức Phật ở tại núi Kỳ-xà-quật, trong thành La-duyệt-kỳ.

Khi ấy, một vị đại thần của vua Bình-sa phạm tội nặng, bị bãi chức đày đến vùng đất hoang vu nằm ở miền núi sâu phía nam, cách thủ phủ này hơn nghìn dặm. Nơi đây quanh năm ít người qua lại, lúa thóc khan hiếm. Từ khi vị đại thần này đến đây khai khẩn, nước suối tuôn chảy, nên ngũ cốc năm ấy được mùa. Những người nghèo đói khắp các nơi đều đổ về đây sinh sống. Chỉ trong vòng mấy năm đã có ba bốn nghìn hộ gia đình. Ai đến đây cũng được cấp cho ruộng đất làm ăn sinh sống.

Một hôm, có ba vị trưởng bối bàn bạc với nhau, nước không có vua như thần không có đầu. Vì vậy, họ cùng đến suy cử vị đại thần kia lên làm vua. Vị đại thần nói:

- Nếu lập tôi lên làm vua thì phải đúng như pháp của các quốc vương khác, có tá hữu đại thần, văn võ tướng sĩ sớm chiều túc trực, xây cung điện lập hậu cung, thâu tô thuế lúa thóc vải vóc, đúng theo nghĩa vụ của một người dân.

Các trưởng lão thưa:

- Xin ngài hãy thực hiện đúng như thế.

Thế rồi, họ thực hiện theo vương pháp, lập đại thần lên làm vua, sắp đặt quần thần văn võ trên dưới, điều động nhân dân xây dựng thành quách, cung điện lầu đài. Từ đó, nhân dân khổ khổ, không còn cảnh an cư lạc nghiệp như trước nữa,

nên đều có ý định muốn lật đổ ngôi vua. Thừa cơ, các gian thần bày mưu lập kế đưa nhà vua đi săn. Khi đến một cánh đồng hoang cách hoàng thành chừng ba bốn mươi dặm, họ liền trói vua lại định giết. Nhà vua bất ngờ kinh ngạc hỏi các cận thần:

- Sao các người giết ta?

Họ đáp:

- Nhân dân ngưỡng mộ ngài vì ngài đem đến cho họ đời sống ấm no hạnh phúc, nên mới lấy lễ tôn ngài lên làm vua. Nay nhân dân bị bức bách nghèo đói thì sẽ nổi loạn phế bỏ.

Nhà vua nói:

- Chuyện này là do các khanh gây nên không phải tại ta. Nếu giết oan ta, thần minh sẽ biết. Các người hãy để cho ta phát một lời nguyện rồi chết cũng không hối hận.

Nhà vua liền phát nguyện: *"Ta vốn khai hoang lập ruộng là để nuôi dân, ai đến đây cũng đều sống an cư lạc nghiệp vô cùng. Rồi họ tự động suy tôn ta lên làm vua, chiếu theo pháp vua các nước mà sắp đặt mọi chuyện. Nay họ muốn làm phản và giết ta, ta thật không có tội với nhân dân. Nếu bị giết chết, ta nguyện sẽ làm quỷ la-sát nhập vào thân cũ để báo mối thù này".*

Nhà vua nguyện xong liền bị quỷ thần dùng dây siết cổ chết, bỏ xác ở đó rồi đi. Ba ngày sau, thần thức vua làm quỷ la-sát nhập vào thân cũ, tự xưng là A-la-bà. Quỷ vào cung dùng dây siết cổ tân vương và giết sạch các gian thần, thề nữ hậu cung. La-sát vẫn còn giận dữ định ra ngoài cung giết hết dân chúng. Thấy vậy, ba vị quốc lão tự trói mình ra đầu thú và nói:

- Đây là việc làm của bọn gian thần, dân chúng nào có biết gì. Xin ngài hãy rộng lòng tha thứ, trở về làm vua tiếp.

- Ta đã là la-sát đâu có thể sống và làm việc chung với người. Ta ăn thịt uống máu người, tánh tình nóng nảy nổi giận khó lường.

Ba vị quốc lão nói:

- Đất nước này do ngài lập nên, xin ngài hãy làm vua lại như cũ, còn việc ăn uống chúng thần sẽ lo liệu.

Thế là các quốc lão lập ra quy định, tất cả mọi gia đình trong nước đều phải rút thăm lấy số thứ tự nộp con để làm thức ăn nuôi vua la-sát. Trong ba bốn nghìn hộ gia đình ấy, có một nhà là đệ tử của Phật, siêng năng thọ trì năm giới. Gia đình này theo mọi người rút thăm và trúng thăm thứ nhất. Cả nhà chỉ có một đứa con nhỏ mà nay phải nộp đầu tiên cho la-sát ăn, nên mọi người rất đau khổ khóc than, hướng vọng về núi Kỳ-xà-quật đánh lễ đức Phật sám hối tội nghiệp của mình.

Với đạo nhơn thanh tịnh, đức Phật thấy được nỗi đau khổ của họ, tự bảo: *“Nhờ đứa bé này, ta sẽ độ được vô số người”*. Thế rồi, Ngài liền một mình bay đến cửa cung điện la-sát, phóng ánh sáng chiếu khắp nội cung. Thấy ánh sáng rực rỡ này, La-sát tưởng là dị nhân bèn ra gặp. Khi thấy đức Phật, la-sát liền khởi tâm hung ác muốn ăn thịt, nhưng hào quang của Phật chiếu vào mắt thì bao nhiêu thần lực vác núi, phun lửa của la-sát đều tiêu tan hết, đến nỗi nó kiệt sức không kháng cự được. Sau đó nó chịu quy phục, thỉnh Phật lên tòa ngồi, cúi đầu đánh lễ. Đức Phật thuyết pháp, nó nhất tâm lắng nghe, rồi xin thọ năm giới làm ưu-bà-tắc.

Bây giờ, viên quan lo thức ăn cho la-sát đến bắt đứa trẻ đem đi. Cả nhà đứa bé đau đớn khóc lóc đi theo. Vô số người nhìn thấy cảnh ấy đều đau lòng rơi lệ. Khi ông ta dâng đứa trẻ cho la-sát, la-sát dẫn đứa bé đến trước đức Phật rồi quỳ xuống thưa:

- Nhân dân trong nước cứ theo thứ tự cung cấp cho con một đứa trẻ để ăn. Nay con đã thọ năm giới của đức Phật, không thể ăn đứa trẻ này được. Con xin dâng đứa bé này để nó hầu hạ Ngài.

Đức Phật liền nhận và chú nguyện, la-sát vui mừng đặc quã Tu-đà-hoàn. Đức Phật đặt đứa bé vào trong bát rồi mang ra khỏi cung trả lại cho cha mẹ của nó và bảo: *“Hãy khéo nuôi dạy đứa bé này, đừng lo buồn nữa”*.

Mọi người trông thấy đức Phật rất đỗi ngạc nhiên, họ thắc mắc không biết Ngài là vị thần nào. Đứa bé này có phước đức gì mà được cứu sống, trả về cho cha mẹ khi sắp làm thức ăn cho la-sát? Lúc ấy, đức Thế Tôn nói bài kệ:

Giới đức đáng nương tựa

Phước báo thường theo mình

*Người trí thấy được pháp
 Mãi xa ba đường ác.
 Giới trừ khổ và sợ
 Ba cõi, đức quý nhất
 Quý, rộng và tà độc
 Không hại người giữ giới.*

Được nghe kệ, được thấy hào quang của đức Phật, mọi người mới biết Ngài là bậc chí tôn trong ba cõi không ai sánh bằng, nên đều vui mừng, tâm trí tỏ ngộ, và xin quy y làm đệ tử.

4. BA VỊ THÁNH VƯƠNG

Thuở xưa, đức Phật ở tại đạo tràng Lộc Dã, trong nước Ba-la-nại, thuyết pháp cho tất cả hàng trời, người, rồng, quỷ thần, quốc vương và thần dân.

Bấy giờ, thái tử của đại quốc vương dẫn hơn năm trăm thái tử các nước nhỏ đến đạo tràng, đánh lễ dưới chân Phật rồi ngồi qua một bên nghe pháp.

Các vị thái tử thưa đức Phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Phật đạo vi diệu u huyền khó đạt đến, từ xưa đến nay có quốc vương, thái tử, đại thần, trưởng giả nào từ bỏ đất nước, nhân dân, ân ái, vinh hoa phú quý xuất gia làm sa-môn không?

Đức Phật dạy:

- Đất nước, vinh hoa, ân ái ở thế gian như huyễn, như hóa, như giấc mộng, như tiếng vang, chợt đến chợt đi không trường tồn. Hơn nữa, quốc vương và thái tử vì ba việc mà không thể đắc đạo. Một là, tâm kiêu mạn không chịu học tập diệu nghĩa kinh Phật để điều phục tâm; hai là, tham lam không muốn bố thí cho người nghèo cùng khổ, ban phát cho quân thần tướng sĩ, tất cả tài sản không cấp cho dân để bồi đắp tài sản chung; ba là, không chịu từ bỏ sắc dục ân ái, khổ đau buồn phiền trong chốn lao ngục, xuất gia làm sa-môn diệt trừ khổ đau để tu thân. Vì thế, nếu bỏ-tát sanh trong dòng vua chúa mà từ bỏ được ba việc này, sẽ đạt đến quả vị Phật. Ngược lại có ba việc tốt: một là, lúc tuổi trẻ chăm học, quản lý đất nước, giáo hóa nhân dân thực hành mười điều thiện; hai là, có của cải bố thí cho những người nghèo cùng cô cút, quân thần tướng sĩ

và nhân dân cùng sống an vui; ba là, luôn nghĩ đến cảnh vô thường, thân mạng khó giữ gìn, phải xuất gia làm sa-môn, đoạn nhân duyên khổ đau, cắt đứt dòng sanh tử. Ba việc này không hoàn thành thì khó giải thoát.

Đức Thế Tôn kể tiếp một câu chuyện:

- Vào thời xa xưa, ta làm Chuyển luân thánh vương Nam Vương Hoàng Đế, có đầy đủ bảy báu, cung điện, ao tắm, vườn rừng. Quần thần, thái tử, phu nhân, thê nữ, voi, ngựa và quan đầu bếp đều có tám vạn bốn nghìn người. Thánh vương có nghìn người con dũng mãnh tinh nhuệ, một người địch cả nghìn người, bay giữa hư không, chu du khắp bốn phương, hành động tự do không ai đủ sức cản trở. Thánh vương thọ tám vạn bốn nghìn tuổi, cai trị đất nước bằng chánh pháp, không bức ép nhân dân. Bấy giờ, thánh vương tự nghĩ: *“Mạng người ngắn ngủi, vô thường khó giữ, cần phải làm phước để cầu đạo chân thật; luôn nghĩ đến việc bố thí cho dân chúng trong thế gian, tất cả tài sản cùng chia sẻ với mọi người. Đã gieo trồng phước đức rồi thì phải nên xuất gia làm sa-môn, đoạn tuyệt tham dục mới diệt được khổ”*. Nghĩ xong, thánh vương ra lệnh cho người đảm nhiệm việc chải tóc, nếu thấy tóc bạc thì hãy báo cho thánh vương biết. Đến mấy vạn năm sau, người chải đầu tâu là thánh vương đã có tóc bạc. Thánh vương ra lệnh nhổ lấy để trên bàn. Nhìn thấy tóc bạc, thánh vương rơi lệ than: *“Sứ giả thứ nhất đã đến rồi. Nay tóc ta đã bạc, nên xuất gia làm sa-môn cầu đạo vô vi”*.

Thánh vương để tóc trong lòng bàn tay rồi nói bài kệ:

*Nay trên đầu của ta
Tóc bạc là bị trộm
Đã có thiên sứ triệu
Đến lúc phải xuất gia.*

Thánh vương liền triệu quần thần lập thái tử làm vua, còn mình xuất gia làm sa-môn vào núi tu đạo. Sau khi mãn tuổi thọ, sanh lên cõi trời thứ hai làm vua trời Đế Thích. Về sau, thái tử cai trị thiên hạ giống như thánh vương, và cũng ra lệnh cho người chải tóc hễ thấy tóc bạc thì phải báo ngay. Thời gian lâu sau, người chải tóc thưa thánh vương đã có tóc bạc. Thánh vương thứ hai sai nhỏ, rồi để trong lòng bàn tay, nói bài kệ:

*Nay trên đầu của ta
Tóc bạc là bị trộm
Đã có thiên sứ triệu
Đến lúc phải xuất gia.*

Thánh vương thứ hai lại triệu tập quần thần lập thái tử lên làm vua, còn mình xuất gia làm sa-môn vào núi tu đạo. Khi mãn tuổi thọ, vị này sanh lên cõi trời làm Thiên Đế Thích. Còn vị Thiên Đế Thích trước thì tuổi thọ cõi trời đã hết, nên sanh xuống nhân gian làm thái tử của thánh vương thứ ba.

Cứ như vậy, ba vị thánh vương thay đổi làm cha con của nhau. Trên làm thiên đế, dưới làm thánh vương, giữa làm thái tử, qua lại ba mươi sáu lần, suốt mấy nghìn vạn năm như thế, luôn thực hành ba việc này nên cuối cùng được thành Phật.

Vua cha thuở ấy nay chính là ta, thái tử nay chính là Xá-lợi-phất, cháu nội vua cha là A-nan. Ba chúng ta nhiều đời thay nhau làm vua giáo hóa thiên hạ, nên được tôn quý nhất trong ba cõi.

Khi đức Phật dạy xong, quốc vương, thái tử và con của vua các nước nhỏ vô cùng hoan hỷ, lãnh thọ năm giới làm cư sĩ nam, đều đắc quả Tu-đà-hoàn.

Phẩm 41

CÁT TƯỜNG

1. CÁT TƯỜNG TỐI THƯỢNG

Thuở xưa, đức Phật ở tại núi Kỳ-xà-quật, trong thành La-duyet-kỳ, thuyết pháp Tam thừa⁸² cho hàng trời, người, rồng và quỷ thần.

Bấy giờ, bên bờ sông Hằng ở ngọn núi phía nam có một vị phạm chí Ni-kiền tu tập. Ông ta là bậc trưởng lão kỳ cựu, học rộng hiểu nhiều, đạt được ngũ thông, giỏi việc cổ kim. Ông có năm trăm người học trò, được chỉ dạy truyền trao tri thức, nên họ đều thông thiên văn, giỏi địa lý tinh tú và nhân tình, không có môn nào mà không nghiên cứu thấu đáo. Những việc kiết hung, họa phúc, được mùa mất mùa, họ đều biết trước.

Các đệ tử của phạm chí nếu tu hành theo Phật thì đáng được đắc đạo. Một hôm, đột nhiên họ đưa nhau đến bên bờ sông, tìm chỗ vắng ngồi lại cùng bàn luận. Họ hỏi nhau: *“Những việc làm của nhân dân trong tất cả các nước khắp thế gian này, việc gì được xem là cát tường nhất?”*. Họ không thể giải đáp được, bèn đến đánh lễ thầy, chấp tay thưa:

82. Tam thừa 三乘 (S:trīṇi yānāni): Thanh văn thừa, Duyên giác thừa và Bồ-tát thừa.

- Thừa thầy, đệ tử chúng con học đạo đã lâu cũng có chỗ thành đạt. Song chưa biết dân chúng trong tất cả các nước cho việc gì là cát tường nhất?

Phạm chí Ni-kiền đáp:

- Câu hỏi thật hay! Trong cõi Diêm-phù-đề này có mười sáu nước lớn, tám mươi bốn ngàn nước nhỏ, nước nào cũng có những vật cát tường như vàng, bạc, lưu ly, pha lê, minh nguyệt, thần châu, voi, ngựa, xe cộ, ngọc nữ, san hô, ngọc quý, âm nhạc, phụng hoàng, khổng tước. Hoặc xem mặt trời, mặt trăng, sao, bình báu, bốn loài hoa, phạm chí, đạo sĩ là những hiện tượng báo điều cát tường mà người dân các nước ưa thích. Nếu thấy được những việc trên thì họ hết lời ca ngợi, cho đây là điềm báo tốt lành của quốc gia.

Các đệ tử hỏi:

- Thừa thầy, còn có việc gì đặc biệt cát tường hơn nữa mà khi sống có ích cho bản thân, chết được sanh lên cõi trời không?

Phạm chí Ni-kiền đáp:

- Các bậc tiên sư chưa dạy việc này, trong sách vở cũng không thấy ghi chép lại.

Các đệ tử thưa:

- Thừa thầy! Gần đây nghe nói có người dòng họ Thích xuất gia học đạo, thiền định sáu năm, hàng phục ma quân, thành quả vị Phật, đầy đủ tam đạt trí vô ngại. Chúng ta hãy đến đó hỏi xem sự hiểu biết của ông ta như thế nào, có bằng thầy không?

Thế là, thầy trò hơn năm trăm người theo đường núi tìm đến tinh xá gặp Phật. Đến nơi, mọi người làm lễ rồi ngồi qua một bên. Phạm chí Ni-kiền quỳ xuống chấp tay thưa:

- Bạch đức Thế Tôn! Các nước đều có việc cát tường như thế, như thế, không biết còn việc gì cát tường nữa không?

Đức Phật dạy:

- Những điều các ông luận bàn chỉ là việc thế gian, thuận theo nó thì cát tường, trái lại thì tai họa, không thể cải hóa tâm linh, chấm dứt khổ đau được.

Pháp cát tường mà ta biết, người thực hành theo sẽ được phước báo, vượt ngoài ba cõi, an trú niết-bàn.

Bấy giờ, đức Thế Tôn nói bài kệ:

Phật tôn quý hơn trời
 Như Lai thường diễn nghĩa
 Có đạo sĩ phạm chí
 Hối cát tường tối thượng.
 Thế là Phật thương xót
 Chỉ dạy pháp chân thật
 Nếu tin ưa chánh pháp
 Là cát tường tối thượng.
 Không dựa vào trời người
 Mong cầu điều may mắn
 Cũng không cầu thần linh
 Là cát tường tối thượng.
 Bạn hiền chọn nơi tốt
 Phước đức luôn đứng đầu
 Sửa thân theo đường chánh
 Là cát tường tối thượng.
 Bỏ ác làm điều thiện
 Xa rượu, tiết chế mình
 Không đam mê nữ sắc
 Là cát tường tối thượng.
 Đa văn, giữ giới hạnh
 Siêng năng học pháp luật
 Giữ mình không hơn thua
 Là cát tường tối thượng.
 Sống hiếu dưỡng mẹ cha
 Chăm nhà lo vợ con
 Không để cho thiếu thốn
 Là cát tường tối thượng.
 Không kiêu mạn tự cao

Tri túc và biết ơn
 Siêng tụng tập kinh điển
 Là cát tường tối thượng.
 Nghe nhiều thường nhẫn nhục
 Vui thích gặp sa-môn
 Chỉ dạy liền lắng nghe
 Là cát tường tối thượng.
 Trì trai tu phạm hạnh
 Thường mong gặp hiền minh
 Nương tựa bậc minh trí
 Là cát tường tối thượng.
 Kính tin bậc đức độ
 Chỉ thành không nghi ngại
 Muốn thoát ba đường ác
 Là cát tường tối thượng.
 Tâm bình đẳng bố thí
 Cúng dường bậc đắc đạo
 Cung kính các vị trời
 Là cát tường tối thượng.
 Luôn mong lìa tham dục
 Ngu si và sân hận
 Tu tập mong thành đạo
 Là cát tường tối thượng.
 Vì bỏ điều sai trái
 Siêng tu tập chánh pháp
 Cung kính bậc đáng kính
 Là cát tường tối thượng.
 Tất cả vì thiên hạ
 Ban yêu thương rộng lớn
 Lòng nhân giúp người an
 Là cát tường tối thượng.
 Người trí trong thế gian
 Thường hành hạnh cát tường

*Tự đạt đến trí tuệ
Là cát tường tối thượng.*

Nghe xong bài kệ, thầy trò phạm chí vui mừng, tâm ý sáng tỏ, liền thưa đức Phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Thật vi diệu thay, hy hữu nhất trong đời! Do xưa nay mê mờ nên chúng con không thấy được ánh sáng. Cúi xin Thế Tôn thương xót cứu độ, chúng con nguyện nương tựa Phật, pháp và tăng, được làm sa-môn sống bên cạnh Thế Tôn.

Đức Phật bảo:

- Hay thay! Thiện lai, ti-kheo!

Ngay lúc đó tất cả đều thành sa-môn, tư duy thiền định, đắc quả A-la-hán. Vô số thánh chúng đều được pháp nhãn.

MỤC LỤC

Quyển 1

Phẩm 1. Vô thường

- | | |
|-----------------------------|----|
| 1. Đế Thích và kiếp lừa | 11 |
| 2. Quà cho người ra đi | 13 |
| 3. Đàn bò vô tri | 14 |
| 4. Lá vàng khóc lá xanh rơi | 16 |
| 5. Sắc đẹp chóng tàn | 17 |
| 6. Chạy trốn thần chết | 20 |

Phẩm 2. Dạy học

- | | |
|----------------------|----|
| 1. Ti-kheo mê ngủ | 23 |
| 2. Tâm tịnh tình dứt | 25 |
| 3. Hạnh độc cư | 26 |

Phẩm 3. Giữ giới

- | | |
|--------------|----|
| 1. Xa và gần | 28 |
|--------------|----|

Phẩm 4. Đa văn

- | | |
|---------------------------|----|
| 1. Hai vợ chồng hung dữ | 33 |
| 2. Cầm đuốc giữa ban ngày | 36 |
| 3. Tâm bệnh hay thân bệnh | 37 |
| 4. Vết thương nào đau hơn | 40 |

Phẩm 5. Lòng tin	
1. Niềm tin nhiệm mầu	43
2. Lời di huấn của cha	45
Phẩm 6. Cần thận	
1. Giá trị một bữa ăn	47
Phẩm 7. Tư duy	
1. Món quà cho bạn	49
Phẩm 8. Nhân từ	
1. Bỏ nghề săn bắn	53
2. Đôi bờ sống chết	56
Phẩm 9. Lời nói	
1. Lời thề độc	58
Phẩm 10. Song yếu	
1. Nghĩ gì được đó	63
2. Cái giá phải trả	66
3. Hương hoa thơm và tanh hôi	68
Phẩm 11. Buông lung	
1. Sa-môn tham dục	73
Phẩm 12. Tâm ý	
1. Giữ tâm ý như rùa giữ thân	77
Phẩm 13. Hoa hương	
1. Nguyện xưa đã thành	79

Quyển 2

Phẩm 13. Hoa hương	
1. Hương giới hạnh	85
2. Hoa sen giữa bùn	88

Phẩm 14. Ngu tối	
1. Một đời lo toan	91
2. Công chúa đền tội	93
Phẩm 15. Minh triết	
1. Phạm chí thiên tài	97
2. Chuyện xưa chuyện nay	101
Phẩm 16. A-la-hán	
1. Con đường tự do	105
Phẩm 17. Muôn ngàn phép thuật	
1. Người ngu chứng đạo	109
2. Cúng dường như pháp	112
3. Cúng tế thêm tai họa	114
Phẩm 18. Ác hạnh	
1. Nhân đùa quả thật	117
2. Thâm họa dòng họ Thích	119
Phẩm 19. Dao gậy	
1. Phật chăm sóc đệ tử bệnh	123
2. Thần cây khai thị	125
 Quyển 3	
Phẩm 20. Người già	
1. Xuất gia còn vương thế sự	131
2. Cơ hội tốt nhất	132
Phẩm 21. Yêu quý thân thể	
1. Tam tạng pháp sư và ti-kheo đốt	137
2. Tìm lỗi của Phật	139
Phẩm 22. Thế tục	
.. Phạm chí trà châu báu	141

Phẩm 23. Phật	
1. Chết trên đường tìm thầy học đạo	145
Phẩm 24. An ninh	
1. Ước nguyện thưở xưa	149
2. Đau khổ lớn nhất	151
Phẩm 25. Ưa thích	
1. Hạnh phúc lớn nhất	155
Phẩm 26. Phẫn nộ	
1. Mưu hại Thế Tôn	159
Phẩm 27. Trần cấu	
1. Anh chàng hư đốn ngộ đạo	163
Phẩm 28. Phụng trì	
1. Chất vấn đắc đạo	167
Phẩm 29. Đạo hạnh	
1. Đến Diêm-la đòi con	171
Phẩm 30. Quảng diễn	
1. Phương thuốc giảm cân	175
Phẩm 31. Địa ngục	
1. Lối xuống địa ngục	179
2. Thoái chí đường tu	183
Phẩm 32. Dụ về voi	
1. Chiếc chậu rửa chân	185
2. Điều phục chính mình	188
Phẩm 33. Ái dục	
1. Bên đạo bên đời	191
2. Độ người trên giàn hỏa	193

Quyển 4

hẩm 34. Ái dục

- | | |
|------------------------|-----|
| 1. Trưởng giả keo kiệt | 199 |
| 2. Ti-kheo vương lụy | 121 |
| 3. Tai họa lười biếng | 202 |
| 4. Sắc đẹp của nữ nhi | 204 |

hẩm 35. Lợi dưỡng

- | | |
|------------------------------|-----|
| 1. Cái nết đánh chết cái đẹp | 207 |
|------------------------------|-----|

hẩm 36. Sa môn

- | | |
|------------------------------|-----|
| 1. Sức quyến rũ của âm thanh | 211 |
|------------------------------|-----|

hẩm 37. Phạm chí

- | | |
|-----------------------|-----|
| 1. Niết-bàn chân thật | 215 |
|-----------------------|-----|

hẩm 38. Nê hoàn

- | | |
|-------------------------------|-----|
| 1. Hãy chiến thắng chính mình | 219 |
|-------------------------------|-----|

hẩm 39. Sinh tử

- | | |
|-------------------|-----|
| 1. Khóc thương ai | 223 |
|-------------------|-----|

hẩm 40. Lợi ích của đạo

- | | |
|----------------------|-----|
| 1. Vội quên quá khứ | 227 |
| 2. Chế phục voi thần | 230 |
| 3. Trả thù | 231 |

hẩm 41. Cát tường

- | | |
|-------------------------|-----|
| 1. Cát tường tối thượng | 237 |
|-------------------------|-----|

KINH PHÁP CÚ THÍ DỤ

Hán dịch: Sa-môn Pháp Cự và Pháp Lập

Việt dịch: Thiện Thuận, Nguyễn Trang

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

A2 - 261 Thụy Khuê - Tây Hồ - Hà Nội

Điện thoại: 04. 39260024

Email: nhaxuatbanhongduc@yahoo.com

Chịu trách nhiệm xuất bản:

BÙI VIỆT BẮC

Biên tập: Nguyễn Thế Vinh

Vẽ bìa & Trình bày: Thiện Tri Thức

Sửa bản in: Lưu Quán Văn

Đối tác liên kết :

Công ty CP Văn hóa **THIỆN TRI THỨC**

In số lượng 1000 cuốn, khổ 16x24 cm

In tại xí nghiệp in Fahasa

Quyết định xuất bản số : 954-2013/QĐ-HĐ

Số đăng ký KHXB: 789-2013/CXB/18-30/HĐ, Kí ngày: 17/06/2013

In xong và nộp lưu chiểu quý 3/2013